

TẠP CHÍ

Thơ

SỐ MÙA THU 1995



n. dung

TẠP CHÍ

Thao

SỐ MÙA THU 1995

chủ trương

Lê Bi	Hoàng Phủ Cường	Phạm Việt Cường
Phan Tấn Hải	Khế Iêm	Đỗ Kh. Trâm
Phục Khắc	Nguyễn Hoàng Nam	Chân
Phương	Nguyễn Tiến	Huỳnh Mạnh Tiên
Trịnh Y Thư	Nguyễn Tiến Văn	Ngũ-Yên

thư từ, bài vở
Khế Iêm

trình bày
Phạm Hoán

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92642



Phụ bản Thái Tuấn

MỤC LỤC

Bìa Ngọc Dũng/ Phụ bản Thái Tuấn 1/ Mục lục 2/ Thư tòa soạn 3/ Phan Tấn Hải, Tinh Phần Mảnh 4/ Du Tử Lê, Tôi Nào? (thơ) 8/ Tô Thùy Yên, Thơ 9/ Lê Đạt, Thơ 11/ Đỗ Lai Thúy, Về Một Xu Hướng Đổi Mới Thi Pháp Thơ Hiện Nay 13/ Nguyễn Tiến, Thơ 17/ Thường Quán, Mất Hạ (thơ) 20/ Thanh Thảo, Hà Nội Nhìn Từ Phía Tôi (thơ) 21/ Trần Hữu Đinh, Lại Nói Về Bản Sắc Dân Tộc và Thơ Hôm Nay 23/ Khế Iêm, Thơ 27/ Ý Nhi, Dương Bích Liên Mùa Đông 1988 (thơ) 30/ Nguyễn Trọng Tạo, Đồng Dao cho Người Lớn (thơ) 32/ Ngô Thế Oanh, Viết Theo Nhã Ca (thơ) 33/ Ngu-Yên, Tuyển và Giới Thiệu The Best American Poetry 1994, 34/ Thơ 41/ Chân Phương, Biển là Một Tờ Kinh (thơ) 45/ Tưởng Niệm Văn Cao 48/ Một Vài Ý Nghĩ về Thơ 51/ Nguyễn Đăng Thường, Thơ 54/ Huỳnh Mạnh Tiên, Bốn Phrăng Bảy (thơ) 56/ Trầm Phục Khắc, Thơ 58/ Lưu Hy Lạc, Thơ 60/ Đoàn Nhật, Rừng Lạ (thơ) 61/ Đỗ Quyên, Thư Về Thơ 62/ Nhật Ký Không Ngày Tháng (thơ) 66/ Trần Ngọc Tuấn, Hoa Hà Nội Hôm Nay (thơ) 68/ Đỗ Kh., Thơ 69/ Nguyễn Đỗ, Không Đề trước Cổng (thơ) 71/ Jorge Luis Borges, Borges và Tôi 72/ Phan Đan, Etude 487-A (thơ) 74/ Đới Vọng Thư, Một Vài Ý Nghĩ về Thơ 75/ Diễm Châu, Bốn Bài thơ Hoa Kỳ và Một Bài Thơ Do Thái cho Việt Nam (thơ dịch) 77/ Nguyễn Hoàng Nam, làm Cha (thơ) 82/ Thụy Khuê, Bóng Chữ của Lê Đạt (đọc sách) 87/ Triều Hoa Đại, Đêm Tối (thơ) 103/ Phan Ni Tấn (ND), Yêu dấu (thơ) 104/ Lê Giang Trần, Lời Sao Băng (thơ) 105/ Sử Mặc, Đan Diú (thơ) 106/ Như Hạnh, Lời của Mùa Đông (thơ) 107/ Ngô Minh, Những sự Lạ trong Làng Thơ Hôm Nay 109/ Lâm Thị Mỹ Dạ, Thiên Thạch (thơ) 114/ Nguyễn Lương, Ta (thơ) 116/ Ngô Tịnh Yên, Dự Cảm (thơ) 117/ Nguyễn Văn Cường, Chảy Ngược (thơ) 118/ Nguyễn Lương Ngọc, Ấn Úc Mỹ Sơn (thơ) 119/ Ngô Minh, Thơ Tiên Bạ Lên Đường Đi Học Trường Nguyễn Du (thơ) 120/ Nguyễn Ước, Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du 121/ Lê Thánh Thư, Ngày Lễ (thơ) 130/ Thận Nhiên, Tina (thơ) 131/ Huy Tưởng, Kịch Bản Màu (thơ) 132/ Nguyễn Tấn Cứ, Tôi Xin Phát Biểu (thơ) 135/ Kể Sĩ, Từ Điển Thơ 137.

Kỷ niệm một năm Tạp chí THƠ, là ném ngược thời gian nhìn về khởi điểm. Thơ tự thân, đã là những cuộc cách mạng từng giây phút cuộc viễn du lạ kỳ trong vòng quay không thời gian. Nhưng sẽ là hoang tưởng nếu thơ không đánh động được người đọc và người làm thơ sẽ chỉ là kẻ độc hành đi vào đêm tối. Thước đo hôm nay sẽ không giống với hôm qua và sắp xếp lại trật tự chữ viết, sẵn lòng giá trị khác, cũng chỉ là cách trở về với chính thơ. Bình minh của thơ, đang có những mầm hạt mới và thơ VN, chắc hẳn rồi sẽ hồi phục sau bao năm bị du vào những xoay vần của thời thế. Điệp này đòi hỏi một nỗ lực chung của mỗi người chúng ta, người đọc và người viết.

THƠ

TÍNH PHẦN MẢNH

Phan Tấn Hải

Cách nhìn thế giới khác nhau có thể đưa tới (hoặc cản tới) các mô tả khác nhau về thế giới. Nếu nhìn thế giới như một toàn thể (wholeness) thì cách mô tả phải là một cái gì trật tự, hợp lý, đầy đặn; tất cả đều có thể giải thích được theo một định luật minh bạch. Trái táo rơi thì noon nhiên là theo luật trọng lực; tinh tú xoay vẫn thì đương nhiên là theo luật vũ trụ hấp dẫn. Nếu có chút gì chưa giải thích được thì là vì khoa học chưa tìm được một hằng số để đưa vào công thức ch vui lòng các nhà bác học. Dostoyevsky rồi cũng phải đầu hàng tổ giáo: Sau khi cho chàng Ivan khởi tâm và Smerdyakov thô bạo giết bố (tức giết Thượng Đế) lại phải cho tâm hồn thơ mộng của cậu út Alyosha cứu vãn trật tự

Nhưng nếu nhìn thế giới như những phần mảnh (fragmentation) thì phải phê diễn được tính hỗn loạn, tính phi lý, tính bất khả vừa vặn; tất cả đều không giải thích êm xuôi được, mà phải luôn luôn rơi trong những ngờ vực bất minh. Trái táo rơi thì cứ rơi, tinh tú xoay vẫn thì cứ xoay vẫn, nhưng không có nghĩa là tất cả đều hợp lý, tất định. Từ khi Heisenberg tìm ra định luật bất định trong lý thuyết về quantum thì người ta biết là không thể giải quyết tất cả bằng công thức được. Tại sao con người không bao giờ nhận diện được Thượng Đế, tại sao chàng Samsa của Kafka một hôm biến thành sâu bọ, và tại sao cứ là Từ Hải thì phải chết? *Thế giới là hàng loạt những hư vỡ và không thể ráp lại cho vẹn toàn.*

Thử hình dung như chúng ta đang đứng trước một tấm gương và nhìn ảnh mình trong gương. Giả thiết rằng, để tiện lý luận, ngoài khuôn mặt không có chi hết.

Chúng ta có thể nhìn vào mũi, vào môi, vào tóc, vào mắt trái, vào vân vân. Tất cả vẫn trong một toàn thể dù là ta đang nhìn chỉ vào một phần, một mảnh. Nếu không trong một hòa điệu - dù xấu xí thế nào đi nữa - thì không thể là một khuôn mặt.

Nhưng giả sử, cũng để thử thêm một điều, ta đập vỡ tấm gương và

rồi ráp lại. Khuôn mặt trong gương bấy giờ luôn luôn là những *phần mảnh* trong cuộc đi tìm cái *toàn thể* bất định. Khuôn mặt dù có đẹp thế nào đi nữa thì cũng cho ta cái cảm giác ngậm ngùi, bất an, kinh hoàng, mong manh, dễ hư vỡ: Chúng ta đang tiếp cận với hư vô, có thể là đang gần hơn hoặc đang đối diện. *Nhưng có thật đây vẫn còn là một khuôn mặt hay đã biến thành trăm ngàn khuôn mặt trên trăm ngàn mảnh vỡ?*

Sự hỗn loạn ở đây đã tạo thêm nhiều chiều kích mới để nhìn cuộc đời. Thế giới không còn chỉ ba chiều, nhưng đã trở thành một cái gì không đo lường nổi. Chúng ta đối diện nó, và như chết ngộp trước cái bí hiểm, tối tăm, đầy đe dọa--từ cuộc đời, từ thế giới. Và cái văn chương cho trường hợp này hiển nhiên không còn được quyền là cái văn chương của không gian ba chiều về một thế giới xảy ra trong thời gian vật lý.

Thử hình dung khi đứng trước một tác phẩm hội họa (hoặc điêu khắc) và một bài thơ. Chúng ta ở đây sẽ là người xem (nhìn, ngắm) tác phẩm hội họa, và sẽ là người đọc (ngâm, nghiền ngẫm) bài thơ.

Điều đầu tiên dị biệt khi đối diện tác phẩm hội họa đây là, chúng ta có thể chọn cách nhìn hoặc từ xa tới gần, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ các đường chéo góc, hoặc ngược lại. Hoặc từ *toàn thể* tới từng *các phần mảnh* khác nhau, hoặc ngược lại. Nghĩa là người thưởng ngoạn tự chủ động cách nhìn ngắm, bất kể họa sĩ (hoặc điêu khắc gia) bố cục như thế nào.

Nhưng trước một bài thơ, người thưởng ngoạn phải đọc từ trên xuống, từ trái sang phải, từ tựa bài tới dòng cuối, bất kể nhà thơ bố cục như thế nào (trừ trường hợp loại thơ cụ thể, concrete poetry, chủ nhiều cách trải chữ làm hình). Hình như không có ai đọc ngược từ dưới lên, từ phải sang.

So sánh trên cho thấy điều gì?

Không đơn giản chỉ vì dùng hình ảnh (hoặc màu) khác dùng lời. Có lẽ, cũng nên đề dặt, vì thơ thường nhiều tính truyện hơn. Hiển nhiên điều này đúng với *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*...

Nhưng khi tính truyện bị giảm trừ, hoặc tính phi truyện đây đặc hơn thì sao? Người đọc vẫn phải đọc theo cách nhà thơ muốn, nghĩa là trong một bố cục định sẵn. Dĩ nhiên người đọc vẫn có quyền đọc kiểu nhảy dòng, kiểu ngược chiều, kiểu đung đầu đọc đó. Như vậy thì sẽ nhìn bài thơ trong một ánh sáng khác với cách nhà thơ trình bày, không phải là một *toàn thể* như đã được trải trên giấy. Nghĩa là đọc kiểu như nhìn ngắm một bức tranh, nghĩa là cách đọc *phần mảnh*, bất kể điều này có hợp ý nhà thơ hay không.

Nếu đọc *Kiều* như vậy thì chỉ có thể nhận được những câu hay, chữ đẹp, nhưng toàn cốt truyện ly kỳ, cảm động sẽ biến dạng theo hàng ngàn kiểu khác nhau (có thể thử ráp lung tung các trang, các chương, các dòng

vào nhau). Thí dụ như nếu Kiều gặp Từ Hải trước rồi gặp Kim Trọng sau, thì có thể Kiều không còn mê nổi chàng Kim vì sẽ thấy chàng thư sinh này quá ư yếu đuối và sườn sườn. Tuy nhiên đó vẫn là một so sánh trong giả thiết rằng tính truyện là cái tối cao chi phối bài thơ.

Trong trường hợp câu lục vẫn là sáu chữ, câu bát vẫn tám chữ, và cứ trên vẫn với dưới thì đó là một thế giới đầy đặc, tròn trịa, cho dù cốt truyện có đau khổ, hư vỡ thế nào đi nữa; thế giới vẫn là một trật tự hợp lý. Nhưng khi câu lục không còn là sáu chữ (năm, hoặc bảy) hoặc bị ngắt làm hai (hoặc ba) dòng, và tương tự với câu bát, hoặc chữ cuối không còn vẫn bằng nữa, thì đây hiển nhiên là một thế giới của rạn vỡ, của bất toàn; thế giới không còn là một trật tự hợp lý nữa, nó đã biến dạng thành cái gì phi lý, khó hiểu, hết như những hỗn loạn đang diễn ra trước mắt nhân loại.

Hình như không nhất thiết rằng hình thức sẽ quy định nội dung, và ngược lại. Tuy nhiên nếu thật sự trong lòng nhà thơ hoàn toàn không còn một chút trật tự nào thì tất cả, hình thức và nội dung, sẽ không cách chi nằm trong một trật tự khả nhận.

Nếu nhà họa sĩ có thể cho khuôn mặt người đau khổ lệch lạc, méo mó, đầy những nét rạn như kính vỡ, thì tại sao nhà thơ phải giữ đúng những quy luật tả người, tả cảnh, bằng bằng trắc trắc?

Tới đây chúng ta thấy có hai cách nhìn thế giới khác nhau. Cách thứ nhất nhìn thế giới như một toàn thể, hòa điệu, hợp lý, y heat như các định luật vật lý kiểu Newton; chuyện gì cũng có thể giải thích. Cách thứ nhì nhìn thế giới như cái gì của các phần mảnh, rời rã hỗn loạn, phi lý, không thuận theo một định luật chung; chuyện gì trên trần gian cũng cực kỳ khó hiểu, khó thể tiên đoán.

Nhưng làm sao ghi được *tính phần mảnh* trong thơ?

Những bài thơ tình của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Xuân Diệu, dù đau khổ, ray rứt thế nào đi nữa thì trong tận cùng cũng là những lời ngợi ca thế giới, những bài cảm ơn cuộc đời.

Dù bia có đề tháng sáu, dù Tố có đi với người, thì Hoàng cũng quay cuồng trong một điệu vũ chung của thế giới: đầy đặn, tròn trịa, hợp lý, dễ hiểu. Khổ đau nơi đây chỉ là một khuôn mặt đối nghịch của hạnh phúc.

Đó là những khổ đau và hạnh phúc được minh nghĩa, lý giải, không chút mơ hồ. Nếu vậy thì mọi chuyện trên đời này đều có thể tiên đoán được; vì như thế này nên tất định phải như thế kia.

Nhưng có thật mọi chuyện trên đời này đều có thể minh nghĩa và lý giải?

Thực sự là mọi chuyện đều có tính tương thuộc (dependence), nhưng

cũng thực sự là vẫn có khả năng cho tính không tương thuộc. Không nhất thiết rằng câu đầu bài thơ sẽ chạy đi đâu đó để rồi một lúc sẽ dẫn tới câu cuối. Thử nhìn qua truyện, khi nhập truyện tác giả nhắc sơ qua về một lưỡi kiếm treo trên tường thì có thể hy vọng rằng cuối truyện sẽ có một vụ xô xát (giết người chẳng hạn) và lưỡi kiếm được dùng như vũ khí. Nhưng cũng có thể lưỡi kiếm sẽ bị quên đi hết như bao nhiêu thứ khác trong đời--nó cứ nằm như thế, chỉ được nhắc một lần vì trí nhớ vỡ vụn (và có thể vì bố cục vỡ vụn) của người viết. Tuy nhiên, những thứ vỡ vụn, phần mảnh đó vẫn theo một trật tự mà chúng ta không lý giải minh bạch được.

Thế giới của chúng ta thực sự vẫn đầy những hỗn loạn, nhưng là một hỗn loạn trong trật tự riêng. Trong lời tựa vào sách *Chaos* (Hỗn Loạn) của tác giả James Gleick, do nhà Penguin Books phát hành 1987, về lý thuyết hỗn loạn nơi trang 8 có viết:

“Một chút dị biệt nơi lực truyền vào có thể nhanh chóng trở thành những dị biệt khổng lồ nơi lực truyền ra--một hiện tượng được khoa học mệnh danh là ính tương thuộc nhạy cảm về các điều kiện tiên khởi. “Thí dụ như về thời tiết, điều này được diễn dịch kiểu nửa-đùa-nửa-thật với tên gọi Ảnh Hưởng Bướm (Butterfly Effect)--với cách nói rằng một con bướm đập cánh hôm nay ở Bắc Kinh có thể tạo nên một loạt bão tháng sau ở New York.”

Gọi là nửa-đùa-nửa-thật, nhưng đối với khoa học hỗn loạn thì không có chút gì là đùa. Người đầu tiên khám phá ra hiện tượng này là nhà khí tượng học Edward Lorenz. Thoạt tiên ông dùng hình ảnh một con chim hải âu, nhưng tên gọi hiện tượng này cuối cùng được chọn theo bài ông thuyết trình trước American Association for the Advancement of Science ở Washington ngày 29.12.1979, nhan đề, “Tính Khả Đoán: Một Con Bướm Đập Cánh ở Ba Tây Có Thể Gây Bão ở Texas Không?” (Predictability: Does the Flap of a Butterfly Wings in Brazil Set Off a Tornado in Texas?).

Và như vậy, tại sao thế giới này đầy những mảnh rời--tương thuộc hoặc không tương thuộc--mà thơ cứ buộc phải là những chuyện kể dễ hiểu, lâm ly, cảm động?

Hình ảnh nào thực sự chuyên chở đúng được cuộc đời và thế giới - một tấm gương phản ánh đúng một khuôn mặt,

hay là
những mảnh gương
vỡ đầy trăm
ngàn khuôn
mặt khó hiểu?

DU TỬ LÊ

Tôi Nào?

cây song sinh hai bên đường
suối, tươi âm cảnh khuôn buồn khung, tôi
rừng trời / hương/ nuôi môi, vui
trái khuya rụng / đở / góc thối, nôi, chờ

mưa song sinh sau chia, lia
chấn thương khí quyển bão vừa xả tang
sông hồi tâm / gương/ đen / đêm
lon con ký ức, lền, khên bóng, chiều

tôi Lê. Lê. Lê. Lê nào?

TÔ THÙY YÊN

Đi Về

Khuya rồi, nước đã đầy trăng
Đi về suốt bãi sông Hằng gặp ai?
Lạnh trời, đâu lửa hơ tay?
Đêm còn, cứ bãi sông này lại đi.
Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì,
Nước rào, trăng rạt, ta thì mỗi mê...
Chầy khuya, nước ủ trăng ê,
Uổng công, bãi ấy đi về một ta...
Mãi rồi, trời cũng sáng ra
Phần trăng trắng lặn, phần ta ta về.
Vẫn sông, vẫn bãi bốn bề,
Sang đêm, ai nữa đi về gặp ai?

Thao Thức

Những tàn thuốc vờn bay quuyến quýt
Rồi cũng lắng chìm,
Cũng tắt nguội.
Người đi qua chừng đã đi xa...
Ôi nẻo mơ hồ, tiếng đuổi kiệt...
Chớ ngủ lại,
Những chân trời thư đuổi nguội ngoai.
Gió lờn rờn mê mỗi ru hời
Trăng cô quả bấy lâu dầu dãi
Sầu biếc rọi không gian
Muôn trùng cát dải trôi nhẩn nhú
Đùa lãng quên biên biệt tiếc thương
Như xiêm áo thời gian rũ bỏ...
Ai là ai đau đầu chờ ai
Trời đất nhớ hoa hồn huyễn mộng
Ngui ngút khuya thiên cổ dậm mù...
Vô vọng hình hài không nhắc nổi
Tiếng kêu cứng nghẽn cổ u tình
Thao thức nghìn đời con mắt đỏ,
Gã nhân sư
Hồn ngắt tạnh
Mơ âm u
Thân kiếp nặng nề.
Người xa không trở lại
Người xa không trở lại
Bao giờ.

LÊ ĐẠT

Thanh Minh

Lúa con gái
lam rùng rình nổi nhớ
Lá hát tình
nắng tỏ
 bạch đàn chanh
Nợ cũ khối xương rồng hoa trả đũa
Hương thấp gọi ba lần
 không đáp lửa
Hồn có nhà
 hay bát mộ đi xanh

Bóng Chữ

Chia xa rồi anh mới thấy em
Như một thời thơ thiếu nhỏ
Em về trắng đầy cong khung nhớ
Mưa mấy mùa
 mây mấy độ thu
Vườn thức một mùi hoa đi vắng
Em vẫn đây mà em ở đâu
Chiều Âu Lâu
 bóng chữ động chân cầu

Địa Đầu XXI

Trắng mặt là tuyết rơi
Trắng lưng là tuyết đổ
Cái trắng địa đầu
nạ nộ

Họ đi triền miên
như tổ tiên
điên
rừng tiền sử

Hai chân sau
chung chiêng đứng thẳng vùng ẩn số
Hai chân trên
nghề ngào phôi chữ
một khai nguyên

VỀ MỘT XU HƯỚNG ĐỔI MỚI THI PHÁP THƠ HIỆN NAY

Đỗ Lai Thúy

1. Văn học Việt Nam, nếu nhìn từ thế kỷ X trở lại đây, có thể chia thành hai giai đoạn. Chín thế kỷ đầu là thời gian văn học dân tộc tiến đến sự hòa nhập vào khu vực, từ cơ tầng Nam Á và Đông Nam Á chuyển sang Đông Á, còn thế kỷ sau cùng, thế kỷ mà chúng ta sắp sửa kết thúc, là hành trình tiến tới sự hòa nhập vào văn học của thế giới hiện đại. Đến đây xin mở ngoặc nói thêm, tôi nói hòa theo nghĩa *hòa nhi bất đồng* còn dân tộc thì không phải là một thực thể khép kín, nhất thành bất biến, mà là một khái niệm mở, luôn biết tiếp nhận những yếu tố ngoại sinh để tự làm phong phú mình. Bởi vậy *thế* đi của văn học Việt Nam thế kỷ XX là hiện đại hóa, thế giới hóa. Tuy nhiên, do *lực*, nhất là nội lực, chưa đủ mạnh, nên hành trình này không phải là con đường thẳng, đơn tuyến và không có những khúc quanh. Nhưng xã hội đã hiện đại hóa thì không có cơ sở gì mà văn học không hiện đại hóa. Có điều trên thực tế, đôi bên nhiều khi có sự lệch pha thời gian. Có nhiều người, nhất là những bậc trưởng thượng, thường cho rằng văn chương chỉ cần *hay* xá gì *mới*, *hiện đại*! Đúng vậy, mới, hiện đại chưa chắc đã hay, càng không đồng nghĩa với hay. Nhưng thơ Đường cách ta hơn ngàn năm mà nay đọc vẫn thấy xúc động, vẫn thấy hay, vậy ta có nên cứ viết theo thi pháp của thơ Đường không? Hơn nữa, người ta có thể bắt chước được bút pháp Đường thi, nhưng liệu có túm bắt được cái hồn Đường thi, sản phẩm của một thời đại tổng hợp triết học Phật giáo và triết học Lão Trang? Thiết tưởng, những câu hỏi này đã được thực tiễn của phong trào Thơ Mới trả lời rất đẹp rồi. Ở đây tôi chỉ xin nhấn rằng cái hay (cái đẹp) thuần túy của thơ muôn đời có thể chỉ là một, nhưng sự hiện thân của nó ở mỗi thời mỗi khác tùy theo *hồn thời đại*. Bởi vậy, mỗi nhà thơ phải có một tiếng nói riêng, thi pháp riêng để giáng lâm cái hay muôn thuở, cái đẹp phi hình thể của thơ. Tôi phải mào đầu một cách “biết rồi, khổ lắm, nói mãi!” như vậy, chẳng qua là tạo một ngôn ngữ chung và một toàn cảnh để thấy những tìm tòi về thi pháp của thơ hiện nay cũng là chuyện bình thường, nằm trong mạch đi chung của đất nước và thời đại.

2. Tôi không đồng với những ý kiến cho rằng thơ hôm nay về cơ bản là sự *nổi dài* hay *mùa quả chín* của Thơ Mới (tức thơ Lãng mạn, Tượng trưng, và Siêu thực xuất hiện trước 1945), bởi vì thơ hôm nay được xây dựng trên một cơ sở hoàn toàn khác với Thơ Mới. Thơ Mới là tiếng nói của cái tôi cá nhân, của tầng lớp trí thức đô thị bấy giờ. Thi nhân thuở ấy làm thơ để hóa giải những dồn nén của phận người, những khắc khoải siêu hình. Đó là sự đột khởi của một quá trình hỗn dung văn hóa Đông Tây được chuẩn bị từ trước đây. Chính không khí này đã đẻ ra một lứa thi sĩ có tài và trình độ văn hóa kịp chín khi tuổi đời còn rất trẻ, điều kiện thiết yếu để họ làm cuộc cách mạng thơ. Thơ Mới đã đạt được những đỉnh cao trong Lãng mạn (Thế Lữ), một phần ở Tượng trưng (Bích Khê, Phạm Văn Hạnh) và Siêu thực (Hàn Mặc Tử). Nó bị kiệt lực với Xuân Thu Nhã Tập, một trường thơ kém năng sản, bởi sự lỗi nhịp giữa một cá nhân tôi và một cái ta siêu hình, giữa một đầu óc duy lý Phương tây và một lý thuyết đạo học áp dụng vào thơ kiểu phương Đông vốn cần trực giác. Hơn nữa, đó cũng là sự kiệt lực của cái tôi cá nhân vốn thiếu cơ sở văn hóa - xã hội, không chịu nổi gánh nặng cô đơn, nên muốn hòa tan mình vào cái ta. Bởi vậy, khi Cách Mạng Tháng Tám đến, hầu hết các nhà thơ đều chào đón và sau đó tự nguyện tham gia kháng chiến, tự nguyện hòa cái Tôi của mình vào cái Ta cộng đồng, cái ta dân tộc. Như vậy, thơ kháng chiến đã được xây cất trên một cơ sở hoàn toàn khác với Thơ Mới: từ đối tượng thường thức thơ, chức năng thơ, đối tượng cảm xúc của nhà thơ đến ngôn ngữ nghệ thuật. Đây cũng là sự nở rộng đường biên của thơ, nhất là về mặt xã hội.

Từ cơ bản khác nhau này, thơ kháng chiến ắt phải có một thi pháp khác với thi pháp Thơ Mới. Bởi lẽ, thi pháp đầu phải là chuyên kỹ thuật thuần túy, mà đằng sau nó là quan niệm thẩm mỹ, là tư tưởng triết học, là cái nhìn thế giới. Đây đó người ta có thể thấy những câu thơ, những bài thơ về thân xác giống giống Thơ Mới, nhưng thực ra chúng chỉ là những mảnh vỡ của một thi pháp trước còn vương lại. Ai cũng thấy *Mùa xuân trên biển*, *Bến Trung Hà*... như có hơi bướm của *Buồn đêm mưa*, *Tràng Giang*, nhưng đó không còn là thi pháp của *Lửa thiêng*, mà là thi pháp của một Huy Cận hậu Thơ Mới. Vậy thi pháp của thơ kháng chiến thế nào? Có thể đó là sự gia tăng của yếu tố truyện kể, của chất văn xuôi, sự mở rộng đề tài, đại chúng hóa ngôn ngữ, không gian nông thôn, con người xã hội, ít chất nội tâm và thiếu vắng những bản khoán siêu hình? Rất cần các nhà nghiên cứu, phê bình mô tả và nhận diện nó. Riêng tôi có cảm giác rằng thi pháp thơ kháng chiến không đơn thuần phát triển trên cơ sở Thơ Mới mà trên cả nền tảng truyền thống của thơ trước 1930, thơ của các chí sĩ Cần Vương, các chiến sĩ cách mạng và sau này của thời Cách Mạng Tháng Tám. Hơn nữa nó mang được cái hồn của thơ ca dân gian. Những bài thơ hay nhất của Tố Hữu là một dẫn chứng sinh động về nhận xét này. Tuy nhiên, thơ sau 1945 không phát triển đơn tuyến mà luôn luôn có những lối rẽ, những

cành nhánh. Phải chăng đó cũng là bản chất của nghệ thuật: cái đẹp hình thể riêng biệt do sự sáng tạo cá nhân, và nhà thơ, dù hữu thức hay vô thức, đều khao khát biểu hiện mình. Bởi vậy, đã có rất nhiều những tìm tòi các hình thức biểu hiện riêng, nhất là sau năm 1975. Có thể nói về một sự được mùa các nhà thơ. Trong một nhát cắt đồng đại, người ta thấy đồng tồn khuôn diện của các nhà thơ đủ mọi thế hệ. Một sự tìm kiếm đa phương có vẻ gắn với một ứng xử xã hội: Có sự đi từ cái ta cộng đồng sang cái ta triết lý. Có sự trở về với cái tôi cá nhân riêng tư. Có sự đi tìm một hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, đi tìm những chiều kích mới của tâm hồn... Trong sự đa giọng điệu đó, người ta thấy sự sù sì, khô khốc của Thanh Thảo, sự buông thả phá cách của Ý Nhi, cái cô đọng suy tư của Trúc Thông, cái hóm hỉnh dân dã của Nguyễn Duy (rất khác với Nguyễn Bính), cái bất chợt mà thâm trầm sâu sắc của Hữu Thỉnh... Tuy vậy, tôi vẫn có cảm giác là các nhà thơ này chưa chịu “chơi hết mình”, đẩy tới cực hạn những tìm tòi của bản thân.

3. Gần đây người ta bàn nhiều đến những tìm tòi thi pháp của Hoàng Hưng (*Ngựa biển, Người đi tìm mặt*), Trần Dần (*Cổng tỉnh* và một số bài thơ lẻ tẻ), Đặng Đình Hưng (*Bến lạ, Ô mai*), Lê Đạt (*Bóng chữ*), Nguyễn Quang Thiều (*Sự mất ngủ của Lửa*)... Kể ra đây cũng chỉ là một trong những sự đi tiếp những tìm kiếm sau Thơ Mới của Trần Mai Ninh (Nhớ máu), Hữu Loan (Đèo cǎ), Nguyễn Đình Thi (Đêm mít tinh) trong kháng chiến chống Pháp, đi tiếp con đường hiện đại hóa thơ theo yêu cầu của thế kỷ.

Ở đây, trước hết là sự thức nhận ngôn ngữ thơ. Hóa ra, trong thơ ngôn ngữ không phải là con đò.

Những tìm kiếm để nở rộng ngôn ngữ thơ ở mỗi người mỗi khác, cả mức độ lẫn hướng đi. Thơ nói chung, dựa vào cả hai bình diện âm thanh và ngữ nghĩa. Những thử nghiệm có khi cực đoan chỉ nhấn vào một bình diện. Có sự đẩy tới mặt âm thanh. Xu hướng “thơ âm thanh” này có thể quyến rũ người đọc bởi một thứ âm nhạc mơ hồ, đôi khi, nói được những điều mà ngôn ngữ người bất lực. Nhưng khác với âm thanh của âm nhạc, âm thanh của ngôn ngữ người là âm thanh có nghĩa, nên thơ không thể lạm dụng hình thức âm vô nghĩa này. Trên thực tế, thơ ca cũng chưa từng biết đến tác phẩm nào theo “thuyết âm chữ” (Iettrisme) mà đứng vững được với thời gian, nhưng việc sử dụng nó như một thủ pháp thơ để làm giàu mình thiết tưởng cũng là cần thiết. Một xu hướng khác lại nghiêng về khai thác mặt ngữ nghĩa của ngôn ngữ thơ, bỏ qua những hài âm, vần điệu, ngắt dòng..., để chú trọng vào ẩn dụ. Đấy đến cùng, đó là “thơ ngữ nghĩa” với *Ô mai* của Đặng Đình Hưng. Loại “thơ văn xuôi” này đã được thơ thế giới khẳng định với *Một mùa ở Địa ngục* của Rimbaud, ở Việt Nam trước 1945 với *Giọt Sương Hoa* của Phạm Văn Hạnh...

Có một điều vẫn làm tôi thắc mắc là những đổi mới về thi pháp này so với nền thơ chung hiện nay không thể là “ghê gớm”, là “đảo lộn” so

với sự cách tân của Thơ Mới đối với thơ thất ngôn bát cú. Vậy mà thời ấy, sau chút ngỡ ngàng về sự ngô nghê của Xuân Diệu, người ta chấp nhận ngay Thơ Mới, và tôn vinh nhà thơ “Tây” nhất này là ông Hoàng thi ca.

Có thể bấy giờ bạn đọc, dù là bạn đọc thông thường, cũng không lạ gì Hugo, Baudelaire, Rimbaud, Verlaine... Thơ Mới dễ được chấp nhận vì nó đáp ứng nhu cầu của chính bạn đọc. Ngày nay, có thể, sau bao năm chiến tranh, sự tiếp xúc trực tiếp và đồng thời của độc giả Việt Nam với thơ hiện đại thế giới còn ít ỏi. Người ta hay dị ứng với cái lạ và chưa có nhu cầu đổi thay mỹ cảm. Bởi thế, những tìm tòi về thi pháp thơ này còn chưa giành được thiện cảm của số đông.

Ở đây tôi muốn nói thêm một điều rằng thay đổi là một chuyện, còn thành công và thành công đến đâu lại là một chuyện khác. Nếu thơ là một cuộc chơi, thì người dám cược cả đời mình vào cuộc chơi may rủi này, thiết nghĩ, đáng được tôn trọng. Có người ví thơ thể nghiệm giống như thuốc tây đang chế thử chỉ nên để trong phòng thí nghiệm chớ bán ra. Nhưng thơ không phải là thuốc và phòng thí nghiệm của thơ là thời gian và công chúng. Huống hồ, những đổi thay thi pháp hiện nay không còn ở dạng thể nghiệm nữa. Có thể sự tiếp nhận thơ này còn ít. Nhưng, biết đâu, với thời gian, với sự mở cửa của đất nước, với sự tiếp xúc thông tin hiện đại..., số phận của nó sẽ khác.

4. Nhân loại hiện nay đang bước vào một bối cảnh văn hóa mới: từ nền sản xuất công nghiệp hiện đại tập trung quy mô lớn (mà đằng sau nó là các bãi phế thải) sang nền sản xuất tin học phi tập trung hóa quy mô nhỏ và vừa (nền văn minh trí tuệ), từ sự duy lý cực đoan, duy khoa học tìm về với minh triết, với trực giác, từ chủ nghĩa cá nhân đối lập với cộng đồng đến cá nhân hài hòa với cộng đồng...

Trong nền văn hóa này, những yếu tố bấy lâu nay vẫn được coi là ngoại vi (của thế giới) sẽ đi vào trung tâm. Sự hòa nhập của văn học Việt Nam vào thế giới trong khung cảnh đó sẽ có nhiều khó khăn nhưng không ít thuận lợi. Vấn đề là ở chỗ trong tiếp xúc với người tự điều chỉnh mình, và dẫu có hòa nhập thì thơ Việt Nam không thể bỏ mất cái địa chỉ tinh thần của nó đó là tâm hồn Việt Nam, văn hóa Việt Nam. Thơ, với sự nhạy cảm vốn có của nó, hình như đang làm điều này. Những nhà thể nghiệm, sau khi đã biết được giới hạn của “vật liệu” ngôn từ và ngưỡng tâm lý dân tộc, biết bình tĩnh hơn. Còn những nhà thơ ưa thích sự quen thuộc cũng dần dà thắng được cái “bản năng thứ hai” của mình để hướng về thế kỷ 21. Sự chuyển mình đồng bộ này sẽ làm cho các cuộc tranh luận về thơ mang tính chất học thuật hơn xứng với tầm của những vấn đề do bản thân thơ đặt ra. Một cuộc “cách mạng thơ ca” mới mà mọi người đều hy vọng chỉ có thể thực hiện được khi số đông các nhà thơ đều bắt tay vào và công chúng thấy là cuộc “cách mạng của mình” trong một bối cảnh văn hóa mới.

NGUYỄN TIẾN

Đã Mùa

mật tháo chảy ngoài rột
đầy lưng
vừa hồ hương tóc ngủ
đôi quỳnh

trống hoắc
đồng khuya ran chảo nóng
mùn da
bóng chim què nhòe giấc
ai (?)
điếu khúc
gió rỗng nách đậm cùng sào huyết

đã mùa

bước nhón đêm
ướt sồn trắng

Thủy Chấn

sủi bọt
rùng đáy
cốc
nước xoáy bù lon
chiếc cầu thang
tra đình xoắn
ốc
tầng bốn hay tầng ba
lầu cao vấy
tốc

mút tay loài thổ phỉ hương
lũng mùa tê thấp
hương trầm hương
trệt

Xe Điện Ngâm Tám Chân

gió thổi rất bốc trần mạn ngược
trôi về xuôi
những con nước quẩn cong những giòng sông
vọt bề

những mây thốn trắng những mắt hỏn sao
những khung trời
dạt dào
tiếng hỏi

mây hỏi trắng mắt hỏi sao
mây đâu hỏi mắt đâu

con ngựa lỏng bốn bánh
xe điện ngâm tám chân

THƯỜNG QUÁN

Mắt Hạ

Linh hồn thơ bao thuở biếc
 chảy về đâu những đêm khuya
 đường khuya tiếng mùa hè mù miệt
 cửa vàng trên ma
 người vẫn đợi? hay bỏ đi rồi? giờ đá khuyết
 mọc xanh trên một mái nhà
 dừng lại bao nhiêu kiếp quá khứ
 chiếc xác cầu vai buông hạ
 đêm xanh những khoảng trống
 giòng nước chảy tràn vào hồ mắt
 cỏ lau run bờ trắng dại
 cánh rừng tím ngắt hoài nghi:
 ta vẫn là ta đời trước
 những vườn cây bóng tối đi qua
 trái vàng rụng ngã mùa hè
 hay lên cao hơn những mắt sao trôi xa những
 con thuyền buồn bã
 trên đó khoe môi cười lũng lạ
 cúi xuống cỏ thơm man
 đồng rơm hoang dã
 đá vẫn mang khuôn mặt ngày xưa
 già đi thêm trăm tuổi đời, trăm ngã
 khuya tàn... chẳng có gì đâu thành tựu,
 người là con mắt tha thiết và tận tụy
 đổ xuống những bờ biển xa sáng ngày chưa rạng
 hay hôm nay trên mặt hồ
 sóng tràn những cánh sườn cây khô
 đen đủi, cong, đỏ ngả, gần gũi
 ôm chầm gốc cây gió thổi lật
 những ngọn gió tươi hôn lên -
 hôn lên và
 đi qua,

THANH THẢO

Hà Nội Nhìn Từ Phía Tôi

những cơn sốc của đường phố không làm tôi kinh ngạc
 dòng xe đạp ngừng ở ngã tư mùa thu
 tôi chờ mùi hoa sữa nặng nặng từ sáu năm xa cách
 mùi lạc lõng mái ngói cổ đêm khuya
 mùi những con cá mè ướt sũng rong rêu được kéo lên qua tầng
 tầng nước sâu
 Hà Nội sao em lơ đãng với hương chuối tiêu trên nền vàng
 lấm chấm bức tranh vô thể
 sao em thích quả trứng gà xoàng xĩnh của phường nam
 tôi xin nhập vào những hạt cốm xanh trong lá sen xanh
 tôi đến cùng em đi qua bản thân mình bằng chiếc xe đạp mòn
 lớp đất nhanh lọc cọc chen giữa hàng phố mifa sáng loáng
 em nghìn tuổi năm mười tám tuổi
 em trau chuốt những đường ren trên tấm áo bạc màu
 em đào bới ngổn ngang mặc mẹ những ổ gà đường phố
 em thu nạp nón cối áo bay dép xộp để khai sinh nhiều tiếng
 lóng trử danh
 tôi nghe em vâng dạ dàng rồi ngay đó chữ thể lem lém
 em cầm tay những đối cực đi dưới vòm lá xanh
 em Việt hóa đến kinh người mỗi danh từ ngoại quốc

Hà Nội là cái gì không thể dịch
 tôi trào lên như một vại bia hơi không kèm
 ta uống với cá chuồn khô bán cất ô tem phiếu
 ta nhấm nháp thói quen vô hiệu hóa thời gian
 nâng chén rượu làng Vân hiện đại thứ cocktail thuốc rầy và
 phân đạm
 tôi uống mà nhớ
 đệ cỏ mềm ven đê
 nơi đứa trẻ phóng lên khoảng vàng lụn rắng chiều một ngôi sao
 trong lúc dòng sông di động mờ mờ

tôi nghe hơi nóng từ ngực em gấp gáp
bấy giờ tôi chưa đọc “Trăm năm cô đơn”
chưa từng biết Garcia Marquez
nhưng em thì tôi biết
em khác xa những câu văn ẩn ức những vần thơ liệt dương
em là cái gì không thể dịch

Hà Nội trong cặp lồng cơm ít ỏi của em
Hà Nội trong bàn tay phồng đập đen điếu vì nắm than của bạn
Hà Nội trong chuyến tàu điện thở rít lên
Hà Nội trong tách cà-phê pha nghiêm túc
Hà Nội phiêu du qua trang sách dưới đèn mờ giờ mở ti-vi
Hà Nội của những thi sĩ cuồng thơ của những người yêu thơ
thầm lặng

những hầm trú ẩn đã lấp rồi
tôi lộ sáng hoàn toàn
tôi dưới mưa ướt lướt thướt
sung sướng
gặp những mái hiên ấm áp bạn bè.

LẠI NÓI VỀ BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ THƠ HÔM NAY

Trần Hữu Dinh

Giần đây, nhà thơ Hoàng Hưng viết trên tạp chí Sông Hương tháng 11 năm 1994, trang 67 bài “Về bản sắc dân tộc và thơ hôm nay”. Trong bài đó có nhiều chỗ bất ổn. Xin miễn thưa gửi dài dòng, tôi có ý kiến mạo muội trao đổi cùng tác giả.

1. Trước hết, xin nói về “một lời kết”.

Giữ gìn bản sắc dân tộc, chấn hưng truyền thống tinh thần của dân tộc là một vấn đề lớn, không chỉ riêng đối với nước ta. Chúng ta đều nhất trí rằng trách nhiệm của mọi người cầm bút chân chính là phải đem hết tâm lực xây dựng một nền văn học nghệ thuật nước nhà mang đậm màu sắc dân tộc. Nhưng “Một lời kết” của anh gây cho bạn đọc hai sự hiểu nhầm:

a. Anh nói rằng “bản sắc dân tộc không hình thành một lần rồi xong”, nghĩa là anh muốn khẳng định bản sắc dân tộc không phải là một khái niệm bất biến. Cái đẹp vốn mang tính lịch sử, bản sắc dân tộc - thuộc phạm trù cái đẹp - cũng vậy thôi. Đó là điều tất nhiên, dễ hiểu; có gì mới lạ đâu mà anh “*lại thêm một dịp để thấy...*”? Hay là anh còn muốn nói gì khác nữa?

b. Anh nói “*trong thế hai mặt của bản sắc dân tộc, nhà thơ chúng ta chọn vị thế nào?*”. Nếu như 2 vị thế đó một bên là quan niệm bản sắc dân tộc một cách nệ cổ bảo thủ mà anh gọi là “*kiểu người già giữ bát hương*”, một bên là quan niệm bản sắc dân tộc mới mẻ tiến bộ hợp với “*dân tộc đang ở tư thế chàng trai xông vào trận mới*”. Cũng như anh, tôi sẽ chọn tư thế thứ hai. Điều đó cũng là đương nhiên, ai mà chẳng ủng hộ cái tiến bộ, cái mới mẻ. Hay anh còn muốn nói ý gì khác? Ý gì khác đó phải chăng là...

“*Một lời kết*” của anh gây cho người đọc hiểu lầm rằng anh đối lập giữa dân tộc và truyền thống, giữa bảo vệ truyền thống và sáng tạo cách tân. Bởi vì cũng đã một lần trước đó, trên tuần báo Văn nghệ Trung ương số 43 (22.10.1994) trong bài “*tâm sự về thơ*” anh đã nhận xét rằng: “*Ở nước ta, bất hạnh cho những người cách tân nghệ thuật là họ thường bị đồng nhất*

với vong bản, trong khi những người bảo vệ truyền thống luôn luôn được hưởng lợi thế áp đảo là được đông nhất với dân tộc”.

2. Sau nữa, quan trọng nhất là xác định bản sắc dân tộc trong thơ hôm nay.

Về truyền thống dân tộc, về bản sắc dân tộc Việt Nam nhiều người trong nước, ngoài nước đã nói. Giáo sư Trần Văn Giàu đã có hẳn một công trình chuyên khảo “Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam” (Nhà xuất bản Khoa học xã hội - 1980). Nói đến giá trị tinh thần tức là nói đến tính phổ biến, tính lâu bền và tính tích cực tác động mọi thời kỳ lịch sử. Văn học - sản phẩm tâm hồn trí tuệ con người Việt Nam - không thể không kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần truyền thống - đồng thời cũng là bản sắc dân tộc đó. Tìm bản sắc dân tộc trong văn thơ là tìm ở “hồn” của người cầm bút, cụ thể ở chỗ đứng, cách nhìn, cách cảm, cách lý giải, ở sự lựa chọn ngôn ngữ, qua nhiều dạng biểu cảm, nhiều kênh thông tin; nhưng bao giờ cũng hoặc hiện hình hoặc tiềm ẩn tiếng vọng sâu xa của dân tộc, của giống nòi. Tôi rất tâm đắc với ý kiến của họa sĩ Lê Bá Đảng - một người đã trên 50 năm tu nghiệp và hoạt động nghệ thuật ở Pháp: “Đành rằng nghệ thuật là cho tất cả mọi người, nhưng trước hết nó phải mang tính cách của người làm ra nghệ thuật và người đó thuộc về dân tộc nào. Mỗi khi sáng tác tác phẩm, hình như bắt đầu với một cái gì vương vấn thân linh đất nước, khí thiêng non sông và những tình cảm sâu sắc triu mến của tổ tiên. Một tác phẩm cao quý có thể nằm trên cả chúng tộc giống nòi, nhưng dù sao nó cũng bắt đầu từ một chấm nào đó ẩn giấu, nằm tiềm phục một cách kín đáo trong tâm linh, trí óc của tác giả và được hình thành do những âm hưởng mạnh mẽ, sâu đậm của giống nòi, tổ tiên” (Bài “Thêm một huân chương phong tặng họa sĩ Lê Bá Đảng” của Hoàng Ngọc Hiến - Văn nghệ số 43 năm 1994 trang 16).

Còn anh Hoàng Hưng, không hiểu bản sắc dân tộc trong văn thì thế nào chứ trong thơ thì anh khẳng định: “*Thơ Việt Nam sẽ là bộ phận văn hóa, giữ được bản sắc dân tộc vững vàng nhất vì nó ít thực dụng nhất, vì nó bầu vùi vào cái phương tiện mang tính dân tộc triệt để nhất là ngôn ngữ*”. Và về ngôn ngữ, anh đặc biệt nhấn mạnh: “*nằm vững những bí mật của nhạc tính tiếng Việt là bảo đảm chắc chắn nhất bản sắc dân tộc của thơ*”.

Đúng là một hồng phúc lớn khi dân tộc chúng ta có “Tiếng Việt” trong sáng giàu đẹp vô cùng. Xét về bản chất của ngôn ngữ thì nó cũng biểu hiện khá rõ bản sắc dân tộc, nhất là trong thơ. Với các thi nhân thiên tài như Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du... thì sự kỳ diệu đó càng được nâng theo cấp số nhân. Nhưng cách lập luận của anh ở đây thiếu sức thuyết phục.

a. Dù anh có nói nhờ đặc điểm đơn âm đa thanh của tiếng Việt trong

thơ nên bảo đảm: “*vững vàng nhất*” “*triệt để nhất*” bản sắc dân tộc, người đọc vẫn băn khoăn: Vậy đối với thơ cha ông ta viết bằng chữ Hán - chiếm phần lớn thời Trung Đại - thì sao? Cứ như anh nói thì những thi phẩm ấy không có cơ sở để khẳng định “*vững vàng nhất, triệt để nhất*” bản sắc dân tộc Việt Nam, thiếu những cái “*nhất ấy thơ Hán Nôm làm gì có tuyệt tác?*”

b. Văn chương thực chất là ngôn từ. Nhưng ngôn từ cũng chỉ là phương tiện. Do đâu mà có sự lựa chọn phương tiện ngôn ngữ này chứ không phải phương tiện ngôn ngữ kia? Cha ông ta chẳng những đã từng khuyên “*lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*”. Và do đâu mà có nhạc điệu độc đáo của từ, của câu thơ? Không có cái nhạc long (vô hình) của thi nhân làm sao có cái nhạc ngôn từ (hữu hình) ấy được. Anh có nói đến trường hợp những bài thơ “*đặc tây*”, những ca khúc, hòa âm khúc thức “*đặc tây*” ấy vẫn được chấp nhận như di sản văn hóa dân tộc và cho rằng nhờ “*nhạc tính của từ ngữ*”... nhờ bám vào đặc điểm đơn âm đa thanh của tiếng Việt”. Tôi lại cho rằng chủ yếu do một nguyên nhân quan trọng, sâu xa khác. Nhân đây tôi xin nêu lên một ví dụ, hãy đọc đoạn thơ này:

“*Buổi chiều thủng, buổi chiều thủng - Hàn sĩ nghe gió thuận chùng
- Có lẽ cây đi đày - Theo loài bò triết học - Làm bụi khinh đế giày - Không
khí một rồi - Hỡi bầu trời lao phổi - Có gì heo hanh mà đêm nôn ra sao -
Nhất định - Biển về hóa học - Con bò đen mon men làm quen em - Chiều
âm tính thể giới này âm tính*” (Xin miễn nêu tên tác giả). Kể ra tác giả sử dụng từ phối hợp âm thanh khá đầy đủ. Nhưng dù phân tích ngôn từ tài ba đến đâu cũng không vực nổi nội dung, không tìm đâu ra bản sắc dân tộc. Người đọc chỉ thấy nhà thơ phù phép ngôn từ thanh điệu để gieo rắc cái nhìn bệnh hoạn cuộc đời mà thôi.

c. Từ chiều hướng tuyệt đối hóa vai trò của ngôn ngữ trong thẩm định thơ ca, anh hòa điệu với một số người chia ra 2 khái niệm dòng chữ và dòng nghĩa. “*Dòng chữ muốn cắt bỏ cho ngôn ngữ thơ cái ách của ngữ nghĩa lắm khi biến nó thành con bò chở thông tin thông tục, muốn tạo nghĩa mới cho con chữ, muốn sống lại sự trinh nguyên của con âm*”. Nếu như đây chỉ nhằm nhấn mạnh chuyện chữ nghĩa, chuyện bếp núc văn chương thì có gì mới lạ! Các cụ xưa đã nói: “*Tim được một chữ đặc tâm đặc ý có khi vật trụi cả râu cằm*” hay “*đã chót vì thơ phải chuốt lời*” (Cao Bá Quát). Cớ chi phải phân định rạch ròi biên cương vậy để người đọc hiểu là cực đoan, là ngôn từ chủ nghĩa, là nhà thơ - nhà ảo thuật ngôn từ.

3. Sau khi trình bày quan niệm, anh Hoàng Hưng dành hẳn lại hai phần ba bài viết để “*thử nói về bản sắc dân tộc của một bài thơ hiện đại*”. Tôi đã mừng như đọc lại thất vọng. Anh đã chọn bài “*Bến lạ*” (tập thơ “*Bến lạ*” của Đặng Đình Hưng - Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh 11.1991). Tôi không bàn về “*Bến lạ*” có đúng là “*bài thơ đáng*

coi là hiện đại cả về quan niệm lẫn thi pháp”. Tôi chú ý xem anh “thử nói về bản sắc dân tộc” trong bài thơ đó như thế nào?

a. Từ những quan niệm đã nêu (phần đầu) anh sử dụng chúng như những thứ kính lúp soi vào từng câu chữ và khen đúng như điều mình nói. Phương pháp luận kiểu này ta đã mắc quá nhiều trong quá khứ.

b. Thì đây, anh chẳng vào từ những vần thơ cụ thể của “Bến lạ” mà nêu lên một loạt đánh giá:

- Bản sắc Việt Nam của “*Bến lạ*” ở cú pháp không duy lý, những kết hợp trong đó chức năng các chữ lẫn vào nhau tạo thành một trường đa tương tác gây nên tính đa nghĩa của câu thơ.

- Bản sắc Việt Nam ở sự thực thể hóa tài tình và bất ngờ những cái trừu tượng.

- Bản sắc Việt Nam ở nhạc tính bên trong thật phong phú nhờ phối âm các từ ngữ, nhất là khai thác khả năng gợi cảm của ngữ âm các từ láy, các từ tự tạo...

c. Anh không đề cập đến mối quan hệ giữa kỹ thuật và tư tưởng. Cách phân tích ấy làm sao người đọc hiểu và cảm được “tác lòng” của nhà thơ. Điều mà anh đã nói đến ở phần giới thiệu: “*Bài thơ là một độc thoại trong nỗi cô đơn khó lòng chia sẻ, một cuộc tổng tảo mộ*” ở cuối cuộc đời đầy bi kịch và thất bại, một dòng tâm thức rối bời, những tia ký ức khi tỏ khi mờ, những khát khao thèm thuồng vô vọng từ tâm thường đến siêu hình, những lời tự phán xét không thiếu mủ mai chua chát, thỉnh thoảng lại nhói lên những vết đau phải kêu lên thành tiếng, và ám ảnh tất cả là hình ảnh cái “*bến lạ*” bí mật quyến rũ pháp phông lời hứa hẹn đa nghĩa ở cuối cuộc ra đi sau chót” Kỹ thuật chưa tải nổi tư tưởng ấy (theo như cách phân tích của anh) thì làm sao nói được bản sắc dân tộc của bài thơ.

Dù là thử nói, nhưng nói kiểu này thì các nhà sư phạm, các nhà nghiên cứu cũng khó lòng chấp nhận.

4. Tôi cũng xin có “*Một lời kết*”:

Giá trị tinh thần truyền thống, bản sắc dân tộc là một vấn đề thiêng liêng, nhưng hiểu và vận dụng nó vào mọi hoạt động văn hóa không đơn giản. Không khéo thì hoặc nệ cổ, sùng cổ, hoặc vong bản lai căng, hoặc mượn màu khoa học dẫn đến phiến diện, cực đoan. Trách nhiệm của người hoạt động nghệ thuật là phải biết lựa chọn bảo tồn và phát huy để không ngừng hoàn thiện. Sang thế kỷ 21 hay 22 con người Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế có thể dùng một tiếng nói chung để giao lưu, nhưng tin rằng con người Việt Nam vẫn có một vẻ riêng - bản sắc dân tộc Việt Nam.

KHẾ IÊM

Dấu Quê

phà vào lũ mực
tử bằng đất nung
vói tay nhón cái phôi

pha với khói
 tí tách
 con mắt góc
 xéch
 mé trong thế giới hai mặt một lời
 (ai ở ngoài lời?)
vẽ lại hình dạng đã thành quen
thói

phẩy
con đường làm đôi
không biết lối nào có dấu quê
cũ

Thiếu Phụ

tóc

rối bởi mắt
ngai

ngái gương lược
bàn và ghế tựa

soi sắc xanh vàng ấm

ình cầm

nén lại ngoài cửa ngoài

Chiều

chộp lấy hoang vu trên mắt

biếc

hôn nhanh nhanh
phím đàn trầm

ấm

gỗ

anh ánh
chiều vương

vức

Rơi

những khuôn mặt không quen biết
giống hệt nhau
lem (luốc)

đục đẽo gác
ngoài tai lũ tê giác (bằng sáp)
sâm sập
những hoàng hôn rã

tre
(và không ai nói với ai)
về con âm mở hồng cửa kéo
từng câu chữ rơi

ra môi và răng

Ý NHI

Dương Bích Liên, Mùa Đông 1988

Họa sĩ Dương Bích Liên đã sống và làm việc lặng lẽ ở Hà Nội trong nhiều năm. Mùa đông 1988, ông lâm bệnh và mất đi một cách hoàn toàn bình tĩnh tại nhà riêng.

1.

Gió
Vẫn chỉ có gió
Lưu lại cùng ta
Trong căn phòng nhỏ hẹp này

Đã bao mùa đông rồi
Qua ô cửa kia
Gió đến và lưu lại
Ôi ngọn gió từng rì rầm trong tán cây

2.

Chiếc lò sưởi trống không
Ta chỉ một lần nhóm lửa
Chỉ một lần thấy cái lạnh thấu xương
Chỉ một lần
Gương mặt tái xanh của người thiếu nữ
Bừng sáng chiều đông

Ngày đã muộn rồi
Hãy thứ lỗi cho ta
Chẳng thể có một lần nào nữa
Chẳng thể có một chiều đông
Ta lại nhóm giữa lòng người ngọn lửa

3.

Họ đã nói bao điều họ không hề nghĩ
 Ta đã nghĩ bao điều mà không nói
 Kiêu ngạo chẳng
 bất nhân chẳng
 Nhưng ta biết nói cùng ai
 Họ cứ ra đi, ra đi, ra đi
 Và ta không níu giữ
 Nghĩ cho cùng

Nào ta có gì để đem cho họ
 Nghĩ cho cùng
 Trên đường kia họ bước dễ dàng hơn

4.

Có lẽ em chẳng biết rằng ta sắp ra đi
 Em còn mãi mê với niềm vui
 Còn mãi mê với nỗi buồn
 Cầu ước cho em được bình yên

Cầu ước cho em hiện ra giữa cuộc đời
 Như đã hiện ra trên mặt vải
 Trắng trong, lo âu, chờ đợi

Cầu ước một lần nào
 Giữa hạnh phúc, lòng em chợt nhớ
 Một chiều đông

5.

Có lẽ đây là giọt cuối cùng chẳng
 Rượu mới ngọt làm sao
 Đắng làm sao
 Chua chát làm sao
 Đời ta cũng đã cạn rồi

Có lẽ đây là giọt cuối cùng chẳng.

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Đồng Dao Cho Người Lớn

có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi
có con người sống mà như qua đời

có câu trả lời biến thành câu hỏi
có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới

có cha có mẹ có trẻ mồ côi
có ông trăng tròn nào phải mâm xôi

có cả đất trời mà không nhà ở
có vui nho nhỏ có buồn mênh mênh

mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ
mà đời vẫn say mà hồn vẫn gió

có thương có nhớ có khóc có cười
có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi.

NGÔ THẾ OANH

Viết Theo Nhã Ca

*Người nữ này là ai
Hiện trước rạng đông*

Và vầng trán em thanh khiết khoảng trời
Và tóc em mịn đầy xoa như đêm thắm

Và môi em hay cánh hoa hồng
Những lời được giữ gìn như chim câu khép cánh

Và mắt em trong trẻo suốt nguồn
Nơi ngày đến soi những giấc mơ hy vọng

Và tình em như biển
Mãi mãi dâng đầy mãi mãi tái sinh

Anh viết những dòng thơ theo cách Salômông
Viết Nhã ca từ bao nghìn năm trước

Em đã tặng anh sự dịu dàng của em
Em đã tặng anh hạnh phúc

Cả những đau đớn trong đời con người cần phải biết
Cũng là em đã tặng anh

Tuyển Và Giới Thiệu The Best American Poetry 1994

Ngu Yên

The Best American Poetry 1994 do nhà xuất bản Simon & Schuster phát hành năm 1994. Tuyển chọn bởi chủ bút A. R. Ammons và David Lehman. Từ năm 1988 mỗi năm nhà xuất bản S & M đều phát hành một cuốn thơ tuyển cho năm ấy do những chủ bút khác nhau, đều là những thi sĩ tiếng tăm trên văn đàn hiện nay như Joh Ashbery, Mark Strand, Charles Simic... etc... A. R. Ammons hiện là Goldwin Smith Professor of Poetry dạy tại đại học Cornell, sinh năm 1926, tốt nghiệp về khoa học tại Berkeley. Ông đã đoạt nhiều giải thưởng quan trọng như The National Book Critics Circle Awards-1981, The National Book Award – hai lần 1973 và 1993, hiện sống tại New York. David Lehman sinh năm 1948, tốt nghiệp đại học Columbia 1970 và du học đại học Cambridge ở Anh Quốc. Đã xuất bản nhiều thơ và văn xuôi, 1990 đoạt giải American Academy of Art and Letters, 1991 thắng giải văn chương của Lila Wallace Reader's Digest Fund.

Trong bài mở đầu của tập thơ tuyển, David Lehman viết: "... Độc giả sẽ khám phá trong *The Best American Poetry 1994* sức phong phú của thơ, gồm luôn cả kịch thơ... Những bài thơ về tình dục và tình cảm lãng mạn do các nam nữ thi sĩ sáng tác được tuyển đăng trong đây đều mang nét độc đáo. Những đề tài khác đã làm hứng khởi các thi sĩ như baseball, sự chết, khoa học, thiên nhiên, nghiện rượu, AIDS, sinh đẻ, tuyết, khoa giải phẫu, huyền thoại Hy Lạp, Lenin Riefentahl, và John Cage." Tập thơ tuyển dày 275 trang, gồm có 75 tác giả và 75 bài thơ thuộc về nhiều thể loại và

trường phái quen thuộc đã từng thấy xuất hiện trong thế kỷ 20. Sự vắng bóng của hai loại thơ Bạch Thang và thơ Cụ Thể khiến người đọc tự hỏi, có phải những thứ thơ *câu kỳ* này đã không còn được độc giả yêu chuộng hoặc chủ bút không ưa thích những loại thơ chủ về hình thức hoặc những thi sĩ thuộc những phái này không có những tác phẩm đủ giá trị tiêu chuẩn?

Giá trị của tập thơ này theo ý tôi là giá trị của ý nghĩa. Ý nghĩa là yếu tố căn bản nhất từ ngàn xưa đến nay dung để đánh giá thơ, trái lại với quan niệm tân thời hơn dùng chính chữ, ngôn ngữ thơ để định giá trị thơ, *chữ trong mỗi bài thơ như những chùm sao lấp lánh trên nền trời, tự nó có giá trị riêng bên cạnh giá trị của những ý nghĩa*. Trong chiều hướng Thơ Nghĩa, chữ là biểu tượng, là phương tiện chuyên chở ý nghĩa do chữ, câu và toàn bài thơ tạo nên. Thơ không có ý, tạm gọi là thơ cạn, không chiều sâu. Ở thời cổ điển, vì thơ có định mệnh phải cưu mang ý cả, ý lớn nên thi sĩ thời ấy được xem như là những nhà tiên tri hoặc triết sĩ. Nói dài quan niệm ấy, đến nay nhiều thi sĩ vẫn giữ truyền thống tiên tri, triết lý nhưng nhẹ nhàng hơn trong nhân sinh quan hoặc những ý tứ thâm sâu. Hầu hết thơ Việt đều nằm trong lãnh vực này. Để cảm được ý nghĩa của thơ qua chữ không phải là dễ dàng như đọc văn xuôi, đôi lúc tác giả nói một, người thưởng ngoạn phải cảm mười, mỗi cảm mỗi khác. Thử đọc một đoạn thơ của Phạm Công Thiện, thử xem cảm được mấy đường?), do đó những ai không thích tưởng tượng, không thích quẩn quanh với chữ nghĩa, không yêu trò mơ hồ thường không thích đọc thơ (như Platon, thích đuổi thi sĩ ra khỏi thành phố). Đọc thơ, Kenneth Koch, trang 111, One Train May Hide Another, viết:

*Trong thơ, dòng chữ này có khi dấu dòng chữ khác
 Ở chốn giao nhau, chuyến tàu này có thể dấu chuyến tàu kia
 Muốn băng đường rầy hãy chờ một chút
 Chờ chuyến tàu đầu đi thật xa
 Cũng như đọc thơ, hãy chờ dòng chữ ẩn
 Chờ chữ xa rồi hãy đọc tiếp theo
 Trong gia đình, chị trước có thể dấu chị sau
 Khi làm quen hẹn cả hai cùng gặp
 Tránh cảnh lòng lúc tình chị duyên em

 Thông thường cái này đứng che cái kia
 Như chữ che đối tượng, cảm xúc và ý tưởng
*

Những bài thơ về tình dục mà ông Lehman nhắc đến ở trên quả có ý khí lẫn khẩu khí tuy không đến tận biên giới như thơ tình dục trong Tuyển

Tập *Aloud, Voice From The Nuyorican Poets Café*, 1994, Henry Holt and Company, nhưng cũng đủ làm cho người đọc suy nghĩ:

*Họ không muốn ngưng, họ không thể dừng lại
 Đã diễn ra nhiều ngày, nhiều giờ, nhiều tháng, nhiều năm
 Anh leo lên cô ấy
 Rồi cô ấy leo lên anh
 Anh liếm giữa đôi chân Miệng mút ngón tay nàng. Bây giờ là tháng
 Mười Một
 Rồi tháng Ba
 Rồi tháng Bảy.....
*

(Demographics, Catherine Bowman, trang 11)

Cả một bài dài nói toàn chuyện chơi bởi không ngưng nghỉ nhưng không cảm thấy dăm dục. Tác giả để hai người yêu nhau liên tục cho nhau sức yêu đương tột đỉnh (ngoại trừ chịu chết cho tình yêu là giá trị cao nhất, tình dục là giá trị tinh túy của ái tình, nếu không người đời sao chịu bỏ hết mọi thứ khó khi chung đụng để rã long tóc bạc). Yêu hết con tim, không mù mờ, không lồi thối, yêu liên miên quên tháng ngày, quên những hệ lụy xung quanh. (Khi nổi giận thì la hét mới nguôi đó là phản ứng thuận của hóa học trong cơ thể. Nếu đè nén tức giận trong tâm, nghịch vận hóa, thì phản ứng nhập vào vô thức, nhiều lần có thể sinh bệnh lý như đau bao tử hoặc bệnh tâm lý như tính độc ác. Yêu cũng là một phản ứng của hóa học bực bên ngoài là tâm sinh lý, cũng có phản ứng thuận nghịch như ví dụ trên). Bằng giá trị hiện thực, cuộc tình này cũng đẹp như mối tình Doctor Zhivago và Lara ở căn nhà hoang làm thơ. Sự tiến triển của thế kỷ, đi từ cao cả tôn nghiêm qua lãng mạn thơ mộng đến thực tế giá-trị-hôm-nay. Con người đi từ phủ phục tôn giáo qua phản kháng tâm sinh lý đến giá trị vật lý và hóa học.

Charles Simic, người Yugoslavia, một trong những thi sĩ thời danh hiện nay, trong bài *Read Your Fate*, ông dùng những hình ảnh rất mơ hồ diễn ra như giấc mơ. Là một đứa trẻ dẫn con chó, người than duy nhất của nó, chạy theo chuyến xe chở người đàn bà khỏa thân bỏ nhà đi theo tình nhân. Người đàn bà ấy là ai? Nếu là mẹ nó, thì tệ trạng xã hội này đã tạo ra biết bao tan nát. Những đứa trẻ lìa cha mất mẹ để lớn khôn hay trở thành những con bệnh tâm lý của tổn thương từ thời thơ ấu. Nếu người đàn bà tượng trưng cho cái đẹp, cái mà tất cả con người (tùy trình độ hoặc đeo đuổi cái đẹp tinh thần hoặc cái đẹp vật chất) đuổi theo như đứa trẻ cô đơn chạy

*..... băng qua những cánh đồng đen tối
 Không biết ở Kansas hoặc ở Nebraska*

*Kéo đến cơn goings
 Sau xe Truck người đàn bà mở chiếc dù đỏ
 Đứa trẻ dẫn con chó chạy theo
 Như thể theo một con gà bị chặt mất đầu.*

Theo dõi bảy tuyển tập thơ từ năm 1988 mới thấy dòng thi ca của Hoa Kỳ luôn luôn cách tân và biến chuyển. Những tác giả đang được thời đại yêu mến đều là những thi sĩ có kiến thức và dày kinh nghiệm sinh sống với thơ. Đã từ lâu rồi thơ chỉ còn quanh quẩn con người một cách thụ động. Người yêu thơ phải lục lọi tìm kiếm thơ. Thơ không cạnh tranh được sức sống động hấp dẫn của truyền hình, ca nhạc, phim ảnh... nên thơ nằm gục ở những ngăn sau, sâu trong tiệm sách, thua cả những sách nấu ăn hoặc sách du lịch. Nhưng?... vào ngày 20 tháng Một năm 1993, nữ thi sĩ Maya Angelou, được mời đọc thơ trong ngày nhậm chức của Tổng Thống Clinton cùng với phong trào dùng nhạc Rap để đọc thơ đang hiện hành, các thi sĩ Hoa Kỳ đang có hy vọng đem thơ đến người thưởng ngoạn một cách chủ động hơn. Họ gọi thơ là hành động (action). Ngôn ngữ thơ vốn đã ảnh hưởng trực tiếp đến hành động (như thơ cách mạng ở Ba Lan, thơ Việt chống Pháp thời Kháng Chiến) và gián tiếp ảnh hưởng lâu dài từ văn chương đến văn hóa. Người làm thơ thành công là người tạo nên được sức chấn động trong người thưởng thức, đây chuyên của sự chấn động là hành động trong đời sống, lâu ngày trở thành nề nếp trong văn hóa (ví dụ như Ngũ Kinh trong văn hóa người Trung Hoa. Nay thơ lại muốn tạo cơ hội đi tìm người thưởng ngoạn không để người mơ hồ quên lãng thơ, thơ trở nên hành động. Thơ hành động để trở nên hành động. (Người Mỹ thông thường hay phản ứng quá trớn khi nhiệt tình. Khi một phong trào lên quá cao, họ thường đi quá lố rồi mới quay trở lại. Hành động có lúc sẽ thành bạo động hoặc động cõn. Hãy còn quá sớm để nhận định). Trong chiều hướng này thơ trong Tuyển Tập 1994 gồm những đề tài dù có nhiều ý tứ mới lạ hoặc siêu hình vẫn gắn gũi với nhân gian. Thơ nói lên những chuyện thầm kín, những ẩn ức tâm lý, những tệ trạng xã hội, thường thì không có gì ghê gớm nhưng đã có lúc khiến người đọc cảm thấy thơ Việt vào thời đại này vẫn còn hào nhoáng trên cao, lãng mạn băng quơ theo âm điệu, ý tứ cao xa siêu thực. Hoặc vì thi sĩ không dám động đến những đề tài, ý tứ mà họ muốn che dấu hoặc vì độc giả không dám nhìn những gì họ muốn che dấu? Những tiêu chuẩn thưởng ngoạn và đánh giá thơ vẫn không ra khỏi giá trị cái đẹp của chim Oanh Yến ở trong lồng hoặc cái hay dở của chim Sẻ trên cành tre. Tôi nghĩ đúng hơn là cá tính người Việt hoặc tâm lý chung đã bị truyền thống dạy dỗ không còn dám nghĩ thật, sống thật, làm thật, dường như lúc nào cũng có một cái gì không-phải-không-đúng để che dấu hoặc để mặc cảm hoặc để giả hình.

Có rất nhiều bài thơ hay trong Tuyển Tập này nhưng có bài quá dài không tiện cho đăng báo, có bài lại quá khó để chuyển nên thơ Việt. Tôi chỉ chọn vài bài để dịch nguyên, còn một số khác đã chỉ dịch đoạn.

CHARLES BUKOWSKI

Một Tôi Chống Lại Cuộc Đời

*Khi còn bé có lần chúng tôi hỏi tôi:
Muốn ăn cứt hay uống nước đá?
Tôi nghĩ, dễ thôi
Nước đá
Mày phải nhậu cả hai
Tôi là nhóc mới giữa bầy hàng xóm
Thế à?
Chứ sao
Chúng nó bốn người
Được, tụi mày còn ai nữa?
Thằng lớn nhất trả lời
Không cần, tao đủ rồi
Trái đầu tiên đâm ngay bụng nó
Cả bầy vật lăn cù
Chúng đâm tôi dù đâm lẫn nhau
Đầu sao chúng cũng đồng người
Chạy
Đồ hèn, đồ hèn, về mét má hủ, đồ hèn
Chúng chửi đúng
Một hơi tôi chạy về
Trốn vào nhà
Nghe bố đang đánh mẹ
Tiếng la khóc
Tiếng đổ vỡ
Tôi xông vào túm đeo lấy bố
Ông cao quá
Đấm đá chỉ trúng vào chân
Rồi một lóe đỏ tím xanh
Tôi lăn quay trên sàn
*Bố quát: thằng ranh con, cút đi**

Mẹ la: đừng đánh nó
 Tôi sung sướng, bố mắc đánh tôi không đánh mẹ
 Muốn ông không rảnh tay
 Tôi chồm dậy tấn công bố
 Đấm sắc lại lóe lên
 Tôi lại lăn trên sàn
 Chồm dậy
 Bố đã ngồi xuống ghế
 Mẹ cũng ngồi
 Cả hai nhìn tôi
 Bước về phòng ở cuối hành lang
 Ngồi lên giường
 Lắng nghe
 Không còn tiếng đánh hét đồ vỡ
 Hết chuyện rồi
 Biết làm gì bây giờ?
 Bên ngoài không yên ổn
 Trong nhà không an vui
 Tôi chỉ biết ngồi đây
 Chợt thấy nhện giăng trên cửa
 Đứng lên
 Lấy hộp quẹt
 Dí đốt nhện chết
 Bây giờ. Tôi mới thấy thoải mái
 Thật là thoải mái.

(Trích trang 15-17. Me Against The World. C. Bukowski sinh 1920 ở Đức, lớn lên ở Los Angeles, mất năm 1994. Tác giả của 45 tác phẩm thơ và văn xuôi.)

MAY SWENSON

Đêm Ngủ với Boa

Cầm tay nàng ôm tôi
 Nàng bé quá, hơi ơi
 Chán thay, nàng chẳng biết
 Dù nằm sát bên người
 Đưa lưỡi ra mời mọc
 Nhưng chỉ liếm nàng thôi
 Em thích tay tôi sờ

*Thích nụ hôn âu yếm
Nhưng khi tôi dặn lời:
Làm như thế này nhé
Nàng lùi xa khịt hơi
Nghĩ gì trong trí nhỏ?
Nàng nháy xuống khỏi giường
Quấn mình co trên thảm
Dấu mặt nằm quay lưng
Mời em lên giường lại
Dụ dục nàng trốn luôn*

*Nàng khéo giỡn dưới chân
Boa, lại đây, ngoan nhé
Nằm sát cho ấm thân
Im, đừng quậy, đừng cắn
Ngủ với mình một đêm
Nàng dường như thỏa thuận
Dù vài tiếng nũng nịu*

*Mắt nàng sâu mắt tôi
Nhìn nhau tràn cảm xúc...
Nhưng không trong trí tưởng
Nàng bé quá, hơi ơ*

(Trích trang 179-180, *Sleeping With Boa*. May Swenson sinh 1913, mất 1989. Bà làm thơ, dịch thơ và viết về thơ. Đã đoạt nhiều giải văn chương như Rockefeller và Guggenheim, Bolingen Prize, MacArthur Fellowship. Ghi chú: Boa là một loại rắn ở Phi Châu. Trong bài thơ khi tác giả trò chuyện, gọi tên con vật là Boa. Boa trở thành tên riêng do đó tôi giữ nguyên danh từ Boa ở đầu đề).

NGU-YÊN

Lời của Jimmy Hoàng

Trên bản đồ Việt Nam
Có chấm ngôi sao lờ mờ
Nhà vì nước biển? nước mắt? nước mưa?
Hay ngón tay bấn Bình Định
Nơi ba tôi lớn lên
Có đủ thứ: Gà bò ruộng phố
Rượu Trắng Củ Mì Đường Phổi
Và dĩ vãng của tôi
Sorry! Tôi sinh năm 1980
Gia đình tôi vượt biên năm 1975.

Dĩ vãng của tôi. H.T. 052095

Lời của Jim Dean Trần

Ba thường dùng condoms rẻ tiền
Tôi không muốn thêm em nhỏ
Vất bao cũ mua bao mới
Mẹ cần nhân ba sài sang
Hôm sau tôi bị năm bạt tai
Vì mới 16 đã hoang

Condoms. H.T. 052295

Lời của Phạm thị Ngọc Minh

Ở sở thú
Có con ngựa như Chú Phong
Con tê giác như Bà Hải
Con ếch như Bác Quỳnh
Con kênh kênh như Thắng
Con cò như Hương
Con khỉ đột như Ông Darwin

Mé tưởng đông
Có con sói bạc
Một mình hãm hết hai mẹ con
Sáng hôm kia nó chết

Đám táng long trọng tại nhà quần Vĩnh Phước
Con sói nằm nghiêm sau khi chịu phép lành
Mẹ tôi quì bên cạnh cầu nguyện và tha thứ cho hắn

Sở thú. H.T. 052295

11 Mẫu Tự Niệm

A M E X C P U D I L Đ

A mea
Di maxima
Đà culpa
A di mea
A di culpa
A di đà mea culpa
A pa
A pa
Mea maxima culpa adi đà

CHÂN PHƯƠNG

Biển Là Một Tờ Kinh

Bài Một

sóng lớn rượt đã tràn
hình ảnh hoàn toàn không ẩn dụ

chớp mắt
nửa cuộc đời
tôi đọc nghĩa đen
của bãi cát vắng dấu chân em

sau cái chớp mắt tiếp theo

còn gì
ngoài cặp tròng lòa
và biển xanh vô tích sự?

Bài Hai

biển là món đồ chơi hồng

người già
năm chờ kết cuộc

trẻ thơ nghịch chơi trên cát

những bàn tay con nít
xây cất các lâu đài tí hon

trên mép bờ tuổi tác
người già ngóng đợt sóng thần

nhìn đám nhi đồng
nhặt nhanh sò ốc

người già chợt hiểu

bài học vỡ lòng

mẫu tự đầu tiên
là vỏ sò cát lấp

Bài Ba

đánh rơi quả tim sâu

tôi biến thành sa biển
ngủ thiếp bên ghềnh ốc

chờ một bàn tay đàn bà

lật
ngược

cho thời gian ào chảy
khởi động trí nhớ từ đầu

vi gió mặn
lay giục bờ môi

con mắt bàng hoàng hé mở

hiện dần dấu chân
cặp đùi rám nắng

bờ vai

suối tóc

khoảng ngực trần

không sót mấy may chi tiết

lồ lộ thân hình vóc dáng

nhưng chẳng bao lâu

dòng cát cạn

rơi chặm mấy hạt cuối cùng

và cứ như thế

tôi lại hóa thành sa biển

lăn lóc giữa lũ sỏi sạn

đời đời tấp vào tha ma sóng trắng

Tưởng Niệm Văn Cao

Văn Cao, tên thật là Nguyễn Văn Cao, nguyên quán Nam Định, sinh ngày 15-11-1923 tại thành phố Hải Phòng, mất ngày 10-7-1995, là tác giả những ca khúc bất tử như Bến Xuân, Suối Mơ, Thiên Thai, Trương Chi, Buồn Tàn Thu... Ngoài ra, ông còn vẽ tranh, làm thơ (tập thơ Lá do nhà xuất bản Tác Phẩm Mới in năm 1988). Nhưng đóng góp lớn lao của ông vẫn là trong lĩnh vực âm nhạc. Trong chúng ta, mấy ai không có thời kỳ sống gắn bó, rung cảm với ca khúc Văn Cao. Tập San Hợp Lưu số 8 tháng 12-1992 & tháng giêng 1993 đã có một số đặc biệt khá đầy đủ về Văn Cao. Ở đây chúng tôi xin trích đăng bài thơ Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc như một tưởng nhớ, và qua đó, chúng ta nhìn thấy cái hồn lịch sử. Vĩnh biệt Văn Cao, người nghệ sĩ tài hoa.

Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc

Ngã tư nghiêng nghiêng đốm lửa
Chập chờn ảo hóa tà ma...
Đôi dãy hồng lâu cửa mở phấn sa
Rũ rượi tóc những hình hài địa ngục
Lạnh ngắt tiếng ca nhi phách giục
Tình tang... Nào nuốt khóc tàn sương
áo thể hoa rũ rượi lượn đêm trường
Từng mỹ thể rạc hơi đèn phù thể
Ta đi giữa đường dương thế
Bóng tối âm thầm rụng xuống chân cây...

Tiếng xe ma chở vội một đêm gầy
 Xác trụy lạc rũ bên thềm lá phủ
 Ai hát khúc thanh xuân hờ ời phần nữ
 Thanh xuân hờ thanh xuân
 Bước gầy ta chút nữa thêm gầy

Khoảng giữa tuổi thanh xuân nghe loạn trùng hút tủy
 Ai hủy đời trên tang trống nhỉ?
 Hay ác thần gõ quách nạo mồ khuya!
 Đảo điên... mê say... Thế phách chia lìa
 Nghe reo mạnh, chuỗi tiền cười lạnh lẽo!
 Tiền rơi! Tiền rơi! chùm sao huyền diệu
 Lấp lánh hằng hà gạo rơi! Tiền rơi!
 - Vàng mấy lá thừa đãi mây phủ chiếu

Ngã tư nghiêng nghiêng chia nẻo
 Đặt diu cung bậc âm dương
 Tàn xuân nhẽ nhạt mưa cô tịch
 Đầm đĩa rả rích phương Đông
 Mang mang thờ dài hồn đất trịch
 Lưỡi thép trùng trùng khép cố đô
 Cửa ô đau khổ
 Bốn ngã âm u
 (Nhà ta thuê mái gục tự mùa thu
 Góc cô độc hưởng về phường Dạ Lạc)
 Đêm đêm, dài canh tan tác
 Bốn vực nhạc động, vẫy người
 Giấy đèn chao thấp đỏ quạnh máu đời
 Ta về gác chiếu chẵn gào tự tử
 Trên đường tối đêm khỏa thân khiêu vũ
 Kèn nhịp xa điệu múa vô luân
 Run rẩy giao duyên khối nhạc trầm trầm
 Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc
 Kiếp người tang tóc
 Loạn lạc đòi xương chất lên xương
 Một nửa kêu than, ma đói sa trường
 Còn một nửa lang thang tìm khoái lạc.

Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác
Đi vào ngõ khói công yên
Thấy băng khuâng lối cỏ hư huyền
Hương nha phiến chập chờn mộng ảo
Bánh nghiêng nhựa đường nghe sào sạo
- Ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe
Chiếc quỹ xa qua bốn ngã ê chề
Chở vạ kiếp đi hoang ra khỏi vực
Mưa, mưa hăng thao thức
Trong phố lộ đầu hiu
Mưa, mưa tràn trên vực
- Hang tối gục tiêu điều
Mang linh hồn cô liêu
Tiếng xe càn ám ảnh
Tiếng xa dần xa lánh
Khi gà đầu ô kêu.

1945

MỘT VÀI Ý NGHĨ VỀ THƠ

Văn Cao

Một trong những hướng xây dựng nhân văn là đào tạo cho xã hội những người biết khai thác, khám phá, phân tích thực tế và mở đường cho tương lai. Nhà thơ trước hết, muốn làm nhiệm vụ ấy, phải có những đặc tính trên. Chính những đặc tính đó đặt ra vấn đề thành lập cá tính cho một nhà thơ.

Trong lãnh vực văn học nghệ thuật, nếu có một số nguyên tắc để giải quyết những vấn đề căn bản của xã hội loài người thì cũng chỉ là một phương pháp sơ lược dùng để gợi ý cho mọi người phát triển hay sáng tạo. Người ta không thể nào biết rõ và hạn chế được tất cả những sáng kiến, phát minh vì người ta không thể biết rõ và hạn chế những nhu cầu của loài người ngày một phức tạp hơn lên. Trái lại, trong cách suy nghĩ khác, nếu có người cho là yêu cầu của loài người sẽ dần dần đơn giản và có thể tiêu khiển được như máy móc, thì người ta sẽ nhờ đến việc đơn giản và bớt đi những phát minh mở đường cho văn học nghệ thuật.

Đến với cuộc đời, nhà thơ không chịu đựng một sự may rủi mà phải chủ động thành lập lên sự thắm mỹ mới cho người đọc, chủ động xây dựng con người biết tư tưởng cảm xúc và cảm giác tinh tế như mình trong xã hội đương thời và cả xã hội sau này.

Không ai ngăn những nhà thơ lần mò cặm cụi đi theo những lối mòn. Khốn nỗi những người đọc của chúng ta lại cứ muốn tìm trong cái đám đông người một bộ mặt có thể ưa thích được. Họ không muốn nghe lại những ý những lời đã cũ cũng như không muốn mua lại những đồ cũ mà họ đã thải đi từ lâu rồi. Người ta yêu những người cố mở đường mà thất bại, yêu những người biết thất bại mà dám mở đường. Bởi vì, những người đó đã nghĩ đến sự tiến bộ của nghệ thuật.

Cái mới đầu phải là những cái không sẵn có. Sự làm mới lại những cái sẵn có cũng là một phương pháp sáng tạo. Đã hàng thế kỷ, mỗi nhà thơ vẫn hàng ngày vẫy gọi mặt trời đến chiếu vào tấm trạng mình. Thế mà những câu thơ hôm nay về mặt trăng mặt trời vẫn mới mẻ như đêm như ngày qua lại. Cái mới trước hết là cái mới trong tư tưởng, trong cảm xúc và trong cảm giác của nhà thơ. Tấm bia trên mồ một người đã khuất có lẽ còn ở lâu trên mặt đất

hơn một cuộc đời. Biết bao nhiêu bài thơ mang cái mới nhất thời đã rụng trong khi tác giả của nó còn sống. Nguyễn Du khi sáng tạo cái mới trong thơ còn lo ba trăm năm sau không có người hiểu. Người thành công nhất ngày nay phải lo tới cái thất bại ngày sau và người lo thất bại ngày nay cũng phải lo tới cái thất bại ngày sau. Nếu không có sự lo lắng đó, một nhà thơ không nghĩ tới trách nhiệm mình khi viết, hoặc chỉ viết cho người bây giờ mà không có trách nhiệm với người sau.

Chúng ta đọc một nhà thơ như đi theo một dòng sông lớn. Dù bắt đầu từ khúc nào, dù ghé vào bến nào, chúng ta đều phải nghĩ là ngược lên nguồn thì đường dài lắm, mà xuôi ra biển thì biển còn xa. Hai điểm đầu và cuối đó đều thấy vô cùng. Ai muốn khám phá xem con đường ngược và đường xuôi như thế nào còn có thể tiếp tục khai thác được nhiều. Cuộc đời và nghệ thuật của nhà thơ phải là những dòng sông lớn càng trôi càng thay đổi, càng trôi càng mở rộng. Mỗi chữ, mỗi câu, mỗi bài thơ mở ra cái quang ngược, quang xuôi, những cái không nói tới mà người đọc càng tìm càng thấy mãi. Sự thất bại thường gặp trong một bài thơ là sự khép lại: khép tất cả sự muốn nghĩ và muốn nói. Người ta đã đánh giá sai lầm về trí tuệ của đại chúng. Tôi nghĩ rằng trí tuệ ấy, sẽ phong phú bởi vì nó dần dần được tập trung hết kho tàng của dĩ vãng (trong đó có phần trí tuệ của các nhà thơ).

Có người nói thẳng tới cái vô cùng tận của trời xanh; có người nói cái vô cùng tận của trời xanh qua cái rộng của biển; cũng có người thấy trời xanh vô cùng tận trong bát nước và cũng có người chỉ nói tới một giọt ánh sáng để thấy cái vô cùng tận của trời xanh. Có người phải đi tìm con đường lớn mới thấy dấu xe mà có người tìm thấy dấu xe trong một hạt bụi. Đây là những điểm khác nhau giữa những nhà thơ. Sao nghệ thuật không biết tìm ở đây sự phong phú? Sao người làm thơ không biết tìm riêng lấy một cách thể hiện?

Qua một bài thơ, người ta thấy ngay con người của nhà thơ đang sống thực. Tư tưởng, cảm xúc và cảm giác của nhà thơ phải thể hiện tinh vi. Câu thơ như vào trong óc để gợi sự suy nghĩ, vào trong tình cảm để xúc động và như vào trong da thịt để kêu gọi! Chỉ riêng cái phần giác quan của nhà thơ cũng nói được cái hướng biểu hiện hoặc thiên về tư tưởng, hoặc thiên về cảm xúc, hoặc thiên về cảm giác. Cái khuynh hướng đó nhiều khi còn là của cả một thời đại, một môn phái hay một triết học. Chúng ta đã qua một thời kỳ dài thiên về cảm xúc và một thời kỳ cảm giác. Cái thời kỳ thiên về tư tưởng có phải đang bắt đầu không? Người làm thơ biết thành lập cho mình một cá tính trong suy nghĩ, trong tình cảm, trong cảm giác những điều mới lạ bao nhiêu là làm phong phú thêm cho người đọc về mặt tư tưởng, cảm xúc hay cảm giác. Người đọc bị cuốn sâu vào cái khuynh hướng của nhà thơ. Trong đời sống của chúng ta hiện nay có biết bao nhiêu người đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của các tác phẩm văn học và nghệ thuật và cũng có biết bao nhiêu sự biến đổi xã hội gây ra do cách đặt vấn đề của những tác phẩm này.

Người làm thơ phải đi tìm những tư tưởng, cảm xúc và cảm giác trên kia trong thực tế ở những con người đang hàng ngày túi bụi xây dựng. Càng tới gần cái cuộc sống đầy mâu thuẫn đấu tranh là càng như đi gần lại một kho thuốc nổ. Có người dao động và sợ hãi quay lưng lại. Có người vụng về mà làm nổ. Nhưng cũng có người can đảm biết làm nổ ra để mở đường.

Hôm nay, con đường lớn nhất của chúng ta là mở cho tất cả những giấc mơ những khát vọng thuộc về sự sáng tạo của con người tự do phát triển bay đi, xe mật về ổ. Mở cho những giấc mơ khát vọng tự do phát triển bao nhiêu là tập trung tất cả giấc mơ và khát vọng của con người làm thành một mũi nhọn kéo lê đi phía sau cái thực tế chậm chạp.

12-7-1957

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Chicago

kỷ niệm Trăm Năm Điện Ảnh

Mái tóc bạch kim tất tả rời ga
Xuống phố ngồi chờ trong quán Lạc Đà

Mắt nàng tím nhạt một dòng sông mưa
Tim hấn mây xưa bay về gõ cửa

Bàn tay gió tung rắc xác lá mùa
Hoa đỏ rụng rưng rưng chiều nắng úa

Cuộc hẹn hò chẳng mong cơn tái ngộ
Từ phòng bên vọng tiếng cười hô hố

Khuôn mặt em chợt hiện lên màn ảnh
Môi hồng tái tê những nụ hôn anh

Hát bài ca cũ để chiều lòng khách
Người kỹ nữ không khoác áo lụa bạch

Tôi đấu súng với một gã gang tơ
Trên con phố vắng nàng vừa tất tả

Thơ Tình Bỏ Túi

làm bằng những vụn vặt
một
ngày
hè
lang
thang
phố
cảng
rực
nắng
quê
người với nụ cười em
địu
hiền
quá xa
xôi
như
một
thoáng
buồn

HUỶNH MẠNH TIÊN

Bốn Phrăng Bảy

Bài thơ tình hương chữ nghìn xưa
Cho em 16.
Nào bạn trao
Xin vào tù: dụ dỗ gái vị thành niên

Bài thơ tình đương đại trình nguyên
Cho em 18.
Tạm đầu hàng
Bồ trai em nhiều như cát Nha Trang
C.V. lý lịch đã trảng còn lâu em mới duyệt

Bài thơ tình tứ _____ tuyệt
Rồi nàng 60!
Chàng lưỡi phổ chơi
Thi sĩ (thật) kỹ răng men (giả)
Làm thơ, thổi kèn, hôn miệng, ăn ốc (bướu)
Tham lam lỡ gây thì
_____ “gay!”

Nay
Bày
Mục
Lá
Thư
Từ...

Cho người
Tình xưa
Chép sau vườn thu ngủ trưa ưa ngủ mưa
Sáng nay
Bưu điện

“Paris / thành phố __ cảm ơn”

Ngó
Ý
Tơ
Lòng:

Liếm tem bốn phăng bảy thì vừa.

TRÂM PHỤC KHẮC

Ăn Đất

hàng sao đứng ngó đêm
tàn

hú
lên mùa gió, buồn
càng vật ngã
thương,
gia,

chuyến hàng thua, lỗ
anh
chỉ còn anh
xốc lên mảnh ván lạ
sương
đền, sông, bến
gỗ,
bát ngát hỏi đường qua.

Gái Đất

nhón gót ngó càn bồng
thở
đầy hương đất
vất hồn lên quày quả đi rông
quảng
vào đêm, xác
lững lơ đăm mộng

mé

Rừng ơi, còn
lộn
tóc hay lông

LƯU HY LẠC

PCT

mây
đêm, ngày
ngủ. Trăm đường

chia một nia
bóng một phương, dào dào

lùa gió về rẫy bứt rau
nghe mưa
đủ
mộng寐
trào ruộng thơm

Trời Biển

ngày
biển xám. Trời
heo may
lời cô liêu
tự lòng
hay cửa rừng
thở
ngây. Quạnh
chiều xuống lưng
tay
mèo mả gà đồng
bưng khay trầm.

ĐOÀN NHẬT

Rừng Lạ

Ngó ngất. Gió
 Cao
 Lá ngời
 Vượt ngang, dốc dựng
 Chẽ đôi. Giấc ngàn
 Xa
 Xiêu lạc
 Mắt rạ ràn
 Bước qua, chùng chập
 Thời ngàn, ngợp mai

 Hư hoắc. Bóng
 Ngày. Gây, gai
 Vạt, vượt lá
 Tâm. Đã ngoài, cánh chim
 Da thịt, xót
 Tay cỏ mềm
 Dâng dên, nắng
 Trí hoang. Yên
 Ổn rừng

 Vượt vách đá
 Chân tẩy sương
 Bước
 Tịch lặng
 Lặng kiệt cùng, cõi đau...

Thơ Về Thơ

Đỗ Quyên

Thơ và biển cả. Chúng có phải là nhau không hở bạn? Tôi không phải con nhà sông biển. Tôi chả phải là dân thơ thực thụ. Đến với biển khi tôi ở tuổi thiếu nhi, chớm và lảng máng nhận ra thiên nhiên thật rộng lớn. Đến với thơ hồi tôi lún phún ria mép, những cảm giác về tình yêu đôi lứa chợt đến, bỗng đi. Bãi biển Đồ Sơn. Những con sóng biển đầu tiên ập vào cơ thể. Một buổi chiều phẳng, phẳng từ mặt biển đến không khí bao trùm khu nhà nghỉ. Tất cả không cuốn hút tôi. Chúng còn khiến tôi sợ và có phần chán biển. Câu chuyện bên hồ của một cặp tình nhân bất hạnh bởi chiến tranh: bài thơ đầu tay của tôi. Nó không làm tôi rung rinh trong bóng râm huyền ảo của thơ như tôi từng tưởng tượng. “Thế là thơ à?” “Chưa là thơ, nhưng là tình!” Khoảng cách giữa câu hỏi và câu trả lời là...20 năm! Bây giờ, hôm nay, tôi mới đáp được. Còn câu hỏi thì thẳng em trai kém tôi hai tuổi đặt ra sau khi nghe xong bài thơ.

Bạn ạ, thế nhưng càng về sau tôi càng thêm ra biển - đó là một điều chắc chắn! Và, càng về sau tôi càng có thơ (thơ hơn thì phải?).

Trừ những khi cảm hứng bột khởi, thường tôi rất “run” mỗi khi “bắt tay” toan làm một bài thơ có ý, tứ hoặc nguyên cơ định trước. Những người đi biển chả thường hồi hộp, trang nghiêm đầy thôi mỗi lần giương buồm, kéo neo ra khơi. Gầm thét, biển đã “nói” quá nhiều. Phẳng lặng, biển còn nói nhiều hơn. Khi *con-bệnh-thơ* oằn oại trên cơ thể bạn, nơi khước mắt, ở mỗi cơ bắp; và khi bạn ngậy dần ra, vô cảm vô giác. Tôi không tin nếu là người làm thơ thực sự bạn lại trong trạng thái trung gian giữa hai trạng thái trên ở lúc có một thao tác thiêng liêng: làm thơ.

Trong tầm nhìn của con người con người, biển không có giới hạn. Thơ không có sự chùng mực, khôn giảo. Biển không thu nhận tính trung dung. Thơ cần sự hết mình. Những ai dưới vòm trời này cần tự do nhất và có tự do nhất? Dân biển và thi sỹ. Gần tự do là gần mất mát, gần cái chết. *Gần tự do là xa loài người, xa cuộc sống thường nhật*. Có phải vậy không hở những người trên biển và những người làm nên thơ - những người can đảm nhất trong số những người can đảm?

Thơ và toán học có nhiều điểm trùng phùng đáo đẽ! Trước nhất, cả hai đều là địa hạt của tưởng tượng. Rất nhiều người mệnh danh hiểu biết mà vẫn lầm tưởng các nhà toán học là kẻ khô khan, trong khi họ - những nhà toán học - lại là những *nhà-mơ-mộng*, mơ mộng ngang ngửa với các thi nhân! Hai giáo sư toán trò chuyện... “Cái tay T., học trò yêu nhất của ngài, dạo này đâu rồi?” “Hắn đã bỏ đi làm thơ! Thật tiếc, hắn không đủ trí tưởng tượng để học toán!”... Chuyện hài này không mới. Bạn không cần phải cười lại; dự ý của tôi muốn nói rằng tôi tìm thấy mình trong đó. Bởi tôi đã từng yêu (từ ngày còn mặc quần hở đũng) toán học tha thiết, và nay còn da diết yêu; nhưng toán học nó chẳng yêu tôi, dẫu đã ăn ở với nhau những bằng cùng cấp! Tôi với thơ chỉ như hai người khách vô tình trên vài chuyến đò ngang, mà duyên tình ngày một thắm.

Những phát minh lớn trong toán học chỉ xảy ra với những người có độ tuổi 20-25, cùng lắm là tới 30. Đó bạn ở thơ có quy luật đó không?

*

Mỗi bài thơ, ít nhất, nên là một lần “cách mạng” trong con người, tác phẩm nhà thơ. Lớn hay nhỏ, ý hay tứ, thể loại hay ngôn ngữ... Tùy! Miễn là có...cách mạng! Người toan viết các câu thơ mà không nghĩ được thể, tôi nói mặc kệ sự mất lòng, thì đừng nên biến dự định đó thành hành động! Bạn cho tôi là tên hiệu chiến! Thôi, không gọi là cách mạng nữa. Mà gọi là cái mới, cái sáng tạo. Ở nhà thơ nhỏ, cái mới đó có giá trị đối với chính nhà thơ. Ở nhà thơ choai choai, cái mới đó có giá trị cho bản thân nền thơ ca. Ở nhà thơ lớn, cái mới đó có giá trị cho cả xã hội, thời đại. Tự trung, phạm đã là thơ thời phải mới. Bạn điểm lại xem, thời nào, ở đâu, phần lớn các cách mạng gia đều biết làm thơ, biết yêu thơ. Thơ là “cách mạng”, là máu. Tí nữa ta lại bảo thơ là tình, là nước mắt! Thật khốn nạn cái thân thơ!

*

Tôi không khi nào tin rằng những người làm thơ lại không phải là những người yêu. Mạnh hơn nữa, tôi còn muốn nghĩ: thói thường ai làm thơ hay hẳn phải yêu nhiều lắm. Với những người bình thường yêu là điều kiện cần để làm ra thơ. Với các tài thơ thì yêu là điều kiện cần và đủ: kẻ tài thơ chỉ cần yêu là đủ thành thơ và, ngược lại, khi hẳn đang làm thơ có nghĩa là hẳn đang yêu.

Rất đáng phục các nhà thơ ít nói về tình ái, mà thơ vẫn hay! Đó là những nhà hàng hải lại không thêm... biết bơi!

Các nhà thơ trữ tình lớn biến được ý riêng thành tình chung, biến được tình lứa đôi thành ý nhân loại.

*

Người có thơ hay vẫn có thể là người không biết cách yêu, song ắt hẳn đó là những kẻ biết buồn. Buồn, trong ý nghĩa này, là điều kiện cần

để thơ hay. Bạn có thể thấy bài thơ nào hay mà thiếu cái buồn ở trong đó không? Xin cho biết... Buồn là hậu quả khó tránh của yêu. Yêu mới có thơ, buồn mới ra thơ hay. Nỗi buồn chung thơ thăng hoa, nuôi thơ trường thọ. Mà này, ngoài thi sỹ, mấy ai biết tái tạo từ sản phẩm tồi đó - nỗi buồn - ra sản phẩm mới có giá trị đến thế cho loài người?

*

Người thơ quả có hiếm, còn những người yêu thơ, những người làm thơ, những tài thơ...thật nhiều. Nhiều vô kể, nước Nam ta. Ở Việt Nam ra ngõ gặp thi nhân. Điều này ai cũng rõ. Hôm nay tôi còn muốn nói thêm thế này: có lẽ Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô (cũ) là ba nơi người dân yêu thơ nhất thế gian? Chưa bôn ba hoàn vũ, tôi vẫn cảm tưởng vậy. Cậy nhờ các chuyên gia về thơ, về đất nước học kiểm chứng?

Ở Việt Nam, câu của Nguyễn Bính được nghiệm đúng: “Nên què tôi ai cũng biết làm thơ”. Với Trung Hoa cảm tưởng của tôi dễ được minh xác. Văn hóa Trung Hoa dường như đông lại ở thơ phú. Ở Liên Xô (cũ) thơ còn bị cạnh tranh bởi tiểu thuyết, hội họa, âm nhạc... nhưng vẫn được coi như đế vương. Dân Nga không có tục ngâm thơ, vịnh thơ như ở ta, ở Tàu mà lại đọc thơ. Tiếng Nga chứa thơ tính cao, nhất là về âm điệu. Tôi đề nghị các nhà ngôn ngữ thử nghiên cứu xem tiếng Nga sinh ra có phải để dành cho thơ hay không. (Nếu điều đó đã có trong các sách giáo khoa về ngôn ngữ Nga thì tôi rất ân hận về sự ít hiểu biết của mình!) Các buổi đọc thơ thu hút cả trăm, ngàn khán, thính giả là một nét tiêu biểu cho sinh hoạt công cộng ở xứ sở của bạch dương và tuyết. (Mấy chữ cuối câu vừa rồi ngụ ý thiên nhiên, cảnh vật Nga đáng thành thơ.) Bạn biết không, dạo ấy, mỗi khi đi dưới pho tượng Maiakovski đứng đọc thơ, tôi tưởng như độ thơ trong mình đang nâng cấp! Không rõ ở Trung Quốc ra sao chứ ở Nga và nhiều nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô cũ, tôi đã nhìn thấy nhiều cuốn sổ nhỏ, nan nát...chứa một cách vụng về các bài thơ, đoạn thơ cùng các hình vẽ minh họa ngộ nghê về tình ái. Chủ các cuốn sổ đó là những cô, cậu ở các lớp cuối trung học, các năm đầu đại học. Sao mà y như ở Việt Nam mình, bạn nhỉ? Bên các xứ Hoa Kỳ, Canada...có chuyện vậy không? Tôi ngờ là không.

Một sự trùng hợp đến là buồn: Cả ba quốc gia yêu thơ đó đều có thời (bị) yêu chủ nghĩa cộng sản nhất thế giới! Dễ hiểu: *Học thuyết cộng sản trong thành phần hoang tưởng của nó chứa độ thơ khá cao.*

Tôi vừa ngâm ra cái buồn cười này: Thuyết cộng sản sinh hạ ở Đức; ngày xưa ngày xưa thì không nói chứ bây giờ dân Đức đâu có chằm bập những chuyện thơ thần! Bằng chứng: Tôi vẫn thường bị nhân viên giao thông phạt thẳng thừng mỗi khi mải làm thơ trên tàu xe mà đi quá ga. Bên Nga á, trong các trường hợp tương tự không những chả bị mất copech nào tôi còn được các bác soát vé thưởng lời khen “Mơ-la-đét!” (Khá lắm!). Ba

năm nay ở Đức, dường như tôi chưa dòm thấy trên ti-vi những buổi người ta làm gì đó với Nàng Thơ. Rất có thể khả năng ở tôi còn đuối để phân biệt thơ và văn xuôi trong tiếng Đức...

*

Tôi để ý thấy phần lớn các nhà thơ thường gốc gác thôn quê. Thật vậy, chất liệu thường và chất liệu thiên nhiên - hai trong ba chất liệu làm nên thơ - ở nông thôn rõ ràng nên thơ hơn ở thành thị. Oái ăm: Chẳng lẽ vì thế các nước nông nghiệp lạc hậu lại là mảnh đất tốt để thơ phát triển?

Nhiều người cứ lo xa. Tôi chả lo! Khoa học, công nghệ hiện đại cách mấy cũng không thể lấp cả mặt địa cầu bởi những lô nhà chọc trời. Là những cái nôi của thi ca, biển hồ, núi non, những cánh đồng, những áng mây...phải là bảo vật vĩnh cửu của loài người. Tôi đang định gọi Hội Nghị Quốc Tế Bảo Vệ Môi Trường ở Brasil vừa rồi - nơi tụ hợp hy hữu tất cả các quốc gia trên địa cầu trong không khí hữu hảo - là hội nghị bảo vệ thi ca. Chính xác hơn: Bảo vệ cái chân-quê của thi ca. ■

ĐỖ QUYÊN

Nhật Ký Không Ngày Tháng (Trích)

[... ..]

Mỗi một cái xúc quần đều mang chứng chỉ của những cơn động đất - Năm xưa chưa biết những hạt màu, chưa biết núi lửa phát từ tàn thuốc nâu và thủy triều trên bờ mắt - Những chiều...

Các cơn động đất tổ hợp bao nỗi rối lòng - Mai có thể là ngày kia trong tình ái, ngày kia trong chiến tranh và vĩnh cửu của các trường phái - Tôi buồn...

Chuông đại giáo đường đổ dài hơn cả những tia nắng cuối cùng - Ai đó để quên âm thanh ở nhà ăn mây trước thánh giá Đức Thánh Cha - Thành Rôma luôn chập dờn dưới chân người lãng du và dưới mắt kẻ vô thần cho tới ngày Chúa Giêsu thôi cúi đầu rỏ máu. Amen!

Bao giờ tôi được làm công quả cho hồn em để cõi niết bàn nơi tôi sáng tấm thân trần em đó khói hương thời gian tưng lên tôi yêu em, tưng lên tôi, tưng lên tôi...

[... ..]

Những bài thơ không tiếng mõ
Lầm lũi đi
Trong các đêm thứ thiệt
Đọc hai bờ xúc cảm không đặt hàng
Dạ dày căng không từ mo cau đất ép.

Những bài thơ không dây cương
Dạo gót hết những triều yêu đương lỏa lồ hay kín vụng
Bằng băng qua các gáy kính điển

Dừng chân ở lệnh bỏ cấm vận
Rồi hí rên trong các quán Discô.

Những bài thơ không vô
Thơm trắng như da bụng trinh nữ.

[... ..]

Âm tính
Chưa gông được
Lá đã với
Anh về.
Con rấn Ấn Độ kiếm tìm khắp nơi
Những địa chỉ mẹ cho
nâu nâu đỏ đỏ.

[... ..]

Mặt đêm
có những nhát gì đó
để nhanh thành điện,
để lâu thành tinh

Đó mà là ma
đã không thể có
người-làm-thơ-đêm!

[... ..]

Nhẹ mây em đi
Các phiến đá rung trăm năm lát đường
Tâm tôi phẳng lặng suốt đời em đi.

[... ..]

Ngoài kia sắp hết trắng
Mai xanh ra
Thời nay con gái không còn tím
Để nụ mơ hồng trở hoa
Ở đây bạc hết đời cô lữ
Còn không bảy sắc quê nhà?

TRẦN NGỌC TUẤN

Hoa Hà Nội Hôm Nay

Cánh đào Nhật Tân khác trước rồi
mùi thịt chó lẫn vào nhụy thắm
đất Ngọc Hà xây hotel (không trồng hoa nữa)
bạc phận hồng nhan, xuân sắc hoa ơi!

Hoa tím tết nào anh đã tặng em?
giờ côی cút giữa rất nhiều hoa nhựa
hoa Trung Quốc, hoa Tây, hoa Thái...
có những thứ hoa anh chẳng biết tên gì?

Phố Hàng Lược chật hơn
hàng quán đuối hoa xuống lòng đường nhộp nhúa
nhạc rock bắn vào cánh hoa thùy mị
rụng như em, tuổi con gái lỡ thì

Vấy bán hoa là ngôn ngữ chợ trời
là khói xả từ Hon Đa, xe Cúp
người Thăng Long trở về - lạc trong Hà Nội
mất cấp rồi – tranh Phố Phái thưở xưa

Anh bơ vơ trong bụi mưa phùn
mơ, mơ mãi chợ hoa ngày ấy.

ĐỖ KH.

*Knokke le Zoute **

*Bà Ba Béo bán bánh bèò bên bờ biển, bả bì beo bậ
bụng ba bốn bận.*

Trần văn Trạch **

Bờ Biể Bắc
Bà Bba Béo

Không còn
Không còn

Bán bánh bèò

Bà ấy bây giờ khác trước xa
Mảnh mai mẽmm tôi nhìn không ra

(trăm năm trong cõi...) ***

Chú thích

*Trạm nghỉ mát tại Biể Bắc, thuộc nước Bỉ.

**Trích “tám tên tử tội từ từ tiến tới...” của Trần văn Trạch, nghệ sĩ hài thuộc thập niên 60.

***Trích “Kim Vân Kiều” của Nguyễn Du, nhà thơ thuộc thế kỷ XIX.

Tổ Quốc là một Gia Đình Vĩ Đại

Các đứa con tôi đây vĩa hè
Ba tuổi thì học chìa bàn tay
Bốn tuổi biết mời vé số
Năm tuổi xách được thùng đánh giày
Sáu tuổi bắt đầu thạo móc túi
Câu đầu tiên trơn tru khi tập nói
Là “Con cặc cái lồn. Đụ má tụi bay”

Đi đi!
Hết!
Ra ngoài!

Vợ của tôi đẩy mát xa tiệm nhảy
Lên 16 mới bắt đầu mặc váy
Mà Anh Hoa các ngữ đã rành khi 17
Ờ em
Lại ngồi đây

Con ơi!
Má các con đây bìa ôm vũ trường
Còn ông bà linh tinh các đấng
Các cụ tôi thì đây Trung ương
Thưa các anh của em ở hang Địa phương

Bấm..
Dạ..
Vâng..

Tổ quốc là một gia đình lớn

Các đứa con tôi đây vĩa hè
Còn vợ tôi đây Karaoke.

NGUYỄN ĐỖ

Không Đề Trước Cổng

tặng bé H.L

bạn vắng nhà
dây thép gai nghiêm nghị
tôi lục đồng báo cũ
lục túi quần mình
đọc

đọc con Lin đa
mắt mây chiều xơ rách

cái tủ vải bạt cũ mềm năm nao
giờ có dịp lành
một thon trinh chăm sóc

mất
rách
chân trời xa cũn cũn
ổ gà xa ứ tràn
hoa sứ chìa tay nao lòng
bàn chân dài ba mươi ba năm
một chiều hóa gỗ

bạn vắng nhà
một xa xăm đại lộ
một xa xăm xe chỉ đường mòn
gốc đa già và những toa đen
cùng em
có mặt!

S.G 28.9.92

Borges Và Tôi

Jorge Luis Borges

Mọi chuyện xảy tới, là xảy tới với cái người khác kia: với Borges. Còn tôi, tôi thường đi dạo dọc các phố xá Buenos Aires, thỉnh thoảng dừng lại - có lẽ do thói quen - nhìn ngắm khi thì cái mái vòm cung trên một lối vào kiểu cổ, khi thì tấm cửa lưới sắt; tôi biết tin tức về Borges là qua thư từ, hoặc do tôi đọc thoáng thấy tên y trong một danh sách giáo ban đại học hay trong một từ điển tác gia nào. Riêng tôi, tôi thích đồng hồ cát cùng bản đồ các loại, thích kiểu cách in ấn xa xưa hồi thế kỷ 18, thích từ nguyên, thích cà-phê nữa, rồi văn xuôi của Stevenson; còn cái người khác kia, Borges, y cũng chia sẻ những sở thích đó nhưng với một kiểu cách phô trương đã biến chúng thành những thói cầu kỳ kịch cỡm. Quả là quá đáng nếu bảo rằng giữa chúng tôi có mối quan hệ xấu; tôi sống đời tôi, chẳng phiền chẳng lụy, sao cho Borges có thể mặc tình thù ghét những truyện, thơ y, và nói nào ngay, những truyện, thơ này lại biện bạch cho chính tôi. Cũng chẳng khó khăn gì cho tôi để thừa nhận rằng quả là Borges cũng gắng viết lách được dăm ba trang gọi là bỏ công đáng sức, nhưng dăm ba trang đó chẳng cứu vãn gì được tôi, có lẽ bởi vì bất cứ điều hay đẹp nào, trước sau gì, cũng chẳng là sở hữu của riêng ai - ngay cả của cái người khác kia - để nhập vào ngôn ngữ chung hay truyền thống của cộng đồng. Trong bất cứ tình huống nào, định mệnh cũng đã an bài, là tôi phải chịu thua thiệt, mất mát, lụi tàn, đứt khoát là như vậy (x); có chăng là thắng hoặc vài khoảnh khắc con người thật trong tôi còn sống sót nơi cái người khác kia. Dần dà, tôi phải giao nạp mọi thứ cho y (x), đầu tôi có chứng cứ hiển nhiên về thói quen ương bướng của y là chuyên xuyên tạc và cường điệu mọi chuyện. Spinoza tin rằng mọi sự hữu không ngừng trì thủ lấy mình, đá mãi muốn là đá và cọp mãi muốn là cọp. Nếu quả vậy, tôi sẽ trì thủ nơi Borges chứ chẳng phải nơi tôi (nếu quả thực tôi có là ai đó); thế nhưng, thực tình mà nói, tôi ít nhận ra mình nơi những tác phẩm của Borges cho bằng nơi những tác phẩm của các tác giả khác, hoặc cho

bằng nội cái việc cần thử lean đây một cây đàn ghi-ta. Nhiều năm trước đây, tôi đã gắng giải thoát tôi khỏi bị y đeo đẳng, nên chỉ tôi hết lao đầu vào việc thu nhặt những mẩu chuyện hoang đường về các khu nhà ổ chuột ở ngoại ô thành phố, lại tìm tới các trò tiêu khiển giết thời gian, hoặc các trò chơi mà qua đó loài người hữu hạn đọ sức với vô biên, nhưng rồi những trò chơi đó nay cũng làm Borges say mê, và thế là tôi lại phải tìm tới những công việc, những trò chơi khác. Và cứ thế, đời tôi trở thành một cuộc đào thoát, tôi mất dần mọi thứ, bởi mọi thứ hoặc là chìm vào quên lãng hoặc là phó mặc cho các người khác kia.

Ai trong chúng tôi - tôi và Borges - viết trang này, tôi chẳng biết.

PKT dịch

Chú thích

- (1) Bản dịch sang Anh ngữ, có sự cộng tác của chính tác giả: In any case, I am fated to become lost once and for all... (The Aleph and Other Stories 1933-1969, edited and translated by Norman Thomas di Giovanni in collaboration with the author, Bantam Books, 1971, p.98)

Bản dịch của James E. Irby (sách đã dẫn, trang 43):

Besides, I am destined to perish, definitively,...

Tự xét không đủ sức để ngăn gọn đồng thời rõ nghĩa, người dịch đã, một cách thô thiển, trộn lộn cả hai câu tiếng Anh.

- (2) Ôi đồng hồ cát, ôi cà-phê, ôi Stevenson với hư cấu lấy long về nhị trùng bản ngã Jekyll-and-hyde, và gì nữa, và sẽ còn gì nữa... (lời than của người dịch).

PHAN ĐAN

Etude 487-A (trích)

Mày có thể hát uể oải khàn khàn như thế có thể khạc cả thanh quản chất dẻo của mày vào những thông tin nghiêm chỉnh nhất có thể vón một cục sừng sốt trong viễn vọng kính âm nhạc đúng nơi chòm sao nhân mã bởi vì mày là một hard-rocker một con ngựa-người cứ hí lên nổi khấc khoái trên nền trống định âm trì tục gằm gừ như nòi sư tử bị rút vuốt lấc bồm cồ rừ bỏ đám chấy rận nô lệ mày là beatles là rolling stones là scorpions etc là một thằng nhóc cảm nhận chiều kích vũ trụ của một lần đứng thẳng mà sẵn lòng đồng loại mày có thể chối bỏ du dương xếp đá học vào giai điệu cỡ hai ngàn decibel những dây đàn guitar như kíp mìn định hướng nổ gãy xương sống gã jehovah kỹ trị đã sản xuất ra mày lẫn những ống phong cầm điện tử nhốt giữ linh hồn nổi loạn của bọn rocker đáng thương mày là pink floyd rú rít bên ngoài tầng điện ly mà mày còn cầu hồn cho cuộc ăn vãi bản thân của tập đoàn amip những tên rocker những tên rocker nguồn bức xạ cực mạnh của những ngôi sao lùn lúc nào cũng bực bội vì động tác ngược nhìn lên dãy building chọc trời của bọn điếc mày có thể hát thật êm dịu không đảo phách nghịch phách theo cung cách xấu hổ phức điệu phối khí đã dẫn những thằng đàn ông đi làm điếm chinh phục chứng bạo dâm của* thế kỷ nhiệm trùng quảng cáo thế là một tân thế giới đã ra lò từ những liều cocaine tiêm đặng tai mày là rocker vĩ đại không phải vì các đám đông mất trí hay các tờ báo lá cải chuyên bình luận về món bánh rán du thủ du thực mà mày quả là chủng tộc khổng lồ một mắt từ thời homère đang sáng tạo một nền phục hưng chính vì cái giọng uể oải rất cổ cây của mày cứu vãn những kẻ mồ côi truyền thống mày có thể tự tôn vinh bằng đàn tăng âm bán dẫn phóng đại sự ngu xuẩn của các thánh thần miền là thánh thần thứ thiệt sức khoẻ tốt lý lịch rõ ràng con người là hộp đen nhỏi nhét đủ thứ rác rưởi đồng tây kim cổ dẫn nơi kênra những triết lý mù mịt kỳ trịnh trọng còn mày tên rocker con ngựa-người tiền sử nuốt chửng những không gian mệnh mông chỉ có gió gào thét mày làm rỗng cái bụng tham lam nồng nàn của mày rồi nhả ra những âm hình sáng chói của đồng bão và tự do Rocker Rocker Rocker.

MỘT VÀI Ý NGHĨ VỀ THƠ

ĐỐI VỌNG THƠ

1

Thơ không được vay mượn của nhạc, phải lấy đi những yếu tố nhạc của thơ.

2

Thơ không được vay mượn của họa.

3

Nét phân biệt của thơ không nằm trong vẻ đẹp của sự sắp đặt các chữ.

4

Âm vận của thơ không biểu lộ nơi tiết điệu nhịp nhàng của các chữ, mà là trong tiết điệu của tình cảm, nghĩa là trong sự sâu sắc của cảm hứng.

5

Điều quan trọng nhất trong thơ mới: những sắc điệu của tình cảm, chứ không phải những sắc điệu của những chữ và những câu thơ.

6

Vận và âm luật gây trở ngại cho cảm hứng, hoặc đóng khuôn nó lại. Dem những tình cảm thơ thích nghi với những luật tắc cứng nhắc, hời hợt trên bề mặt và cổ hủ, chính là muốn xô chân mình vào những đôi giày của kẻ khác. Người khờ khạo chặt chân mình cho vừa giày của người khác; người thông minh lựa những đôi giày hợp với mình; người khôn ngoan tạo lấy giày mình đi.

7

Thơ không phải là việc vui hưởng một giác quan, mà là một điều gì đó động chạm tới hết mọi giác quan hoặc ở bên kia các giác quan.

8

Thơ mới phải mang những tình cảm mới và những hình thức thích hợp để diễn tả những tình cảm ấy. Khi nói hình thức, ta không có ý nói

sự sắp đặt ngay hàng thẳng lối hời hợt bề ngoài của các chữ, cũng chẳng hiểu là sự chông chất những từ mới.

9

Rút cảm hứng từ những đề tài mới không phải là tuyệt đối cần thiết. Trong những biến cố và sự việc của dĩ vãng, người ta có thể khám phá ra một nguồn cảm hứng mới.

10

Người ta có thể sử dụng một ngôn ngữ cổ điển, với điều kiện là ngôn ngữ này gợi ra những tình cảm mới.

11

Không nên chỉ bản khoăn tới một sự trang trí tân kỳ, sự trang trí này không phải là vĩnh viễn.

12

Thơ cần phải có tính độc sáng, nhưng cũng cần phải có tính phổ quát; cả hai cần phải đi song đôi.

13

Thơ là kết quả của trí tưởng tượng dựa trên thực tế, nó không chỉ là tưởng tượng, cũng không chỉ là thực tế.

14

Thơ phải diễn tả những tình cảm của tác giả để người đọc đến lượt mình cảm thấy một điều gì đó; thơ tựa như một vật sống động, chứ không phải một thây ma cứng ngắt.

15

Ta không chụp hình các tình cảm, mà gợi ra chúng bằng những nét bút khéo léo; những nét ấy cần sống động, thay đổi và phong phú.

16

Thơ viết ra trong một ngôn ngữ nào đó và được một dân tộc nào đó yêu mến, trong thực tế, không phải là thơ hay; cùng lắm nó tạo lập một trò chơi bằng chữ. Vẻ đẹp của thơ đích thực không nhất thiết nối liền với vẻ đẹp của ngôn ngữ.

TST dịch

DIỄM CHÂU

Bốn Bài Thơ Hoa Kỳ Và Một Bài Thơ Do Thái
Cho Việt Nam

KAREN LINDSEY

Mẹ Sầu Bi (thứ bảy Tuần thánh 1965)

I.

Chung quanh cây thập tự

cỏ

đã chết.

Hôm qua

được tưới bằng máu người, và nước mắt mẹ

cỏ mùa xuân đã nâu,

và rủ mềm và chết

Hôm qua mẹ đã khóc, hôm nay mẹ chờ đợi;

nhưng ngày mai, Mẹ ơi,

tảng đá ở cửa mộ

sẽ được nhấc ra,

những vết thương ác nghiệt và đỏ

trở thành lộng lẫy.

Và ngày mai cỏ sẽ sống.

II.

Ở đây, ở Hoa thịnh đốn,

cỏ thời xanh

và sống động.

Bị du khách dẫm đạp không thôi,

cỏ đã lớn lên toàn thắng

sau khi họ đi qua.

Rõ rệt và dịu êm

mùi cỏ sống động

kêu lên với chúng ta

rằng cả chúng ta nữa chúng ta cũng sống.

III.

Mẹ ơi, hôm qua mẹ đã khóc
hôm nay mẹ đợi chờ,
nhưng ngày mai đã Phục sinh...

IV.

Trên một cánh đồng châu Á,
cỏ
thời xanh
Mẹ ơi, một người đàn bà khác
đang khóc, như đã khóc
hôm qua; bà không chờ đợi

gì hết

Con trai bà đã chết; nơi những vết thương anh,
sâu bọ gặm nhấm thịt da;
máu anh và nước mắt mẹ anh
đã nhận chìm
vĩnh viễn
cỏ ngày xưa xanh.
Ôi, Maria,
mẹ hãy khóc đứa con này!
Nó không phải thiên sứ
để lay vãn
tảng đá
của cả ngàn cửa mồ.

DENISE LEVERTOV

Họ Ra Sao? (Hỏi và Đáp)

- 1) Người Việt nam
có dùng những cây đèn lồng bằng đá?
- 2) Họ có những buổi lễ
để mừng những mầm non hé mở?
- 3) Họ có cái cười nhăn nhúm?
- 4) Đồ trang sức của họ bằng xương, bằng ngà, bằng ngọc và bạc?
- 5) Họ có viết anh hùng ca?
- 6) Họ có phân biệt ngôn ngữ và ca khúc?

- 1) Thưa ông, lòng họ thanh thản đã biến thành đá.
Họ không để lại kỷ niệm những cây đèn lồng bằng đá
soi sáng những lối đi trong vườn.
- 2) Có lẽ ngày xưa họ đã tụ tập để ngắm hoa,
nhưng sau khi trẻ nhỏ bị giết
không còn mầm nụ nữa.
- 3) Thưa ông, cái cười đau đớn ở cửa miệng nám cháy.
- 4) Có lẽ có cả một giấc mộng dài về chuyện đó.
Đồ trang sức là chuyện vui. Xương xấu biến thành tro than cả.
- 5) Người ta không còn nhớ nữa. Xin ông hãy nghĩ lại
rằng đa số là nông dân. Đời họ
ở giữa cây lúa và cụm tre.
Khi những đám mây yên hàn phản chiếu trên đồng ruộng
và con trâu mạnh dạn rảo khắp mặt đất bằng
có lẽ những người cha đã kể chuyện cổ tích cho các con.
Khi những trái bom đập nát những mặt gương
chỉ còn thời gian để gào thét.
- 6) Người ta bảo, với ngôn ngữ của họ tựa như tiếng hát
vọng âm vẫn còn.
Người ta cũng thuật lại rằng tiếng hát của họ tựa như
những cánh bướm đêm giữa ánh trăng.
Ai đoan chắc được? Bởi lúc này tiếng hát ấy đã lặng câm.

MORTON MARCUS

trích Thú Nhận

Làm sao nói
rằng tôi là kẻ sát nhân?

Tôi lê chiếc bóng mình
như một cái bao
đựng những thầy người bị bỏ rơi.

Con tính của tôi mơ hồ
nhưng chắc là phải bao gồm
tám bà mẹ
chạy qua đầu ruột tôi
tóc bốc lửa;

đứa trẻ mới sinh
với hình thù một tiếng hét;
hai đứa con gái nhỏ
với tay và bụng
của nước sục sôi;
và trên những đốt xương sống tôi
đứa con trai đang bò
xa mãi
đôi chân.

LOUIS SIMPSON

Những Giấc Mơ Hoa Kỳ

Trong mơ cuộc đời tôi đến với tôi,
Và những người tình của tôi mảnh mai như loài sơn dương.
Nhưng nước Mỹ nước Mỹ cũng mơ...
Hãy mơ đi, mi bay trên nước Nga,
Hãy mơ đi, mi rơi trên châu Á.

Khi tôi quan sát phố xá
Vào một ngày nắng rõ và tiêu biểu này của California,
Ấy căn nhà tôi bốc cháy,
Và những người yêu dấu của tôi nằm dài trên rãnh nước
Khi quân đội Mỹ xuất hiện.

Mỗi ngày tôi thức dậy thật xa
Xa đời tôi, ở một xứ lạ xa,
Những người ấy nói một ngôn ngữ kỳ quặc.
Kỳ quặc đối với tôi,
Và kỳ quặc tôi nghĩ tới chính họ.

PAUL CELAN

Cho một Người Anh Em ở Á Châu

Những cổ đại pháo
tự hiển linh rạng rỡ
bốc lên trời,

mười
oanh tạc cơ ngáp,

một loạt đạn lia mau nổ rộ,
chắc chắn như hòa bình,

một nạm thóc
trút hơi thở tàn như bạn anh

Chú thích

- * KAREN LINDSEY sinh tại Hollywood, Ca. năm 1945, sống ở Nữ ược. “Mẹ sấu bi...”, với tựa đề bằng tiếng La-tinh trong nguyên tác: “Mater dolorosa...”, đã đăng trên tờ *Kauri* (số tháng Giêng-Hai 1966).
- * DENISE LEVERTOV sinh ở Anh quốc năm 1923, sống ở Nữ ược. New Directions đã xuất bản nhiều thi tập của bà. “Họ ra sao? (Hỏi và Đáp)” đã đăng trên tờ *The Nation* số ngày 27.6.1966.
- * MORTON MARCUS sinh tại Nữ ược năm 1936, ngụ tại bờ biển phía tây Hoa Kỳ. “trích Thú Nhận” đã in trong *Where is Vietnam? American Poets Respond* do Walter Lowenfels thu thập.
- * LOUIS SIMPSON sinh tại West Indies năm 1923, sống ở bờ biển phía tây Hoa Kỳ. “Những giấc mơ hoa kỳ” in lần đầu trong *A Poetry Reading against the Vietnam War*, the Sixties Press 1966.
- * PAUL CELAN sinh ngày 23.11.1920 tại Cernowitz, nay thuộc Ukraine; mất tại Paris vào tháng 4.1970. Là một nhà thơ gốc Do thái, viết tiếng Đức. “Cho một người anh em...” trích trong tập *Lichzwang* (1970). Bài này, theo bà Martine Broda, một nữ thi sĩ Pháp và chuyên gia về Paul Celan, đã được tác giả “viết cho người Việt nam”. Năm bài trên do Diễm Châu dịch, để tưởng niệm Trần Triệu Luật và Trần Quang Long và những người đã hy sinh trong cuộc chiến tranh cuối cùng ở Việt nam.

NGUYỄN HOÀNG NAM

Làm Cha

*Có người ở quận Đông Thành
Tu thân tích đức sớm sanh con hiền
Đặt tên là Lục Vân Tiên.*

Nguyễn Đình Chiểu

1.

tôi cũng thích bế con nít
miễn là con của người ta
tôi khoái nhủ thầm mình chưa già

những em bé Rwanda da bọc xương ngồi khóc
những em bé Central L.A. lạc loài không cha
câu hỏi lẫn quần đang ẩn nấp
câu hỏi gì đó đang rình rập
như cục ớt trong ổ bánh mì gà

những tiệc tân gia
kỷ niệm 901 năm ngày cưới ông bà già
tết tây tết ta
những dịp bịa ra để nhảy đầm
lúc tôi cầm cái đĩa xếp hàng buffet
lúc tôi loay hoay xúc cơm chiên gấp chảo giò
thuộc lòng từng câu từng đoạn cái bản rumba
lúc tôi nhòai người với lấy chai cô ca
lúc tôi nhìn quanh kiếm ghế
chẳng còn hứng thú nhìn quanh kiếm ghế
người đứng người ngồi người len qua lại
lúc mấy đứa nhỏ dụi dụi mắt vì cay khói thuốc
người hối hả làm giàu người hốt hoảng chết đói
người đứ đờn lảng xãng người phêu phào mệt mỏi
lúc mấy đứa nhỏ quậy quậy trên đùi mẹ đòi đi về

người toát mồ hôi rán nháy người nhấp nhòm sợ bị tow xe
 đi nhiên chẳng ai có cái chó gì để nói
 đi nhiên lâu nay vẫn bao nhiêu đó
 rề rề nhạt ngấy bãi tha ma
 nhóc nhách cái bản rumba
 nhỏ ra lượm lại liên tiếp vô số lần
 từng thầy ma
 từng thầy ma
 lần lượt trở vào tôi chỉ để hỏi:
 “Tối lâu chưa?”
 và lập tức cuốn cassette quay đều đều kinh tụng:
 “Vợ con gì chưa?”
 “Cái cô hôm trước đâu rồi?”
 “Chừng nào mới cho uống rượu đây?”
 “Chừng nào mới có một đứa vậy?”
 tự động chuyển sang âm cần lo lắng:
 “Năm nay bao nhiêu tuổi rồi? Rán lẹ lẹ đi
 Còn trẻ mới lo cho con cái nổi chớ!”
 rồi khuyên nhủ bằng cái giọng đều đều như than thở:
 “Đi chơi cho đã đi, chỗ nào cũng đi cho hết.
 Tối lúc có con như tụi này muốn đi đâu cũng chẳng được.”

tôi cũng thích nựng má con nít
 dù của những thầy ma
 tôi lại nhủ thầm
 mình chưa già... mình chưa già...

bãi tha ma tự động gửi thiệp cưới ào ào
 tên tôi đã khắc trên mailing list
 tôi chưa học thất cà vạt kịp
 cổ tôi còn lợm bao nhiêu đó món Tàu
 đã nghe xôn xao
 đã thấy ào ào
 thi đua phong trào khoe con mới sinh
 baby shower xập xình
 không bằng đầy tháng linh đình
 vẫn thua xa thôi nôi cùng dịp Giáng Sinh
 “Hồi nãy có nghe nó ợ sữa,
 có nghe nó tập nói tu oa tu oa
 trên answering machine?
 thứ bảy này tối chơi, có nhảy đầm

nhớ mang theo máy hình
 chụp sơ sơ giùm vài tấm
 lúc nó dụi mắt buồn ngủ *bấm... bấm có kịp không? sao không
 thấy flash?*
 lúc nó đang ngủ coi *dễ thương quá há... bấm đi... bấm...*
 lúc nó làm xấu *quay lại chú kia... làm mặt ông kẹ đi con...*
 lúc nó cười một mình *miệng rộng giống ba... há con...*
 lúc nó thao láo nhìn *mắt to giống má... há con...*
 lúc nó khóc mũi hỉnh hỉnh *cái mũi cao giống ba... há con
 xì... cái mũi này của má!... con của má há con!*
nó giống ba! nó giống má! ba! má! ba! má!
 bamábamábamábamábamá...
 còn phim xin luôn một tấm cả gia đình
ê chụp lại! chụp lại! chụp thêm cái nữa đi cho chắc ăn!
*nhANH LÊN! Chụp xong chỉ cách xài cái máy quay video này
 giùm!"*

2.

mình chưa già... mình chưa già...
 khổ tôi quá
 thời này cái gì cũng có rồi cả!
 đã có anh hùng lấy thân chèn phéo
 đã có thiên thần ở lại Charlie
 thế hệ lãng tử đèn màu Paris
 trà Tàu hoàng hạc rô ti
 thất ngôn hủ tiếu mì giao hưởng au riz
 lên xe tiễn em đi (đừng quên maggi)
 bỗng nhiên nhớ dai đã có hồi ký McNamara
 vận công bút vải bịt mắt tử hình đã có phim anh Trỗi
 phần lực Mỹ lượn trên đầu Khomeini
 mấy triệu treo trên đầu Rushdie
 pee wee lủng lẳng treo Pee Wee
 Michael hí Lisa Marie
 (sao toàn vẫn i? chết mẹ, vô thức tôi đây ti vi!)
 vân vân và vân vân
 chắc gì tôi chen chân?

tự thiêu, tuyệt thực, treo cổ, nhảy lầu, overdose, bắn vào đầu?
 xin lỗi, mấy trò này đều xưa như trái đất
 có lên tin tức buổi chiều cũng không đầy nửa phút
 tôi từng đặt nhiều hy vọng vào tài bốc phét

nhưng cười hô hô hoài rất khó làm đạo trưởng
 tôi gốc ruộng mà chưa biết chế bom bằng phân bón
 tôi bắn súng rất tồi và rất ít khi chống chính phủ
 tôi khá thích làm tình nhưng quá lười lái nhảì trong rào đón dè
 đặt

trạng thái bình thường của tôi là buồn ngủ
 tôi chẳng hay ho gì làm sao được người hành tinh bất?
 tôi tự giới thiệu thế nào trên Internet?
 hay nói đại tôi là kỹ sư thất nghiệp?
 đã có quá nhiều chí, nha, đạo, bác, văn, tiến, thi, liệt sĩ
 (mà luôn luôn thiếu... à... hay là...
 cũng không được, tôi người Việt Nam không thể làm quân sĩ!)
 đã có quá nhiều kẻ sát nhân
 đã có quá nhiều Việt kiều
 và đã có quá nhiều ca sĩ

tôi phải bon chen thế nào? tôi phải quậy làm sao?
 làm cách nào mới được giấy mời của chính phủ lâm thời?
 hay nói đại tôi theo thời trang retro-Trotskyist?
 hay để tóc dài? ponytail? Bối lên kiểu phim bộ kiếm hiệp?
 hình như Wall Street cần một cuộc đời cà lăm
 hình như Thế Vận Hội cần giải bụng phệ đang trí
 tôi sắp quên mất mình đang muốn nói gì
 (khó chịu quá... chờ tôi nới dây nịt ra thêm một tí...)
 à... ờ... thời này chẳng làm được cái gì cả!
 cũng không thể không làm gì cả!

3.

ra đi mẹ có dặn rằng
 nhỏ mà không học lớn làm sao cha
 càng ngày tôi càng giống một thầy ma

vài sợi tóc bạc thành linh âm toán
 lúc tôi sẩy đầu hồi sáng

tôi chưa vỡ mộng làm cha thiên hạ
 trong lúc chờ đợi tôi tạm làm cha

những em bé khóc điếc trời
 những em bé bám đầy tôi
 oa oa oa, éc! oaaaa, éc! oaaaaaaa...

liên hồi
bỏ ra giữa Waco thánh hóa
chui lên từ dưới đồng gạch vụn Oklahoma

ruồi bu kên kên chực Ethiopia
mũi dài vắn vện Central America
những cô bỏ chồng
một hai ba xấp ở Bolsa
nhanh lên làm sao đưa ngay cho tôi một đũa
để tôi ký chi phiếu
đây là số visa
mỗi tháng gửi hình tôi coi cũng được
nhưng lẹ lẹ dùm đi mà
tick tock tick tock
bio/logical/socio/logical clock
tôi phải có con cho kịp với người ta

tôi không thể nào đợi 9 tháng
-trời ơi, trước đó còn nhiều màn phiến phức khác!

“Vợ con gì chưa?”
“Cái cô hôm trước đâu rồi?”
“Chừng nào mới cho uống rượu đây?”
“Chừng nào mới có một đũa vậy?”

tôi nhắm mắt cắn
cục ớt phục kích trong ổ bánh mì gà
mình dạy con mình cái gì cà?

BÓNG CHỮ CỦA LÊ ĐẠT

Thụy Khuê

Tập thơ Bóng Chữ của Lê Đạt do nhà xuất bản Hội Nhà Văn in năm 1994 gồm 138 bài thơ, sáng tác trong khoảng thời gian trên 30 năm. Tác phẩm của một đời người và người đọc cũng không thể một sớm một chiều hiểu hết được. Thơ Lê Đạt nằm trong dòng thơ hiện đại. Bản chất mang sắc thái đa ngã -le moi multiple- thám hiểm những cái tôi chưa biết -le moi inconnu- chưa thành hình.

Về cấu trúc, rời bỏ hình thức thẳng -forme linéaire- sang hình thức nổi -typographique-, đi vào cấu trúc không gian, không vần -non vers-, đảo lộn ngữ pháp cổ điển: cắt chữ, phân câu theo một trật tự mới. Phong cách này bắt nguồn từ quan niệm thẩm mỹ và triết lý gián đoạn, đối lập với quan niệm thẩm mỹ liên tục trong văn chương và trong cuộc sống, hiện diện trong thơ văn từ trước đến giờ.

Muốn tìm hiểu tác phẩm và tác phong văn học đó, trước hết phải đặt Bóng Chữ vào bối cảnh của nó, vào gia đình thơ hiện đại, với dòng mạch thế kỷ XX. Dòng mạch này, đối với phần đông chúng ta, dường như vẫn còn là một hoang đảo, mà trước tập Bóng Chữ của Lê Đạt, cũng chỉ có một vài tên tuổi như Thanh Tâm Tuyền, Đặng Đình Hưng, mỗi người một lối, đã tìm cách bước vào.

Ở ngã ba, giữa tinh thần khoa học và trí tuệ trong thơ hiện đại, giữa truyền thống tạo vật huyền động trong triết lý Lão Trang, và bằng chữ Việt, đắm trong lịch sử chữ, qua thơ văn, ca dao, tục ngữ ... Lê Đạt tha thần tạo nên Bóng Chữ.

*

Tác phẩm đã gây ra những bài viết sóng gió trong nước. Chúng tôi nghĩ rằng, muốn giới thiệu tác phẩm một cách nghiêm chỉnh, trước hết chúng ta nên tìm hiểu một số quy ước mỹ học trong thơ hiện đại mà từ những khái niệm mỹ học đó, đã thoát thai Bóng Chữ.

Dòng mạch siêu thực ra đời những năm 20 với phong trào “Da Da” từ Zurich, sang Paris - New-York. Đối với thi ca, André Breton, Jean Cocteau chối bỏ cấu trúc cổ điển, dựa trên nguyên lý song song: Song song trong vần điệu, song song trong điệp âm, điệp ý, song song trong đối âm, đối ngẫu,

... để mở ra một phong cách sắp xếp chữ nghĩa khác, trong đó cấu trúc du dương không còn giữ địa vị độc tôn như xưa nữa. Cấu trúc mới còn gọi là cấu trúc không vần “non vers”, phát hiện ngay từ đầu thế kỷ với ý hướng giải thoát câu thơ từ hình thức thẳng sang hình thức nổi, hay hình thức âm thanh, hoặc đảo lộn ngữ pháp từ thời kỳ Da Da. Guillaume Apollinaire là một trong những người tiên phong bước vào thế loại vô hình thức.

Trong nửa đầu thế kỷ XX, những khuynh hướng đối lập trực diện với nhau. Đôi khi trong cùng một tác giả hoặc trong cùng một tác phẩm, xuất hiện cả hai quan niệm: Quan niệm thẩm mỹ liên tục - của bài thơ - kết hợp, đồng nhất và hài hòa với quan niệm gián đoạn, rã rời, tư tán trong cấu trúc. Sự trung thành với hình thức cổ điển và sự chối bỏ cổ điển xuất hiện thường xuyên trong các tác phẩm của Paul Claudel, Paul Valéry, Blaise Cendrars ... Anh hưởng vừa đối tác, vừa giao hòa của các nhà thơ này chấm dứt những năm 50, để nhường chỗ cho một thế hệ thi nhân mới, khuynh đảo thế hệ đi trước và sáng lập ra ngôn ngữ cách tân hiện đại, dựa trên ngữ căn học, chối bỏ mọi thỏa hiệp với cổ điển và lãng mạn. Họ là những Pierre Jean Jouve, Jules Supervielle, St John Perse, rồi Paul Eluard, René Char, Henri Michaux, Francis Ponge, Yves Bonnefoy, ...

*

Sự khác biệt đầu tiên giữa thơ hiện đại với thơ cổ điển và lãng mạn là ở “*cái tôi*”.

Từ xưa đến nay, *cái tôi* -le moi- vẫn được coi như là căn nguyên hay sự khởi nguồn của động tác sáng tạo. Thời lãng mạn, *cái tôi*, với trạng thái ý thức và sự nhận thức của nó, là yếu tố chủ động cấu tạo nên bài thơ.

Cái tôi, được quan niệm như một dữ kiện, trọng tâm của ý thức, tiếp nhận những cảm xúc. Sự tiếp nhận đó tạo nên được tổ, kích thích nó, khiến *cái tôi* tô màu những nhận thức của mình về cuộc đời: tình yêu, buồn vui, hoang mang, lo sợ. Thi pháp của Eluard, dưới một khía cạnh nào đó, vẫn còn giữ truyền thống này.

Nhưng đối với Paul Eluard cũng như đối với thế hệ thi nhân hiện đại, vị trí của “*cái tôi*” đã không còn như trước nữa: nó đã mất địa vị độc tôn, hoặc đã lu mờ, hay đã bội phân, lũy thừa trở thành *cái tôi multiple* tùy theo bài thơ.

Đối với thơ hiện đại, cứu cánh của động tác thi ca nằm ở sự biểu lộ, phát giác, thoát thai, giải phóng *cái tôi chưa biết* -le moi inconnu-, thám hiểm thế giới của nó bằng ánh sáng ngôn ngữ. Paul Eluard cho rằng: *Bài thơ thực hiện bằng lời, sự ngẫu hợp kỳ diệu của cái tôi và ngoại giới và là một hình thái kết hợp tình yêu*. Theo Breton và Eluard, tình yêu là một phong cách thơ, ngoài tầm lý trí, là nguồn của sự hội nhập *cái tôi ý thức* trong *cái tôi vô thức*.

Đối với Henri Michaux: Không có một tôi, không có mười tôi. Tôi chỉ là vị trí thăng bằng. Và người ký tên tác phẩm chỉ là một hình thái

nhất thời của những yếu tố rời rạc, không ngừng chuyển động để dàn ra những thực thể bất kỳ và gián đoạn. Điều đó giúp ông thoát khỏi sự hỗn loạn và có thể làm chủ mình.

Francis Ponge từ bỏ *cái tôi* để giải đáp một vấn đề khác: Đó là làm sao thể hiện bằng động tác ngôn ngữ, mối tương quan sâu xa giữa người và sự vật. Từ bỏ *cái tôi*, Ponge từ bỏ những chủ đề lấy *cái tôi* làm gốc, như những lo âu, ám ảnh, sự tìm kiếm siêu hình ... và rất an nhiên Ponge đem vật thể objet làm thành vật chơi *objeu* và vật vui *objoie*. Trong thú vui của mình với đồ vật, Ponge tìm thấy nguyên lý: “*Thế giới cảm mới là tổ quốc*”.

*

Tóm lại, thi ca hiện đại, đặt lại vấn đề thân phận của cái tôi đã từng chi phối hệ thống tư tưởng của con người trong suốt 20 thế kỷ.

Với St John Perse, nhà thơ kiêu kỳ và linh thiêng vì có khả năng thiên bẩm, nhà thơ vừa là ngoại nhân mà còn là nhân chứng, tham dự vào chuyến phiêu lưu mà bài thơ đề cập.

Nhà thơ, đối với Breton, là người giải phóng, và là tiền trạm của người tương lai.

Đối với René Char, không phải là ngoại giới mà là đất, miền đất đặc biệt của quê hương ông (vùng Lsur la Sorgue, Vaucluse) đã cung cấp chất liệu cho những bài thơ của ông. Và qua đất mà Char định vị mình như một con người ý thức, con người nhất thời và muôn thuở. Sống bởi và sống bằng tư tưởng, giữa những biên giới của những thực tại vô nhân, vô luân, đáng ngại.

Lửa, nước, đất, không khí, cái cuộc, cái cây, mùa màng, sống, chết, tình yêu, ánh sáng và bóng tối tạo một vũ trụ ngữ học giàu có, ở đó những phức tạp và những nghịch lý đối chất nhau trong kinh nghiệm con người.

Theo Char: “*Chúng ta chỉ có thể sống trước ngưỡng cửa hé mở, đứng trên con đường niêm phong ranh giới giữa ánh sáng và bóng tối*”. Thi sĩ, là người dùng lời lẽ chính xác, hòa hợp con người với tình trạng trọn vẹn nắm bắt ấy.

Người nghệ sĩ, theo Nietzsche, hủy hoại những hình thức đã có để tái tạo những kết hợp mới bằng trò chơi.

Sự nổi dậy của thơ hiện đại do đó có hai chặng: Chặng phá vỡ ngôn ngữ, trước tiên là một dụng cụ, một khí giới và nhờ khí giới ấy, thi nhân đạt tới mục đích là *con người tự do*.

Henri Michaux viết: “*Độc giả, bạn cầm ở tay đây một quyển sách không phải tác giả làm*” và cái *không tôi* - không tác giả - đề nghị với độc giả làm chung một quyển sách khác.

Michaux biệt lập *cái tôi* để khách quan nó, để loại trừ vai trò ưu tiên của nó trong văn bản, và rải rác nó vào nhiều cá thể khác, đủ loại, sinh ra và biến đi trong mỗi bản văn.

Một mặt khác, *cái tôi* là một đơn vị cố hữu đối với tác phẩm, một tổ chức nội tại của văn bản, mà ở trong đó mạch thông không bị gián đoạn từ

bài này sang bài khác, mỗi bài thoát ra một hình thức hư cấu khác nhau. Và *cái tôi* đó nói lên tính cách phi lý của tất cả những cách xây dựng dựa trên bất kỳ một thực tế nào.

Francis Ponge là một nhà xây dựng, một người thợ; ông đã lao động 10 năm trước khi cho in tuyển tập *Le parti pris des choses* (1942) (Thành kiến về sự vật). Nhận thấy mình không thể “diễn tả” được, Ponge tìm đến sự vật để chơi. Ông nói: “*Tôi nhìn những vật gần nhất, nhìn những hòn sỏi dưới chân tôi, tôi quan sát nó cho đến khi nó mở ra, để lộ ra một hố sâu, và cái hố này ít nguy hiểm hơn cái hố sâu nơi con người, vì bằng những phương tiện diễn tả, tôi có thể khép nó lại được*”. Muốn thể hiện điều đó, trước hết phải quên đi tất cả những gì chúng ta đã biết về vật thể: tất cả những thành kiến đã có sẵn về nó. Sau đó, muốn để cho nó tái sinh trong ý thức ta, thì phải vận dụng đến kiến thức ngôn ngữ, nhưng không phải trong cái nghĩa miêu tả thông thường, mà dùng phương pháp lấp ghép -gọi là *objeu-* để chế tạo ra văn bản, cũng lạ lùng và đặc biệt như vật thể.

Tất cả những hình thức lao động tư tưởng và trò chơi lấp ghép chữ nghĩa mà chúng ta vừa lược kể trên đây, ít nhiều đều có họ hàng với các *con chữ* trong thơ Lê Đạt. Và sự kết hợp một đời chữ, một đời người, đã cấu tạo nên tác phẩm. Những chìa khóa này, trong một chừng mực nào đó, giúp chúng ta đỡ ngấp ngừng khi gõ vào *cửa hàng Lê Đạt*, đã bị niêm phong hơn 30 năm nay.

*

Là một nhà lý luận và nghiên cứu, Lê Đạt đã sắp xếp tác phẩm của mình theo tình tự khoa học. Song song với Bóng Chữ nhà thơ còn cho ra đời tập truyện ngắn Hèn Đại Nhân, kết hợp những bài viết nói lên vị thế và nhân cách của người cầm bút. Riêng truyện ngắn Hèn Đại Nhân, viết về ý nghĩa của cái chết, sự sống và sáng tác, một tự truyện của tác giả: Khi cần nhẫn nhục sẵn sàng gạt cái gọi là danh dự sang một bên, để sống còn, để sáng tác. Sống và sáng là cứu cánh của người nghệ sĩ. Nhưng khi tác phẩm đã hình thành, nếu tập bản thảo của mình bị chiếm đoạt, thì người nghệ sĩ lại là kẻ sẵn sàng đem sinh mệnh của mình để bảo vệ tác phẩm, đối lấy sự ra đời của tác phẩm. Tập truyện xuất hiện bên cạnh tập thơ, là giấy khai sinh và là lý do hiện hình của Bóng Chữ.

Bóng Chữ nằm trong dòng thơ hiện đại của thế kỷ này, mà chúng tôi xin tạm gọi là Thơ Tạo Sinh, đánh dấu sự ra đời của một dòng thơ, khác với *thơ mới* trong quan niệm cũ, khác với *thơ tự do* mà hai chữ tự do bị lạm dụng đã nhiều. Tạo trong nghĩa sáng tạo, sinh trong nghĩa sinh ra, sinh sôi, nảy nở, phức âm đa tầng, đa nghĩa và đa ngã.

Tác phẩm chia làm 4 phần:

1. Phần giáo đầu: Tiểu sử và chân dung tác giả.
2. Phần thứ nhì: Chiều Bích Câu là tình yêu hay sự hội ngộ giữa người và thơ.

3. Phần thứ ba: Lão Núi, chân dung lịch sử trong khung cảnh đất nước.

4. Phần thứ tư: Mùi sầu riêng, hợp thể về tình yêu và con người trong quá trình lịch sử và văn hóa, xưa và nay.

Sự phân đoạn chỉ có tính cách rất tượng trưng, vì trong cả bốn phần đều có sự liên tục những gián đoạn, và gián đoạn những liên tục của những hệ hình:

- Hệ tình yêu,
- Hệ dục tính,
- Hệ chiêm biếm,
- Hệ đấu tranh,
- Hệ nghệ thuật.

Trước khi vào tập, chúng ta thử đọc lại hai chữ “*bóng chữ*”. Bóng chữ, một hình ảnh vừa mơ hồ, vừa xác thực. Mơ hồ vì có ai biết thế nào là *bóng chữ*? Nghĩa bóng của chữ chẳng? Đúng mà chưa đủ. Xác thực vì khó tìm một định nghĩa nào gần gũi thơ Lê Đạt hơn “*Bóng chữ*”. Bởi mỗi chữ trong thơ ông chỉ là cái bóng, đề lên những chữ khác. Lê Đạt dùng “*con chữ*” để chỉ những thực thể chữ nghĩa của mình. Vì nó sống, nó chuyển động, nó biến đổi, nó tự nhân lên. Bản sắc của nó là đa ngã.

Thơ là nghệ thuật tạo hình bằng chữ. Mật độ hình ảnh trong thơ định lượng chất thơ trong thơ. Thơ Lê Đạt, ngoài những biện pháp tạo hình thông thường như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, cùng các phép tỉnh lược danh từ, tính từ, động từ, ... xóa bỏ ý niệm trung gian, còn xuất hiện những biện pháp khác dựa trên các thành tố khác:

- Tạo hình bằng tính chất đa ngã của chữ,
- Tạo hình bằng cách cắt chữ, cắt câu, gián đoạn mạch chữ, mạch văn,
- Tạo hình trong cách chuyển động mạch văn, chối bỏ sự ngắt câu cố định, chuyển sang cách ngắt câu bất định,
- Tạo hình bằng tính cách đối hình, đảo ngữ và nói lái trong ngôn ngữ Việt.

Và trên tất cả, Bóng Chữ mang tính chất hồn nhiên, thơ đại, nói đúng ra là ngây ngô, trong ý nghĩa naïf hội họa, của một người:

Ngây ngô quên hết lối vẽ già

Con chữ của Lê Đạt tương đương với *objeu* và *objoie* của Francis Ponge, một trò chơi chữ, một thú vui chữ, một mặt trận chữ, một trận đồ bát quái mà tác giả bày ra trong địa đồ và địa chỉ Lão Núi.

Lão Núi là những bức chân dung lập thể có tính cách chiêm biếm rất Tú Xương, Xuân Hương, ngay trong tựa đề: Ông phó cả Ngựa, Ông cụ chẵn dê, ông cụ Nguồn.

Trong Ông phó cả ngựa, cả ba chữ phó, cả và ngựa đều hàm súc. Ngựa có thể gợi ý từ ngựa Hồ:

Tình riêng chìm Việt ngựa Hồ

Chìm Việt ngựa Hồ biết nhớ nước thương non

Ngựa viết hoa còn có thể là Người viết hoa, là Nguyễn viết hoa; Ngựa có thể là hóa thân của người trong giấc mơ Trang Châu hóa bướm. Ngựa còn gắn với gia đình bọ ngựa: ngựa, ngó, ngoáy, ... nhờ liên tưởng âm thanh.

Chữ Cỏ là anh cỏ, là xếp, và còn gắn âm với cà như cà rịch cà tang, cà tong cà teo mà cũng có thể là cà như cán, đề, đàn áp, ...

Chữ Phó cũng vô cùng phức tạp, phó có thể là phó báng, phó mộc, phó tiến sĩ, phó thường dân, Phó dẫn đến các quan hệ thầy - thợ, cha - con, bác - cháu, quan - dân, chủ - tớ, ...

Chữ dê gợi những âm đồng nghĩa: dê, dâm, dương, mà còn gợi những âm khác nghĩa: như dương trong thái dương, như dần trong canh dần, như dân trong quốc dân, hay *Quốc và dân* ... Ông cụ chặn dê hình như còn là một người chán chữ :

*Ơ những con A con B con C
con Dê
bản trang trắng thảo thơm
(trang 60)*

Chữ Nguồn viết hoa, cũng có thể là chữ Người viết hoa, mà Nguồn còn có thể là nguồn nước như:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc. (Bà Huyện Thanh Quan)

hoặc:

Nơi Bác về Nguồn nước mới sinh. (Tố Hữu)

Nguồn đây cũng có thể là phản nguồn, đối cực với quan niệm nguồn gốc cụ thể, cố định và hoài cổ. Nguồn gốc đối với nhà thơ ở đây mang tính chất huyền thoại và luôn luôn chuyển động nó ở bên kia *biên thùy cõi biết*:

*Nguồn nơi dàng trong
(trang 68)*

Đàng trong có thể là đối lập của *đàng ngoài*. *Đàng trong* vừa có nghĩa là trong đục ... vừa có nghĩa là nội tâm của *Nước*:

*Tay áp ngực
trầm ngâm
tiếng nước tâm sự đá
Người thâm canh sống
(trang 69)*

Nguồn phần nào tương tự với bản lai diện mục của các thiên sư. Thế giới của các ông Lão Núi là Sáng Thế Xuân của chữ.

*

Về mặt ngữ căn và triết lý, ba bài thơ trên có sự tư thông giữa người và vật như người và ngựa, ngựa và mộc; chúng là chân dung phác thảo những kiếp người-ngựa, ngựa-người, mà cũng là chân dung gỗ, chân dung ngựa gỗ, *đánh số hoặc không đánh số, một đàn lóc nhốc, quân cộc, lộc ngọc, nhong nhong* như nhau.

Mà cũng có thể là một huyền thoại về nước, từ cái ngày *mười chín tháng tám* nào đó, Đê Đồng Lao bị vỡ, nước vỡ bờ, người ta đốt pháo mừng tuổi nước, mừng ngôi sao mới ra đời, huyền thoại kéo dài cho tới đêm Đại Mùa Thẳng Xuân:

*Mười chín ... tám
Thì reo
Rồi ùng ục
Rẽ nước đại thụ
từ sơ địa
mịt mù dã sử
phun sáng ngân
Đêm pháo hoa mừng tuổi nước
Một ngôi sao mới lớn*

Mà cũng có thể là những mảnh puzzle của một bức dư đồ rách, trải bao thăng trầm, tụt xuống *thời ma mút*, tiến lean văn minh *Xahara*; bức dư đồ đã qua những *ga Kỳ Lừa*, những *hợp tác Rừng ... những đại lộ Rừng chưa kịp đặt tên*.

Mà cũng có thể là chân dung anh Cả, anh Kế, anh Ké, có công cải cỗ nường Voi (1) thích món ... giả hùm "*phập phồng một vị riêng quê*", ưa trò đồ mi, nói như Xuân Hương gọi là "cắm giếng":

*Ông cắm giếng
Côn đất múp
Sừng gái mười bảy
Đào lút hai vầu cật cờ*

Mà cũng có thể chỉ là một chuyện bạch đàn. Một lịch sử mười năm trồng cây. Trăm năm trồng người.

Mà cũng có thể là một loại sấm, trong đó những con chữ thông minh tự biết ứng xử với đời: Khi nguy biến thì chui, thì đảo; khi an toàn thì nổi, có khi trở tục thành thanh ... bằng tất cả những thủ pháp có thể mượn tượng được trong tiếng Việt.

Tính chất đa ngã của chữ, hợp cùng cách xếp đặt lập thể những hình

ảnh cắt nghiêng, chông chéo, đảo lộn trật tự, những lớp lang úp mở, tất cả phối hợp thành tác phẩm đa thực (méta-réalisme) về một mệnh nước, mệnh người. Mệnh ngựa, mệnh gỗ, mệnh ngựa gỗ. Chất lượng hình ảnh tùy thuộc sự khám phá, sáng tạo trong kho ngôn ngữ và lịch sử ngôn ngữ của người đọc.

Về mặt cấu trúc hình thức, Lê Đạt dùng rất nhiều biện pháp cách tân để tạo hình mới, tạo ngôn ngữ mới. Tạo hình bằng cách cắt chữ: Một đóa mimosa mở ra ba hình: mi - môi - xa:

Mimosa chiều khép cánh mi môi xa

Mở ấn dụ cổ điển, cắt mây mưa thành

*Mưa mấy mùa
mây mấy độ thu*
(trang 27)

Lê Đạt đưa ra những hình ảnh mới về mắt, chưa từng xuất hiện bao giờ:

Từ hình ảnh mắt xanh, cổ điển, Lê Đạt viết:

*Mắt vạn niên thanh
trưa hồ thủy*
(trang 88)

như thế thì mắt không chỉ xanh thôi, mà còn to, tròn, có đuôi như lá vạn niên thanh, xanh vĩnh cửu: Câu thơ ấp ủ giấc mộng trường sinh trong biển lục. Rồi hình ảnh *trưa hồ thủy* bất chợt đến sau, đem *trưa*, một ý niệm thời gian hữu hạn, cắt đứt *vạn niên*, ý niệm thời gian vô hạn bằng một màu xanh khác: xanh hồ thủy. Vết cắt ấy chính là sự giao thoa giữa hai màu lục và lơ và là điểm hẹn giữa hiện tại và tương lai, giữa hữu hạn và vô hạn. Tính cách giao lưu kim cổ này tạo những hình ảnh lạ lùng và đài các trong thơ Lê Đạt:

Mây may thu mắt thủy mặc hồ
(trang 30)

Và từ *đôi mắt xanh*, Lê Đạt tạo những biến tố khác nhau trong nồng độ, âm độ và sắc độ, pha trộn giữa hội họa, thi ca và âm nhạc:

*Mắt xưa xanh
mưa màn
sương liễu sóng
Mùa sang may
thu đánh ngải lông mà*

(trang 94)

Từ *mắt xanh* thời quá khứ, chuyển sang *mắt bão*, thời hiện đại:

Mắt chuyển làm mày cau mi chớp giật
Tim dài xanh bão thổi cấp mười hai
 (trang 80)

và những đôi mắt lá rậm rất ca dao, rất Xuân Hương:

Nắng cúc lăm rậm vũng nhỏ
Mà cho đấy rửa lông mày
 (trang 26)

hoặc:

Nước rửa lông mày
 anh tưới tâm cây
 Vùng lửa hạn
mắt lá ngày rậm mát
 (trang 32)

Như thế, riêng hình ảnh về mắt, tính chất tạo sinh đã mở ra vô tận, tùy theo cách kết hợp giữa quá khứ với hiện tại, giữa con chữ hôm qua và con chữ hôm nay.

Ngờ Nguyễn Du và Đạm Tiên đã đi *bát phố*, nhà thơ gõ cửa Hồn thanh minh và hỏi:

Hồn có nhà hay bát mộ đi xanh
 (trang 134)

và nhà thơ vẽ tranh khóa thân thủy mặc:

Bãi nổi, sông thon, chiều vổ én
Đồi mềm, mây lưu thủy, mắt thuyền quên
 (trang 75)

Có khi ông đem hội họa về miền diên dã:

Hội kênh đầy
chân trắng ngấn sông quê
 (trang 22)

Với Bóng Chữ, trạng thái u mê có thể mở ra thành một quang cảnh đầy âm thanh và thiết tha tâm cảm:

Vỏ ốc u u gọi mê miền cát ngủ
 (trang 77)

và Bóng Chữ vẽ “đền phố” dưới dạng khóa thân, phân thân và

phức âm:

*Chấp chơi đèn lên tóc phố
Gáy nê ông chiều lả liễu lam bay
(trang 79)*

Bóng Chữ tạo hình bằng đảo ngữ: Trong câu thơ “ Bến cửa, ngực đèn, lòng ga, trắng rồi”, mỗi hình đều có khả năng đảo ngược thành những hình ảnh đối xứng:

Cửa bến, đèn ngực, ga lòng, rồi trắng

Bóng Chữ còn làm mới cổ tích, đem cô Tấm lồng vào hồn thơ hiện đại:

*Anh rình / trắng nghìn trắng / nghiêng ngổ mộng
Bước thị thơm chân / chữ động em về
(trang 82)*

và nhà thơ bỏ cách ngắt câu cố định:

Hoa hồng hoa hồng bông

có thể đọc nhiều cách:

Hoa / hồng hoa / hồng bông

hoặc:

Hoa hồng hoa / hồng bông

v...v...

Mỗi cách ngắt câu đem lại một cục diện âm thanh và ngữ nghĩa khác:

*Hề thon
cong thân
nắng ca mình
Gió ngổ tình
xanh nín lộc
giả làm thỉnh
Tóc hoa đèn
tim lân giở
trang em
Mùi mưa xưa
lòng chưa tạnh
phố nhau đầu
Đàn từ non
âm hé cong
mơ hót*

Mỗi câu thơ trên đây bày ra ít nhất hai cách ngắt câu khác nhau. Linh động cách ngắt câu như thế, nhà thơ tạo chuyển động cho câu thơ

và cho hình ảnh, khiến các từ có thể kết hợp theo những ngữ nghĩa khác, những mô hình khác:

Hè thon / cong thân nắng / cửa mình
 khác với: Hè thon cong / thân nắng cửa mình
 và Hè thon / cong thân / nắng cửa mình
 Rồi Tóc hoa đèn / tim lần gỡ trang em
 khác với: Tóc hoa / đèn tim / lần gỡ trang em
 và Tóc / hoa / đèn / tim / lần gỡ trang / em
 ...

Tính cách di động ảnh theo cách ngắt câu, phát xuất từ sự gián đoạn những liên tục và liên tục những gián đoạn trong mạch câu. Nói khác đi, mỗi chữ trong câu vừa có vị trí độc lập đối với những chữ khác, vừa có khả năng kết hợp với những chữ khác, không nhất thiết phải theo một trật tự nhất định.

Bóng Chữ còn tạo hình nhờ cận ảnh (gros plan) bằng cách đẩy vào giữa mạch câu thơ một âm thanh xa lạ, khác hẳn với nhịp câu:

Từng thơ thịt
 anh sống em trọn hẹn
 chỉ bóng anh
 ò e
 xe Văn Điển
 (trang 23)

*Áo bướm cong nét nắng
 Phố cũ ò lên đèn
 U ú thiên hà
 tàu nhỏ khói
 ngã ba
 Tà áo bay sao phố bồi hồi trời*

Những chữ ò e, cong, ò, u ú, bồi hồi lạc vào câu thơ như những trái phá, cắt đứt mạch văn, gián đoạn không gian, tạo sự ngạc nhiên. Ngoài tác dụng gợi thanh, gợi hình, tạo linh hồn cho khung cảnh và động tác, chúng còn là những âm được chiếu gros plan thành âm thanh nổi, tựa những hình

cube của Cézanne trong không gian phẳng của hội họa, làm đổi toàn diện cục bộ nghệ thuật tác phẩm.

Trong trường hợp câu đối cổ điển “Da trắng vỗ bì bạch” của Đoàn Thị Điểm, Bóng Chữ tách làm hai ảnh em, rồi tổng hợp lại, chiếu gros plan lên âm thanh “ồ hô” gợi hình ảnh khỏa thân:

*Ồ em rất ô
Ồ em rất hô
Trắng vỗ ô hô trúc bạch
Bước động ngày thon róc rách*
(trang 28)

Nhà thơ đã tái sinh câu đối của người xưa trong trận đồ ngôn ngữ hiện đại.

*

Đến đây, chúng ta đã có gần đầy đủ phương tiện để phân tích bài Bóng Chữ, bài thơ quy tự những yếu tố tiêu biểu cho phong cách tạo sinh trong thơ Lê Đạt.

Trước hết, như chúng ta đã thấy ở trên, hai chữ “bóng chữ” là tiền đề báo hiệu trạng thái nhập nhòa và chạm bẩy của *con chữ* trong tác phẩm. Ngoài ra, nhìn dưới dạng ẩn dụ, *chữ* cũng có thể là *em*, là *ai*. Do đó, bóng chữ còn có thể là

*bóng em hay
bóng ai ...*
A. Chia xa rồi anh mới thấy em
B. Như một thời thơ thiếu nhỏ
C. Em về trắng đây cong khung nhớ
D. Mưa mấy mùa
mây mấy độ thu
E. Vườn thức một mùi hoa đi vắng
F. Em vẫn đây mà em ở đâu
G. Chiều Âu Lâu
bóng chữ động chân cầu

Bài thơ 49 chữ + bóng chữ = 51 chữ.

Câu A mở ra sự cách biệt giữa hai cá thể.

Câu B cố tình lạm phát lời, ba chữ: thơ, thiếu, nhỏ, chụm lại một hình: (tuổi thơ = niên thiếu = tuổi nhỏ), ngược lại với cách phân tích một chữ thành ba hình trong mimoza = mi, mới, xa. B, bắc cầu (enjambement) với chữ cuối của A, mở ra những hình ảnh khác nhau tùy theo cách ngắt câu:

- Em như một thời / thơ / thiếu nhỏ
- Em như một thời / thơ thiếu nhỏ

Dưới hai dạng thức này, *thơ* và *thiếu* đã biến nghĩa: *Thơ* có thể là thơ ngây, nàng thơ, mà cũng có thể chỉ là *thơ* không thôi. *Thiếu* trở thành biến từ, nghĩa là vắng hoặc chưa đủ:

Em như một thời vắng tuổi nhỏ
 Em như một thời thơ ngây, chưa đủ ngây thơ
 Em như một thời nàng thơ hết thơ ngây
 Em như một thời thơ đã già ...

hoặc còn có thể đọc A và B như hai câu thơ độc lập, và như thế, B được hiểu như một phép tỉnh lược chủ từ:

Chia xa rồi anh mới thấy em.
 (Anh) như một thời thơ thiếu nhỏ.

Câu C: *Em về trắng đầy cong khung nhớ* vừa tha thiết, vừa đắm say. *Khung nhớ*, hình ảnh đẹp và hiếm, vừa cụ thể hóa niềm nhớ, vừa gọi lên tính chất sùng bái, dồn nén, hữu hạn và vô hạn của nhớ thương. Chữ “cong” trai lơ nằm giữa *trắng đầy* và *mây mưa* (trong câu thơ kế tiếp), gợi nhục cảm.

Câu D trở về với cách biệt: Chia ly giữa *mùa* và *thu*, giữa *mây* và *mưa*, ở đây nhà thơ mở ẩn dụ mây mưa thành hai hình:

Mùa mấy mùa
mây mấy độ thu

Và hai hình ấy lại có khả năng tạo hình bằng phiếm định, dường như chúng hỏi nhau trong câu thơ, về “chuyện ấy”. *Mấy*: Bao nhiêu? Vài? Một ít? Biết bao nhiêu mà kể? Chẳng bao giờ? ... *Mấy* mang trong mình một quá trình văn học, trải hơn một đời tình:

Nước non cách *mấy* buổi thôn - Kiều - (*mấy*: bao nhiêu? Vừa hỏi vừa cảm thán)

Đã dễ tình cờ *mấy* khi - Kiều - (*mấy*: chẳng nhiều lắm đâu)

Mấy lòng hạ cố đến nhau - Kiều - (*mấy*: vài, một ít)

và *mấy* còn có ý hoài nghi về một sự khước từ, đoạn tuyệt:

Mấy lần cửa đóng khen cài - Kiều -

Bao nhiêu ân tình, bao nhiêu trạng huống qua một chữ *mấy*!

Chưa dứt chia ly, đã tràn sang nhưng nhớ:

Vườn thức một mùi hoa đi vắng

Cả trực nhớ nằm trong chữ thức: Hoa đi vắng, vườn không ngủ. Hoa đi vắng, vườn vẫn sức mùi hương. Thức khơ động cả một vườn, một vùng thiên nhiên sống trong cõi nhớ, tỉnh dậy trong cõi nhớ. Thức đưa đời vào mộng, khiến mộng và đời tan loãng trong nhau. Rồi thức báo hiệu tâm cảm hôn mê, chạng vạng:

Em vẫn đây mà em ở đâu?

đề:

*Chiều Âu Lâu
bóng chữ động chân cầu.*

Âu Lâu là quê hương của Lê Đạt, một bến sông ở Yên Thế. Âu Lâu đồng âm với Âu Lạc, cũng quê hương của Lê Đạt và của nhiều người. Mà *âu* còn là *có lẽ*:

Ba sinh *âu* hẳn duyên trời chi đây - Kiều -

Hoặc *âu* cũng là *thà*:

Âu đành quả kiếp nhân sinh - Kiều -

Hay *âu* chỉ đơn giản như là *âu* yếm, và *lâu* còn là mái lâu như Hồng Lâu Mộng. Và như thế *âu* lâu là mái lâu buồn, lâu yêu, lâu yêu buồn, hồng lâu mộng, ...

Trong chiều *âu* lâu ấy, bóng chữ *động* chân cầu.

Ở đây, bóng chữ hay bóng em vụt thoáng qua trong chữ *động* (Cá đâu đớp động dưới chân bèo, Nguyễn Khuyến) và vụt biến đi trong chữ “bóng”. Nhưng nếu đọc lái hai chữ “chân cầu” bằng giọng Bắc thành “câu chân” thì câu thơ trở thành:

Bóng chữ động câu chân

lại mở ra một thực tại khác vô cùng đắm say và thơ mộng giữa hai thực thể *chữ* và *câu*.

Bóng chữ chao đảo giữa mộng và thực, giữa tục và thanh, giữa người và ảnh, giữa phiêu pha và vĩnh cửu.

Bóng Chữ là tập thơ tình, là mối sầu riêng, không tên - không tôi - không địa chỉ; Nấp sau bóng của những hình hài hóm hỉnh, trên người, là một tình yêu thiết tha, trầm lắng, là nỗi buồn riêng tìm kiếm triền miên tình yêu và nghệ thuật: Tình yêu đã lẫn trong nghệ thuật hay nghệ thuật đã trốn trong tình yêu:

*Sóng thác bút
bước mở trầm
âm lắng
Mưa búp măng
buông phím nắng dạo ngân.*

Cũng có khi là sự hoài vọng một vết yêu chưa lành:

Anh đỡ thổi những dấu hôn tro phủ.

Ở phần sầu riêng ấy, bóng chữ ẩn bóng tôi, bóng ta, mà cũng không

tôi, không ta, để trở thành cái tôi phổ quát của con người lạc loài rồi tan
loãng trong thiên nhiên, trong vũ trụ như những cánh thư lạc trong hư vô:

*Vàng hồ bay
thư không người nhận
gió trả về.*

Ngay cả những cánh thư có người nhận cũng hóa thân sang kiếp khác:

*Chiều gió cả, tiếng ngàn xưa khản lá
Thảm vàng khô
ai hóa
những thư già*

Và trong cõi âm dương hòa hợp chung sống ấy, cả đến *bước chân*
cũng vô chủ:

*Bãi trắng rằm
dấu chân cầm vắng chủ*

Trên ngã rẽ đôi âm - thế, sấm uất cộ xe, chiều cũng lạc loài:

Chiều ngu ngơ xe phố luân hồi

Sự hoang vắng, xa lạ chiếm đoạt cả linh hồn Đức Mẹ đồng trinh:

*Mắt Maria
thoáng bóng người lạ ở*

Và chúa vô ngôn, lang thang, đi hoang ngoài cửa Bắc:

*Chúa không lời
mưa cửa Bắc
chuông rơi*

Vô vản hình ảnh vượt trùng u uẩn như thế mang tính cách giao hòa
giữa hai cõi tử sinh, giữa ngàn xưa và hiện tại trong những góc cạnh thiết
tha và sâu lắng nhất. Sự hợp tác giữa mơ và thực, giữa con người và thiên
nhiên, giữa lịch sử và văn hóa kết tinh trong thơ Lê Đạt:

*Cây ả cây ai
gió thổi
tóc buông thê*

Cây ả cây ai (gợi nỗi buồn Tú Xương: Đêm nào đêm nao tở cũng
buồn) gặp cơn *gió thổi* (anh gió này đang phóng bước thật dài, hai tay giăng
ra), thì lập tức cây ả cây ai hóa thân thành người con gái tóc buông thê.

Tính chất biến ảo liêu trai, từ nỗi buồn sang người con gái, từ thảo mộc sang con người, trong thơ Lê Đạt, có lẽ bắt nguồn từ những ảo ảnh của cuộc đời, vô thường của sinh tử, mà thực tế, phải chăng, chỉ là không không sắc sắc.

Bóng Chữ là tác phẩm của một đời. Người yêu thơ không thể khám phá hết cái hay trong một lúc. Nhưng chính vì mỗi lần đến với Bóng Chữ chúng ta lại thấy một khía cạnh liêu trai mới, một chấp chờn hư thực mới mà tác phẩm gắn bó với ta và biện minh cho hình thức cộng tác sáng tạo giữa người viết và người đọc.

Thơ Lê Đạt khó và tối. Tác giả niêm phong tác phẩm của mình bằng sự cô đọng chữ nghĩa. Nhưng đó là cái khó của sự tìm tòi khoa học, cái tối là ẩn số của bình minh, là sự niêm phong gạn lọc tư tưởng. Cho đến nay chúng ta chưa có một tác phẩm nào thể hiện sự thay đổi toàn diện trong phong cách thơ, từ bản sắc triết học, đến cấu trúc hình thức và nội dung như thế. Với Bóng Chữ thơ mới đã thực sự nhường ngôi cho một dòng thơ khác, Thơ Tạo Sinh hay thơ hiện đại trong tinh thần khuynh đảo và tái sinh những giá trị cổ điển.

Thụy Khuê, Paris 4-1995

(1) Xem thơ Voi (Tố Hữu): Voi là đại bác.

TRIỀU HOA ĐẠI

Đêm Tối

Đêm tối như người bạn từ xa
đèn soi, thoảng lời đưa tiễn
một mai
không trở lại

lả chả mưa ai
đêm tối
giăng mùn che ánh trăng
ngủ muộn
hỏi chi người không một bàn tay
vỡ nắng trên vai
giọt vắn, giọt dài

không cùng về, chẳng cùng về
xô bóng nhau
nhoe nhoẹt
bãi cồn hoang
dạt gió trôi xa
một kiếp
lầu bầu mắt ướt
đù oả đời mình
đù oả đời ai

PHAN NI TẤN (N.D)

Yêu Dấu

Tôi đến từ núi lạ
hát mấy lời tâm tối
mang dấu buồn trên dòng cuồng lưu

trong suốt cuộc sinh tồn
em bơ vơ
sâu đắm
em hoang vu chiều xuống
em đứng đợi lời tôi
dù úa tàn mấy nụ hoàng dương
em buồn cuối hạ khiêng lời tôi nằm hấp hối
qua vùng đất xưa nuôi lại nhánh trầm hương
ngày yêu dấu
em đã gỡ tôi ra xa khuất
mái ưu phiền
em cứu lấy tay tôi trong sóng nước chơi vơi
ôi mắt biếc
tinh khôi
nuôi tiếng hát tôi
dáng xưa
em quì
gọi chân tôi
về
lộ
giữa linh hồn người yêu quý

LÊ GIANG TRẦN

Lời Sao Băng

Tình em như trái đất
 Có ánh sáng trước mặt
 và bóng tối sau lưng
 khi yêu thì rạng rỡ
 cho anh làm trời soi
 khi quên thì áng tối
 cho anh làm trăng trôi

Yêu em anh bốc cháy
 xa em anh hoang tàn
 có khi lòng nhạt thực
 có khi hồn nguyệt thực
 khác nhau gì âm u?

Sáng trăng sông nước đầy
 sáng trời hoa lá tươi
 là thoáng vui lúc ở
 là ngậm ngùi khi xa

Thân thể em bốn mùa
 nên trời yêu hoa trái
 tâm tư em thời tiết
 nên trăng tàn trăng khuyết

Cho anh làm vầng trăng
 trăng chỉ là đá nát
 trong tầm sức hút em
 cho anh làm mặt trời
 trời chỉ là lửa rơi
 gửi vào em sinh lực

Yêu, sao trời chết đứng
 buồn, sao trăng sống quanh
 phải hằng hà sao sáng
 là lệ tình long lanh
 và khi thâm rơi xuống
 đời gọi vì sao băng?

SỬ MẶC

Dan Díu

Âm tôi
vực động riêng nàng
mắt chăm hằm ngó
tầm ngang lưng
nhìn
thầm thắm rù quến
môi
xin
giọt hôn mừng tượng trăm nghìn nỗi hoan
nằm âm phúc đầy cường toan
ngón lâm vội tình
dan díu
tình.

NHƯ HẠNH

Lời Của Mùa Đông

Em nhỏ ơi,
 Hãy đánh thức anh dậy sáng nay
 Buổi sáng êm ấm
 Mà sao tâm hồn anh mù lòa
 Thế xác anh rời rã
 Mùa đông chưa đến
 Mà sao trời như trở rét?
 Em hãy đánh thức anh dậy
 Dù chỉ để làm những việc giản dị
 Như nhìn ra khu vườn sau
 Khu vườn ảm đạm hoang sơ
 Như trí nhớ, như tuổi thơ của anh
 Chỉ có cỏ khô, gạch đá
 Cùng ngọn gió vật vờ
 Và những gì nữa anh không trông thấy
 Những sự vật hầu như vô ý nghĩa
 Đang chờ chúng ta
 Áp đặt lên chúng một ý nghĩa nào đó

Em nhỏ ơi,
 Hãy đánh thức anh dậy
 Để anh không còn muốn nằm chết
 Với một vết thương xưa cũ
 Em hãy đánh thức anh dậy
 Dù chỉ để bước đi
 Trên những con đường
 Đã đi qua không biết bao nhiêu lần
 Hay ngồi lại
 Ở một nơi mà
 Bàn ghế đã gần gũi như bạn bè
 Và những khuôn mặt chung quanh
 Đã quen thuộc như chính mình

Em hãy đánh thức anh dậy
để anh thấy mình còn dễ thương
Như những kẻ lục lọi trong tiệm sách cũ
Và để anh khám phá ra rằng
Tâm hồn mình vẫn còn trẻ thơ
Vì một bài hát xa lạ
Cũng đã làm anh sắp khóc

Em nhỏ ơi,
Sáng nay trong bầu trời
Anh không nghe thấy gì
Ngoài tiếng ho khan của em
Anh không nhìn thấy gì
Ngoài nụ cười có phần ủ dột
Và mái tóc hơi rối của em
Anh cũng không nghĩ được về gì,
Ngoài em

Em biết không, anh cũng vậy
Cũng có thời thơ dại như em
Nhưng có bao giờ anh hiểu được
Thành phố, con người, bạn bè, đời sống hay sự chết

Em nhỏ ơi,
Ngày tháng của em
Rồi cũng bạc như mái tóc
Nhưng anh giữ lại được không
Một ngày yêu em?

Cambridge, cuối thu 90.

Những Sự Lạ Trong Làng Thơ Hôm Nay

Ngô Minh

Rượu và Hoa

Tôi vẫn hằng tin rằng thơ là rượu. Rượu thì từ cổ xưa đến giờ vẫn rượu ấy, men ấy. Say cho tận cõi chân tâm! Rượu ta, rượu Tây vẫn là rượu ấy, khó nhầm! Tôi cũng hằng tin thơ là hoa. Như cây cỏ, mỗi hồn người khai nở một hương sắc riêng chẳng giống nhau bao giờ - nhưng tất cả vẫn là hoa ấy! Đã rượu thì có rượu nặng rượu nhẹ, có rượu gạo, rượu nho. Đã hoa tất có hoa gốc dại, hoa lai giống, ghép cành. Lai giống ghép cành tạo ra hoa ấy, những bông hoa lớn hơn, hương sắc quyến rũ hơn. Nhưng vẫn là hoa ấy, cái đẹp vĩnh cửu ấy!

Cái sự rượu và hoa ấy thật tự nhiên. Thơ cũng vậy. Có thơ cổ, thơ mới, thơ ta, thơ Tây, lại có thơ do lai giống mà thành. Đã là lai tạo tất có tốt có xấu, có thất bại, có thành công. Thơ Mới (1933-1945) là đứa con xinh đẹp, quyến rũ của sự lai tạo lớn giữa thi nhân Việt với nền thơ Pháp thế kỷ XIX. Thơ mới lên ngôi thống soái thi đàn Việt ngoài cái mới, cái lạ, cái hay nhiều người đã bàn đã nói, nó còn chứng tỏ một điều thật hệ trọng ít người để ý: Có sự đồng điệu lớn trong hồn thơ Ta và thơ Tây! Ấy là sự gặp gỡ của Người-nhân-loại!

Thơ Mới rồi cũng cũ đi, vì con người luôn luôn đi tìm chính mình ở phía trước. Ở phương Tây, ngay các nhà thơ Việt Nam vừa tiếp cận với nền thơ lãng mạn Pháp, thì có nhóm thơ đã từ bỏ loại thơ sục sùi, sứt mướt này để tìm đến những cách tân trong thơ. Thơ họ dồn nén hơn, khách quan hơn, mạnh bạo hơn và trần trụi hơn...

Sự đề xướng loại thơ không vẫn những năm 50 mà đại biểu là Nguyễn

Đình Thi, Trần Dân, sự táo tợn và mạnh bạo trong ngôn từ và cấu trúc trong thơ Thanh Tâm Tuyền ở miền Nam những năm 60 đều gây dị ứng đối với nhiều người làm thơ, kể cả các nhà thơ tiền chiến mà trước đó trên chục năm họ là lớp tiên phong đổi mới trong thơ. Cho đến tận hôm nay, nhiều nhà thơ, nhiều tập thơ có cách biểu hiện lạ hoặc mạnh bạo, trần trụi hoặc đi vào những khu vực mới của tâm trạng...đều bị nhiều người chê béc, bị “đánh” tới tấp trên một số báo là “lai căng”, “thơ dịch”, “thơ bí hiểm”, “hũ nút”, “dâm ô”, “thơ tục”... Sao chúng ta không bình tĩnh, công bằng, độ lượng hơn với những tìm tòi, thể nghiệm như thế? Sự ra đời của Thơ Mới 60 mười năm trước không là bài học quá hay sao?!

Một và Tất cả

Đọc tuyển tập “Những gương mặt mới” gồm 2 tập (NXB Thanh Niên, 1994) tôi chợt phát hiện ra một sự lạ lý thú. Hai tuyển tập với 1000 trang in thơ và phát biểu của 173 tác giả (chưa là hội viên Hội nhà văn Việt Nam, nên mới gọi là gương mặt mới). Trong phần tự bạch hai phần ba số tác giả (trên 100 người) cho rằng thơ hiện nay là “lạm phát”, “dở”, “thơ in báo nhiều nhưng không khác gì hàng nội hóa ế ẩm”. Có người ví “thơ hiện nay như mì ăn liền”, “thơ thông tấn”, “thơ dỏm”. Thậm chí có một số tác giả trẻ chưa từng có tên trên thi đàn bao giờ, nay được tuyển vào tập cũng lớn tiếng chê thơ hôm nay! Sau khi “phán xét” nền thơ chung, tất cả các “gương mặt thơ mới” ấy đều khẳng định rằng họ cố gắng để có được tiếng thơ “đích thực”. Có nghĩa là cái nền thơ thì dở, chỉ hay nhất họ là “chân thơ”, có nghĩa là “trừ họ ra”, tất cả đều xoàng cả.

Ồi có được một hai tác giả thơ “đích thực”, “chân thơ” như thế thật là điểm phúc cho nền thơ Việt Nam! Nhưng đọc cả trăm nhà thơ ai cũng lớn tiếng “chê” thơ chung và tự nhận mình là thơ đích thực như thế mới té ngựa ra rằng: Ở xứ ta tất các nhà thơ đều dở, trừ một người, đó là người đang “phán xét thơ”. Nhưng oái ăm thay, cả nhà thơ duy nhất đó lại bị 99 nhà thơ khác xếp vào loại thơ “dỏm”! Có nghĩa rằng các nhà thơ Việt Nam ta tất cả đều “siêu thơ”, thật thơ và tất cả đều “thơ mì ăn liền”, “ế ẩm”. Tôi thực sự hoang mang khi sự lạ lùng buồn cười nói trên có cả trên trang “thảo luận về thơ” của báo Văn nghệ. Nhà thơ nào cũng phán quyết, chê bai thơ hiện nay, trừ anh ta ra! Cái tương quan “một và tất cả” này xin các nhà thơ lý giải giùm cho! Biết tin ai đây!

Thơ và Giải thưởng

Nhìn lại phần thế kỷ 20 đã qua, chưa bao giờ ở nước ta lại nhiều

cuộc thi thơ, nhiều giải thưởng thơ như mười năm lại đây. Báo Trung Ương thi thơ, báo địa phương cũng thi thơ, báo Tiền Phong thi thơ, báo Phụ Nữ cũng thi thơ. Quân đội thi thơ, dân sự thi thơ, các ngành các giới thi thơ. Đã thi là có giải thưởng. Lại có loại giải thưởng định kỳ hàng năm, hàng năm năm như giải thưởng Văn học Hội nhà văn Việt Nam trao hàng năm; giải thưởng Văn học miền núi, giải thưởng Văn học thiếu nhi, Văn học công nhân (!).v.v.. Năm rồi lại có giải thưởng của Liên Hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam trao cho các tác phẩm xuất sắc của các hội viên địa phương (!?) Trung ương có giải thưởng Văn học, các tỉnh cũng có giải thưởng VH cấp tỉnh ví dụ giải thưởng Văn học Hùng Vương của Vĩnh Phú, giải thưởng Văn học Cổ Đô của Thừa Thiên - Huế, “Nguyễn Du” của Hà Tĩnh, Hạ Long của Quảng Ninh.v.v... Có thể nói không ai thống kê hết các giải thưởng văn học nghệ thuật mấy name qua. Như vậy thơ được thẩm định, được bình giá, được xếp đặt ngôi thứ liên tục và các nhà thơ được giải cũng nhiều không kể xiết.

Ở địa phương nọ, tôi thấy trong mấy năm qua có chục anh chị làm thơ, lần lượt người nào cũng được giải thưởng không cuộc thi này thì cuộc khác. Thế là cuối cùng thơ ai cũng đương nhiên thuộc vào loại “thơ được giải” (tức thơ hay)!. Nhìn rộng ra cả nước cũng vậy, trong chục năm qua có tới hai phần ba số hội viên thơ của Hội Nhà văn Việt Nam đã được lên ngôi do giành được các giải thưởng về thơ trung ương, địa phương, các cấp, các ngành, các báo. Đương nhiên cuộc thi thơ nào cũng “rất” công tâm và “vì nghệ thuật”!. Cũng cần nói thêm là nhiều loại giải thưởng văn học (trong đó có thơ) như thế cũng phát triển với kinh tế thị trường. Giá trị vật chất các giải thưởng thơ ngày càng “đậm đà” hơn. Từ 2 triệu, 5 triệu một giải nhất cách đây năm ba năm nay đã lên tới 10, 15 triệu! Hàng tốt thì giá phải cao chứ! Như vậy là thơ ta đang phát triển. Cứ nhìn vào đội ngũ trùng điệp các nhà thơ nhận được giải thưởng của xứ ta ai dám bảo thơ không phát triển?!

Ấy thế mà lạ lùng thay, nhà thơ, nhà phê bình nào cũng kêu ca, la ó về một nền thơ làng nhàng, chỉ biết “ăn theo” trên các trang báo. Có điều gì bất ổn, chính xác hơn là sai lạc ít nhất là một trong hai phía: các nhà chấm giải và các nhà phê bình, phán xét thơ. Còn bản thân thơ thì cố nhiên nó vẫn thế, chưa có cuộc cách mạng thực sự nào trong thơ từ thơ Mới đến nay. Biết ai đúng ai sai mà phân xử đây?

Ai là “nhà thơ”?

“Nhà thơ”, hiểu nôm na là “người làm thơ”, cũng như “nhà nông” là “người làm ruộng”, “nhà giáo” là “người dạy học”. Ấy là cách gọi tên theo công việc làm. Cái danh xưng “nhà nông” ấy không hề có các thứ bậc kèm

theo như “nhà nông trung ương”, “nhà nông địa phương”, “nhà nông trẻ”, “nhà nông mới”...bao giờ cả! Nhà nông ít chữ nghĩa họ lại hiểu rất đúng nghĩa chữ “nhà nông” của mình, còn các nhà văn thì sao? Xin thưa đây là sự lạ! Nhà thơ An Nam có “nhà thơ trung ương”, “nhà thơ địa phương”, “nhà thơ trẻ”, “những gương mặt thơ mới”.v.v.. Tất cả đều được xếp ghế, xếp chiếu rất cẩn trọng như các loại cấp bậc nhà binh hay học hàm học vị trong khoa học. Do sự xếp ghế, xếp chiếu ấy mà “các nhà thơ trung ương” có cách ăn nói, phán xét theo một thứ ngôn ngữ riêng phù hợp với “địa vị cao” của mình. Sự lạ ấy ai cũng biết từ rất nhiều năm nay nhưng ai cũng tuân thủ không chống lại. Buồn hơn là không ai ngạc nhiên với điều đó cả.

Lạ lùng hơn nữa là có “một qui định không thành văn” nào đó, không hiểu xuất phát từ ông “quan thơ” nào, người ta chỉ gọi những người làm thơ là hội viên Hội nhà văn Việt Nam hiện nay là NHÀ THƠ, còn những người làm thơ khác đều không phải! Xin nêu một ví dụ sőt dẽo nhất. Trong tuyển tập 2 tập ngàn trang “Những gương mặt thơ mới” mà tôi có nhắc tới ở trên. Nhà xuất bản và người tuyển chọn đã xếp các nhà thơ có tên tuổi ở miền Nam (cũ) như Bùi Giáng, Nguyên Sa, Du Tử Lê, Tuệ Mai... vào “Những gương mặt Thơ mới” tức là lớp thơ “đàn em”, mới phát hiện ra hay mới xuất hiện! Thực ra các ông Bùi Giáng, Nguyên Sa...đã là nhà thơ nổi tiếng trong những năm 60 của thế kỷ, khi mà nhiều nhà thơ Việt Nam “tức của Hội nhà văn Việt Nam) chưa biết thơ là gì! Tôi là một người làm thơ đi học và trưởng thành ở miền Bắc cũng thuộc được đôi bài của Bùi Giáng, Nguyên Sa...từ mấy chục năm trước, sao lại gọi là “gương mặt Thơ mới”? Có phải tại các ông không là hội viên Hội nhà văn Việt Nam? Lạ thật!! Lạ thật!!

Thảo luận gì?

Có ai đó thống kê rằng, ở xứ ta mỗi ngày bình quân có 2 tập thơ được ấn hành. Có nghĩa là mỗi năm khiêm tốn cũng có tới 600 tập thơ. Đó là chưa kể thơ in trên 350 tờ báo và tạp chí ở trong nước, thơ của người Việt ở Hải ngoại. Nhiều người gọi thời kỳ này là “Giai đoạn bùng nổ thơ”. Có người lại lo rằng, “thơ bị lạm phát”, bị xuống giá. Có người lại mừng: có “bó đũa ắt có coat cò”. Người già trong làng thơ (hoặc sắp vào tuổi hết sáng tạo thơ) thì ca cẩm thơ lớp trẻ thiếu vốn sống, thiếu chiều sâu và sự điềm đạm, thiên về xảo thuật chữ, ngoa ngôn! Lớp trẻ lại gán thơ lớp già cứ giữ mãi điệu “ru em” vẫn về ê a cũ, cứ như đặt lời mới cho các làn điệu dân ca đã có sẵn từ ngàn năm! Thế là thảo luận, tranh luận. Thế là sung sộ, đao búa chan chát. Cuộc chiến không có hồi kết trên các mặt báo.

Trong lúc đó một hiện tượng lạ xuất hiện trong thơ mấy năm gần đây lại rất ít nhà phê bình chú ý phân tích. Đó là sự trở lại của Thơ tình

“kiểu tiền chiến”. Buồn chán, ừ ê, đau khổ, tuyệt vọng, suốt mướt. Loại thơ tình (nam nữ) này chiếm hơn hai phần ba số thơ ấn hành hàng ngày. Những người đang yêu làm thơ tình đã đành, những người không có mảnh tình rách cũng làm thơ tình! Đến cả các nhà thơ già lớp chống Pháp, các nhà thơ “tiền chiến” bảy tám chục tuổi cũng trở lại với thơ tình! Phải chăng chúng ta đang ở xứ sở của tình yêu? Tôi không phản đối thơ tình. Nhiều thơ tình càng tốt chứ sao! Nhưng tôi thấy lạ là những bài thơ thể hiện thiên chức công dân của nhà thơ, những bài thơ chiến đấu cho sự công bằng xã hội, chia sẻ số phận đắng cay của người lao động trước sự áp bức của bất công và cường quyền, những bài thơ thể thái nhân tình..., từng nở rộ trong những năm đầu “cởi trói”, “mở cửa” bây giờ thấy thưa vắng, hiếm hoi dần đi. Vì sao vậy? Có phải là các nhà thơ Việt Nam không tiếp cận được với xã hội thời kinh tế thị trường đang phân cực quyết liệt, nhiều nguy cơ mới đối với nhân phẩm và đạo lý đang xuất hiện và tác oai tác quái? Có phải các nhà thơ đã hèn kém đi, ích kỷ hơn, hay tại môi trường sáng tạo đã đổi khác? xin mạo muội đặt một câu hỏi lớn ở đây để các nhà lý luận, phê bình, các nhà thơ cùng nhau thảo luận. Hãy thảo luận điều gì làm cho thơ có ích lên với đời, với người, với chính sự bùng cháy kỳ diệu của thi ca tự do!...

Viết cho ngày sinh nhật thứ 45.

Huế 9-9/1994.

LÂM THỊ MỸ DẠ

Thiên Thạch

Một mảnh thiên thạch nhỏ
Trong lòng bàn tay tôi
Trong lòng bàn tay tôi
Một ánh sao đã tắt

Cháy qua nghìn độ lửa
Mảnh sao giờ mát êm
Ôi người bạn trên cao
Làm sao hiểu được người
Khi ánh sao còn sống
Sao quá đổi xa vời

Cái màu đem thăm thăm
Như mảnh đá yên nằm
Có bao giờ tỉnh giấc
Nhớ trời xanh xa xăm

Nhớ gì không sao ơi
Thuở tinh vân vũ trụ
Tiếng âm âm réo sôi
Mặt trời tuôn lửa dữ

Nhớ gì không sao ơ
Khi người còn sáng chói
Đêm Khuya người nhìn ai
Hai nỗi niềm vời vợi

Người hiểu chi trái đất
Người hiểu chi con người
Và tình yêu sao hỡi
Có biết bao năm rồi

Và con người đã sống
Trên trái đất biếc xanh
Với trái tim vang vọng
Hồn thiên nhiên trong lành

Từ nơi xa người đến
Mảnh sao kỳ lạ ơ
Tôi không sao quên nỗi
Giây phút người vờ tan
Quét trời đêm sáng chói.

NGUYỄN LƯƠNG

Ta

Sông, mặt sông, im
Người, mặt người, chìm
Người nhìn sông, bất động
Sông soi người, lặng yên

Sông, thơ thần, thơ
Người, mơ màng, mơ
Người ngồi bên, sông, ngủ
Sông chảy dài, giòng, đưa

Sông, là sông, là nước
Người, là mây, là hoa
Sông theo nước, ra biển
Người theo đời, bỏ ta

Sông, là sông, là sóng
Người, là trăng, là mưa
Sông ngàn năm, vẫn chảy
Trăng, mưa, nào? năm xưa!

Sông, là sông, là sông
Người, là em, là thơ
Ta nhìn sông... thấy nước
Ta nhìn người... thấy ta

NGÔ TỊNH YÊN

Dự Cảm

Cây dự cảm một mùa đông ảm đạm
 bằng những cành run rẩy mong manh
 con kiến dự cảm một thời tiết chẳng lành
 kéo nhau đi như bầy ong vỡ tổ
 con người linh tính về những cuộc chia xa
 con vật linh tính về những trận động đất

Không cần đến kính hiển vi tôi cũng thấy
 mặt đất run lên trước những nỗi đau đời
 không cần đến kính thiên văn tôi cũng thấy
 những vì sao nhỏ lệ khóc thương người...

Đó là vì em có hàng triệu giác quan
 để dự cảm những gì đang xảy đến
 nhưng than ôi! đời vui thì rất ngắn
 nên nỗi khổ của riêng em không tránh được cho mình

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Chảy Ngược

Trục xuống vực
ngóai cổ
tìm thiên đàng
chỉ có búp mây
phơi!

— Cúi xuống

hóa thân
sặc nồng kinh dị!
Nhắm mắt
thấy

trăng đi vào

cổ sử!

và

một dòng sông

khát

sữa

của thơ__

chảy ngược vào linh hồn

mắc cạn.

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Ẩn Ưc Mỹ Sơn

Mưa đến và không nói gì
và ở trong ta như từ bao giờ
và ta là một ngày mưa
với em rệu rã tuổi thừa giận gương

Em mang phận phẫn trong sương
phận son bỏ máu tha hương gió lửa
lũng cồn sỏi đục đất ngơ
núi phồng trán
xác tóc giờ đòi tay

Phải người duyên nợ chi đây
hòn hòn gạch cũ run ai chèn lời
không gì qua không gì trôi
cao xanh vượt ngực thương người sinh con.

NGÔ MINH

Thơ Tiễn Bạn Lên Tàu Đi Học Trường Nguyễn Du

tài sắc không có ga dừng
ngày ấy nàng Kiều nào ai đưa tiễn
ga đầu Đạm Tiên, ga cuối Tiền Đường
vé in sẵn kiếp người vào cuộc thế

tiếng hát không có ga dừng
cô ca sĩ không xếp hàng mua vé
vẫn về ga nắm cỏ Long Thành

khổ đau không có ga dừng
hỡi thập loại chúng sinh
những oan hồn cô hồn chưa một lần ngồi toa tàu chợ
vẫn bị móc túi cả cuộc đời

Nguyễn Du tàu chợ
nàng Kiều ngồi đứng bên ta
cô ca sĩ Long Thành ngồi đứng bên ta
thập loại chúng sinh kẻ ngồi người đứng
còn nhà thơ hình như chèn toa cuối

bạn ơi bạn ơi rượu hay nước mắt
cạn túi mười đồng cạn cốc tiễn nhau
cay đắng trong veo nồng nàn cũng trong veo
trong veo câu thơ thương người biết khóc

thôi bạn đi
túi sách vở muối mè đừng để mất
con tàu thơ không có ga dừng!

Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh Của Nguyễn Du

Nguyễn Ước

Trong đời người, Nguyễn Du đã sống biết bao nhiêu cảnh đổi thay. Trải qua một cuộc biến đáu, những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Con người đi qua quán gió cuộc đời, dù bằng chỉ một đời hay nhiều kiếp, đều đang trong cuộc hành hương về cội nguồn mình. Con người quay cuồng giữa cuộc trần gian, với đam mê, âu thương, hạnh phúc, đau khổ... tích cực hoặc buông xuôi, đều loay hoay trong vòng định mệnh bủa vây: bậc thánh trí hoặc kẻ tội đồ, quân tử hay tiểu nhân, người đọc sách hoặc kẻ thương buôn, khuê phụ hay kỹ nữ... Mỗi người là một trong ức triệu sinh linh trên sân khấu cõi tạm đang diễn vở kịch vô thường mà Gandhi gọi là “ảo hoá, ảo hoá và tột cùng ảo hoá.” Người suốt đời chạy theo giấc mộng lớn, giấc mộng con. Kẻ bị cuộc đời săn đuổi tới độ không có một ngày đêm yên ổn. Bao nhiêu triều đại sụp đổ, chí anh hùng mòn mỏi, nhan sắc tàn phai, dinh thự điêu tàn, cơ nghiệp tan nát... Những cái ta nghĩ là của mình, mất trong tay nắm, hoá ra chỉ là hư ảnh, là đồ tạm gởi của cuộc đời. Những điều ta cho là xa vời, không tưởng, rốt cuộc là những giá trị đích thực của đời người.

Ba mươi năm (1772-1802) trong 56 năm tại thế của Nguyễn Du (1765-1820) là cả một thời đại đảo lộn khốc liệt với những biến ảo tột cùng, còn cay nghiệt hơn cả giai đoạn lịch sử chúng ta vừa trải qua (1945-1975).

Ngay từ những ngày Nguyễn Du còn bé, đã không còn cảnh “bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.” Loạn Kiêu binh (1772), sự ngang ngược của cơ bắp cậy thế quyền bính sa đọa, giữa chốn đế đô văn vật, là dấu chỉ những biến đổi nghịch thường trong một giai đoạn lịch sử mới.

Năm 1774, quân Trịnh vào Đàng Trong lấy kinh thành Phú Xuân tưởng thu được giang sơn vào một mối, nào ngờ Tây Sơn đã bắt đầu dấy binh. Nguyễn Ánh xưng vương ở miền Nam năm 1780, cầu viện quân Xiêm về để khôi phục cơ đồ thì bị Nguyễn Huệ đánh tan tành (1785). Qua năm sau, đại quân Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ với danh nghĩa phù Lê kéo ra Đàng Ngoài, vào kinh đô Thăng Long, dứt họ Trịnh. Nhà Lê có thêm cơ hội trung hưng nhưng đến năm 1788, vì muốn bảo vệ ngai vàng, đã tạo cơ hội cho 20 vạn quân Thanh xâm lược. Quang Trung Nguyễn Huệ lại kéo quân ra Bắc bắt thần đánh cho quân Thanh đạp nhau chạy thây phơi nghẽn nước sông Hồng. Triều đại Tây Sơn chưa mở đầu được thời oai linh thịnh trị, đã tự làm mình suy kiệt vì huynh đệ bất ổn. Ai đoán được đại đế Quang Trung chỉ làm vua có bốn năm ngắn ngủi. Từ năm 1788, Nguyễn Ánh đã chiếm Gia định, và cái chết của Nguyễn Huệ (1792) là thời cơ cho Nguyễn Ánh đẩy mạnh cuộc trường chinh để thống nhất đất nước vào năm 1802. Đoạn cuối của thời phân liệt làm ta nhớ tới câu ca của đôi bạn ngự tiêu trong bài ca mở đầu cuốn Tam Quốc Chí của La Quán Trung: “thịnh suy thành bại tổng thành không.”

Ba mươi năm với lớp lớp sóng hưng phế rộn ràng. Cũng như giai đoạn lịch sử khốc liệt mà dân tộc ta vừa trải qua và nay đang nhận lãnh đủ thứ hậu quả. Đàng sau những biến cố chính trị và quân sự là những đổ nát, tan vỡ, chia ly và thù hận. Người chết dạt dờ với đủ thứ oan khiên mà công chiến trận được tán dương hay lãng mạ tùy phe phái. Bao lớp lương dân cùng khổ nín lặng ngậm hờn sống lây lất, chết tức tử rồi.

Bản thân Nguyễn Du cũng bị quay cuồng trong cơn gió bụi ba mươi name đó. Nhà cửa tan nát. Anh em đối lập nhau. Từ những đau khổ của chính mình, với cảm quan thi nhân, ông phóng chiếu vào cuộc đời, nhận ra những khổ đau, ly tán, hận thù trong lòng người và sinh mệnh dân tộc.

Trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, Nguyễn Du trình bày những nỗi oan nghiệt bởi dục vọng, vô minh, hoặc oan khiên do ngoại cảnh trói buộc, khiến con người sống mê lầm, chết u uất. Chữ Thập Loại được dùng chỉ với tính cách tượng trưng. Nguyễn Du đề cập đến hơn mười bốn loại chúng sinh: --(1) anh hùng, lãnh tụ --(2) phụ nữ khuê môn --(3) bậc công khanh --(4) tướng lãnh --(5) kẻ làm giàu --(6) nho sinh, sĩ tử --(7) thủy thủ --(8) thương buôn --(9) người mắc khoá lính --(10) gái giang hồ --(11) kẻ hành khất --(12) tù nhân --(13) hài nhi yếu tử (14) các vong hồn chết bất đắc kỳ tử...

Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh không hẳn chỉ là một bài văn tế cầu cho người quá vãng được siêu sinh tịnh độ mà còn là những lời lẽ Nguyễn Du nói với người sống. Mô tả một cách thiết tha, cặn kẽ và đầy chia sẻ những mê lầm, oan khiên, oan nghiệt của người chết trong một bài văn chiêu hồn cũng là một cách soi chiếu vào những mê lầm, oan khiên, oan

nghiệt đang đè nặng người sống để người sống nhìn rõ mặt nhau, lắng nghe nhau nói, và cởi bỏ dục vọng, thành kiến, và cả hận thù, yếu đuối... Từ đó, người sống tiếp được mạch nối với người chết, tạo được giao hoà giữa người sống với nhau để cùng nắm tay nhau phục hồi và nuôi dưỡng dòng sống của con người và dân tộc.

Để xây dựng, con người cần cảm thông. Để có thái bình, con người phải sống lương thiện, trọng công chính. Và điều cốt tủy là: xuyên lịch sử và thời gian, mỗi người là một cái riêng hội nhập thành cái chung trong giòng vận hành tiến hoá trên Con Đường Đạo -- vì như Nguyễn Du hằng tin tưởng “thác là thể phách còn là tinh anh.” Con người hợp nhất với nhau, với thiên nhiên và vũ trụ từ vô thủy tới vô chung. Mọi sinh linh, gồm cả cỏ cây hoa lá, vừa ươm mầm hoặc đã tàn lụi, đã qua đi hay còn ở lại, chim trời cá biển và con người đang nhìn chim ngắm cá, đều là thành-phần-của-nhau, đều có những nhiệm vụ và ảnh hưởng hỗ tương, quần tụ và thúc đẩy nhau, cùng nhau tiến bước trên con đường trở về cội nguồn bất diệt.

Với tinh thần đạo học và trong tình cảnh còn nhiều chia li, hận thù và đau khổ trong lòng người và đất nước, giữa một thế giới chấp chờn điên đảo, xin mời bạn đọc đi vào thiên tuyệt bút Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh.

Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh

- Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt
Toát hơi may lạnh ngắt sương khô
Nào người thay buổi chiều thu
- 4 Ngàn lau khóm bạc lá ngô đồng vàng
Đường bạch dương bóng chiều man mác
Ngọc đường lê lác đặc mưa sa
Lòng nào lòng chẳng thiết tha
- 8 Cõi dương còn thế nữa là cõi âm
Trong trường dạ tối tăm trời đất
Xót khôn thiêng phảng phất u minh
Thương thay thập loại chúng sinh
- 12 Phách đơn hồn chiếc lệnh đênh quê người
Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mồ cõi lẩn lửa đêm đêm
Còn chi ai khó ai hèn
- 16 Còn chi mà nói ai hiền ai ngu
Tiết đầu thu dựng đàn giải thoát
Nước tịnh bình tưới hạt dương chi
Muôn nhờ Đức Phật từ bi
- 20 Giải oan cứu khổ hồn về Tây Phương
- Nào những kẻ tính đường kiêu hãnh
Chí những chăm cướp gánh non sông
Nói chi đương thuở thị hùng
- 24 Tưởng khi thế khuất vận cùng mà đau
Bỗng phút đầu đá bay ngói lở
Khôn đem mình làm đũa thất phu
Giàu sang càng nặng oán thù
- 28 Máu tươi lai lã xương khô rã rời
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc
Quý không đầu van khóc đêm mưa
Đã hay thành bại là cơ
- 32 Mà u hồn biết bao giờ cho tan.
- Nào những kẻ màn lan trướng huệ
Những cây mình cung quế Hằng Nga

- Một phen thay đổi sơn hà
 36 Mảnh thân chiếc lá biết là làm sao
 Trên lầu cao dưới dòng nước chảy
 Phận đã đành trâm gãy bình rơi
 Khi sao đông đúc vui cười
 40 Mà khi nhắm mắt không người nhật xương
 Thảm thiết nhẽ không hương không khói
 Hồn ngẩn ngơ dòng suối ngàn sim
 Thương thay chân yếu tay mềm
 44 Càng năm càng héo, càng đêm càng rầu.

- Nào những kẻ mũ cao áo rộng
 Ngồi bút son thác sống ở tay
 Kinh luân chất một túi đầy
 48 Đêm đêm Quán, Cát, ngày ngày Y, Chu
 Thịnh mãi lắm oán thù càng lắm
 Trăm loại ma mờ nắm chung quanh
 Nghìn vàng khôn đổi được mình
 52 Lầu ca viện xương tan tành còn đâu
 Kẻ thân thích vắng sau vắng trước
 Biết lấy ai bát nước nén nhang
 Cô hồn thất thiếu dọc ngang
 56 Mang oan hồn nhẽ tìm đường hoá sinh

- Nào những kẻ bài binh bố trận
 Đem mình vào cướp ấn nguyên nhung
 Gió mưa sấm sét ùng ùng
 60 Dãi thầy trăm họ làm công một người
 Khi thất thế cung rơi đạn lạc
 Bãi sa trường thịt nát máu rơi
 Bơ vơ góc biển bên trời
 64 Nắm xương vô chủ biết vùi nơi nao
 Trời thăm thăm mưa gào gió thét
 Khí âm huyền mờ mịt trước sau
 Ngàn cây nội cỏ dầu dầu
 68 Nào đâu điếu tể nào đâu chung thường.

Cũng có kẻ tính đường trí phú
 Làm tội mình nhịn ngủ bớt ăn

- Ruột rà không kể chí thân
 72 Dấu làm nên nữa dành phần cho ai
 Khi nằm xuống không người nhấn nhủ
 Cửa phù vân dù có như không
 Sống thời tiền chảy bạc ròng
- 76 Thác không đem được một đồng nào đi
 Khóc ma mượn thương gì hàng xóm
 Hòm gỗ da bó đóm đưa đêm
 Ngẩn ngơ nội lộc đồng chiêm
- 80 Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu
 Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý
 Dẫn mình vào thành thị lân la
 Mấy thu lia cửa lia nhà
- 84 Văn chương đã chắc đâu mà trí thân
 Đọc hàng quán phải tuần mưa nắng
 Vợ con nào nuôi nắng khem kiêng
 Vội vàng liệm sắp chôn nghiêng
- 88 Anh em thiên hạ lảng giềng người đứng
 Bóng phần tử xa chừng hương khúc
 Bãi tha ma kẻ đọc người ngang
 Cô hồn nhờ gởi tha phương
- 92 Gió trăng hiu hắt lửa hương lạnh lùng.

- Cũng có kẻ vào sông ra biển
 Cánh buồm mây chạy xé gió Đông
 Gặp cơn giông tố giữa dòng
- 96 Đem thân chôn rấp vào lòng kinh nghệ.

- Cũng có kẻ đi về buôn bán
 Đòn gánh tre chửi rạn hai vai
 Gặp cơn mưa nắng giữa trời
- 100 Hồn đường phách sá lạc loài nơi nao.

- Cũng có kẻ mắc vào khoá lính
 Bỏ cửa nhà gồng gánh việc quan
 Nước khe cơm vắt gian nan
- 104 Dãi dẫu nghìn đặm lấm than một đời
 Buổi chiến trận mạng người như rác
 Phận đã đành đạn lạc tên rơi

Lập lòe ngọn lửa ma trời
108 Tiếng oan vắng vắng tối trời càng thương.

Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp
Liều tuổi xanh buồn nguyệt bán hoa
Ngẩn ngơ khi trở về già
112 Ai chồng con tá biết là cậy ai
Sống đã chịu một đời phiền não
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa
Đau đớn thay phận đàn bà
116 Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu.

Cũng có kẻ nằm cầu gối đất
Rời tháng ngày hành khát ngược xuôi
Thương thay cùng một kiếp người
120 Sống nhờ hàng xứ chết vùi đường quan.

Cũng có kẻ mắc đoàn tù rạc
Gởi mình vào chiếu rách một manh
Năm xương chôn rắp góc thành
124 Kiếp nào cõi được oan tình ấy đi.

Kìa những đứa tiểu nhi tím bé
Lỗi giờ sinh lia mẹ lia cha
Lấy ai bằng bé xót xa
128 U ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng.

Kìa những ai chìm sông lạc suối
Cũng có người sẩy cội sa cây
Có người gieo giếng thất dây
132 Người trôi nước lũ kẻ lậy lửa thành
Người thì mắc sơn tinh thủy quái
Người thì sa nanh sói ngà voi
Có người hay để không nuôi
136 Có người sa sẩy có người khổn thương.

Gặp phải lúc cùng đường lỡ bước
Cầu Nại hà kẻ trước người sau
Mỗi người một nghiệp khác nhau
140 Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ

- Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi
Hoặc là nường ngọn suối chân mây
Hoặc là điểm cỏ bóng cây
- 144 Hoặc là quán trọ cầu này bơ vơ
Hoặc là nường thần từ Phật tự
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông
Hoặc là trong quăng đồng không
- 148 Hoặc nơi gò đống hoặc vùng lau tre
Sống đã chịu mọi bề thãm thiết
Ruột héo khô dạ rét căm căm
Dãi dầu trong bấy nhiêu năm
- 152 Thở than dưới đất ăn nằm trên sương
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn
Lặn mặt trời lẩn thẩn tìm ra
Lôi thôi bỗng trẻ dất già
- 156 Có khôn thiêng nhẽ lại mà nghe kinh.

- Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ
Bóng hào quang cứu khổ độ u
Rắp hoà tứ hải quần chu
- 160 Nã phiến trút sạch oán thù rửa không
Nhờ đức Phật thần thông quảng đại
Chuyển pháp luân tam giới thập phương
Nhờ như Tiểu Diện Đại Vương
- 164 Linh kỳ một lá dẫn đường độ sinh
Nhờ Phật lực oai linh dưng mãnh
Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao
Mười loài là những loài nào
- 168 Gái trai già trẻ đều vào nghe kinh.

- Kiếp phù sinh như bào như ảnh
Có chữ rằng: Vạn cảnh giai không
Ai ơi lấy Phật làm lòng
- 172 Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi
Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo
Của có chi bát cháo nén nhang
Gọi là manh áo thoi vàng
- 176 Giúp cho làm cửa ăn đường thẳng thiên
Ai đến đấy dưới trên ngồi lại
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu

Phép thiêng biến ít thành nhiều
 180 Trên nhờ Tôn Giả chia đều chúng sinh
 Phật từ bi hữu tình phổ độ
 Chớ ngại rằng có có không không
 Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng
 184 Nam mô nhất thiết siêu thắng thượng đài.

*Toàn văn trích từ “Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du”
 của Nguyễn Đăng Thực, Nxb Xuân Thu, California, Hoa kỳ, 1991.*

CHÚ THÍCH

Quản: Quản Trọng, tể tướng, giúp Tể Hoàn Công dựng nghiệp bá thời Xuân Thu.

Cát: Gia Cát Lượng, thừa tướng của Lưu Bị thời Tam Quốc.

Y: Y Doãn, danh thần nhà Chu.

Chu: Chu Công Đán, con Văn Vương, em Võ Vương. Ông là một trung thần, còn chế ra lễ nhạc và những qui cách về quan hôn tang tế.

Nại hà: tên một con sông đầy máu và mùi tanh hôi ở địa phủ. Theo thuyết nhà

Phật, con người sau khi chết hồn vất vưởng đi qua cầu nại hà. Bờ bên kia có hai lối rẽ: một dành cho người ác về địa ngục chịu cực hình, một dành cho người thiện đi đầu thai hoá kiếp.

Tiểu Diện Đại Vương: tức Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tên của một vị Bồ Tát hiện thân ở giữa khoảng người, trời và địa ngục để cứu giúp chúng sanh. Thường được người đời cầu nguyện để mong cho vong linh người chết được tiêu trừ tội ác gây ra lúc còn sống.

Bào ảnh: bọt nước và cái bóng. Lấy ý từ kinh Kim Cương: Tất cả mọi việc trên đời như giấc chiêm bao, như giọt nước, như cái bóng.

Vạn Cảnh Giai Không: mọi sự mọi vật trên đời đều là không. Lấy ý từ kinh

Bát Nhã: Sắc tức thị không, Không tức thị sắc.

Tôn Giả: Đấng được thế gian tôn kính, có thể hiểu riêng ở đây là Phật Như Lai, Đức Thế Tôn.

LÊ THÁNH THƯ

Ngày Lễ

Con chim đầu tiên chết khát
người đi tắt về tắt
mim mĩm cười với chiếc lông chim
đường bên ai rung rẩy váy
khoe bầu vú hoa thuốc phiện

đêm dầm ớt hiểm
người nơi đầu về
da xanh màu rêu nấu chín
đức tin có bằng hạt cải
vẫn lần gieo bát quái
càn
khôn
ly
tốn
chấn
cấn
khảm
đoài
tám phương gào chung phận
người quên đương số đại nạn
tháng năm ớt hiểm
ngày lễ...

THẬN NHIÊN

Tina

Nốt ruồi trên ngấn cổ cao
Vĩ cầm rơi xuống
Vũng ngực sâu

Ẩn hương ngạt ngào mơ tôi
Môi tôi chìm bờ thanh xuân
Móng son níu vai rướm máu
Trái ngon giữa mùa ươm mật
Vuốt ve mềm thơm thịt da

Buổi sáng nào trôi
Điệu Blues rã rời
Ngày còn lại
Mẫu son môi...

HUY TƯỜNG

Kịch Bản Mâu,

Những bông hoa cúi gằm xuống chiều tối
Niềm bơ vơ nứt trắng tường vôi trắng
Và ngày đã hát rêu
Và vết thương đã nhân vật
Réo xanh
Ồn cong trời tĩnh tịch...

Hồi Một

Gió cuốn trắng như lửa
Tím hỗn xược
Trống trênh
khung tro xám.

Người đàn bà thất tiết một ngày vô danh
(Đau ran thớ gỗ)
Kêu
Hoảng
Giấy giữa cơn mơ rắn lục. Và trườn lên sinh
phần Chàng. Trắng rất buốt!

Hồi Hai

Ngủ hờ
Mắt ngủ ngôn sẫm ngọn.

Không còn.
Sẽ không còn thừa chim chuyền chũu nắng
Và mặt trời huyền náo
đỏ
trên tay Chàng rát bỏng
chổi xanh...

Hồi Ba

Bóng tối liếm quanh khuôn mặt Nàng
Buổi chiều và chiếc lưới mầu tro
Cựa mình hoen đốm lửa
Rừng rức mắt mèo mun. Đêm khản cơn mê.
Ngỡ
ngỡ
nổi người.

Hồi Bốn

Đêm
ngập tiền sử
Chàng cắn chặt vết nứt dài (...)
Hươ
Hươ mù tối
Giục giã mặt trống chiều huyết dụ...
...thăm thăm
vẳng
chút tinh sương gạch non!

Hồi Năm

Lấp kín mình
Chàng trôi giạt đáy khuya
Duỗi thẳng ký ức
vĩ cầm nâu
Không tìm thấy phẩm tiết
(...) trao tặng Nàng!

Lấp kín mình
Chàng rơi hút vào vết thương.
Nhớ kiếp...

Hồi Vĩ Thanh

Lừng lững
Chân bồ câu mặt gấu
Ăn tham lam bóng mình
Liếm sạch giấc mơ...
Không có đoạn kết chốn bụi mờ
Khuya
nghênh chái mờ
Đẹp vô cơ nơi lòng chợt vắng
Đầm ã nổi tự sát
Cười
vui tan mầu
Lem
luốc
hình nhân!....

*Sàigòn, cuối tháng 4, đầu tháng 5 - 1975.
(Chợt nhớ: rất cần thiết chép lại để tặng Ng.Q. Trụ)*

NGUYỄN TẤN CỨ

Tôi Xin Phát Biểu!

Tôi phát biểu về văn chương
bằng cái đầu sơ cấp
trong học bạ có ghi lời phê cô giáo
bình thường thôi - nhưng trực tính có thừa

Tôi phát biểu về văn chương
bằng văn phong việt ngữ
cách phát âm giọng miền trung ngắc ngứ
trong lí lịch có ghi: xuất thân từ bụi chuối
thành phần bản nông cha mẹ dân thường!

Đừng cười tôi - thưa các ngài khanh tướng
thưa các nhà thơ nhà văn mặc áo mào cung đình
thưa các vị đại thần muôn vàn tôn kính
các vị đã một thời tin vào mình chính trực
tin vào sự trong sáng của dân gian mà thơ túi rượu bầu

Tôi xin phát biểu - về thi ca
bằng cái đầu thường dân cấp một
mới biết chữ sau năm 75 những tối học vẫn
bắt đầu biết đọc sách sau mùa diệt dốt
tôi biết Tố Hữu - Chế Lan Viên là những vị Đại thần!

Thưa các bà Mệnh phụ phu nhân yêu quý
thưa các cô nương đang đứng gác chợ trời
thưa các công tử đang chơi trò rượt bắt
thưa các quan ông đang ngồi - sầu ngất lạnh
các vị hết việc làm sao mà trách đất than trời?

“Bọn lẩm lời các anh làm gì dưới thấp
các anh la hét chưa đủ sao...im lặng!”
im lặng - có nghe không - im lặng!
Tôi xin phát biểu - các anh đừng nóng mặt
đừng có la hét lung tung mà hãy yên lặng nào

Lặng yên! lặng yên nào - hãy ngồi yên mũ nón?
mỗi tác phẩm đi ra từ trái tim
các anh cho là...bệnh hoạn
còn cái trơn tuột như...lươn các anh bảo thiên tài!

Tôi phát biểu về văn chương...nình bợ
cả một quả địa cầu đâu phải hết đất cho Thơ
thơ đăng báo của các anh tôi cho là tầm cỡ
tầm cỡ háo danh - trí thức lập lờ

Thưa các nhà thơ không xương sống
các vị uốn lưỡi còn hay hơn tục ngữ ca dao
Còn tôi - tôi ghét thứ lưỡi không nhiều điều lếu láo
cứ như em đây là một mực yêu chồng (?)

Thưa các vị quan văn rất chi là uy vũ
các vị hết việc làm chưa mà huân chương lấp lánh
trong túi áo của các ngài nhét đầy công văn quyết định
thuyên chuyển đồng chí Ng - khai trừ nhà thơ Z
các ngài hả hê - sung sướng đến lạ kỳ

Tôi xin phát biểu - bằng thơ - không phải thơ (?)
hay là cái chi chi cũng được
chỉ xin các vị ngồi yên đừng động đậy
mũ và nón xin treo vào đúng chỗ
cái đầu của thường dân tôi - mưa nắng đã nhiều (!)

Thưa các vị quan văn quan...thơ?
huân chương của cái vị đâu
sao văn chương như mây mù yếm thế
các vị bay...bay...như là...mây
còn chúng tôi - thì không thể hàm ơn mưa móc
không thể uốn lưỡi lưu manh cho gái điếm phải lòng

Ngồi yên! ngồi yên - tôi xin phát biểu
các vị lại nóng rồi - tôi xin chấm hết
chấm hết - bằng tư cách một phó thường dân số 1
tôi không thích tranh luận lan mang dành đất lấn bờ

còn la hét thì...xin thua thôi
xin nhường cho các quan một đời lọc lõi
thích tán nát văn chương - bằng con mắt Hội phường!

TỪ ĐIỂN THƠ

Kẻ Sĩ thực hiện

Houston, ngày 15 tháng 7 năm 1995

VỀ chuyện Từ Điển Thơ

Thư Gửi Bạn Đọc và Bằng Hữu

Chúng tôi một hôm bàn chuyện thơ với nhau bỗng nảy ra ý kiến muốn thực hiện một cuốn từ điển thơ. Kể là ở Tây phương những cuốn sách Khoa Từ Điển về Thơ của họ tuy rất đầy đủ nhưng có một số kiến thức người Việt không cần đến, ngược lại họ không có đầy đủ những từ, cổ, điển, tích về thơ của chúng ta nói riêng, Đông phương nói chung. Ở nước ta cho đến nay vẫn chưa có một cuốn từ điển về thi ca cho đúng nghĩa. Vậy chúng tôi có lòng hăm hở muốn làm một chút công lao.

Có lòng nhưng lại thiếu sức. Muốn thực hiện cuốn từ điển tạm đủ không phải là công trình của một vài người, nhất là điều kiện thời giờ và tài chánh bị giới hạn, chưa kể những lúc bị giới nghiêm. Sự thiếu thốn thời giờ và tài chánh sẽ đưa đến những khó khăn về tìm kiếm, nghiên cứu, kiểm chứng tài liệu và nhiều biến chứng khác nữa. Tôi có một kinh nghiệm điển hình xảy ra trong gia đình: Năm ấy con gái tôi bước vào tuổi dậy thì, tôi nghĩ rằng muốn dạy con cho đúng theo hoàn cảnh mới, tâm lý mới, tương tranh Việt Mỹ phong hóa, tôi phải nên tìm hiểu sách vở và kinh nghiệm. Tháng tháng trôi qua, vào ra thư viện, mỗi ngày đâu được bao giờ, bên cạnh ăn làm, đau ốm. Vậy mà tôi vẫn rần. Chẳng bao lâu tôi có khá đủ vốn liếng về tâm lý tuổi dậy thì, phương pháp hướng dẫn, giải quyết những va chạm xung đột giữa cha con, mẹ con... v...v... Bạn biết không, khi ấy con gái tôi đã quá thời dậy thì rồi. Cái vốn này để dành cho đứa sau vậy.

Điều khó khăn kế tiếp là đa số chúng tôi là những tay ngang, biết ít sinh ngữ, sang hàng dịch thơ, dịch bài. Một vài anh em biết được tiếng Hoa, tiếng Hán; đa phần chỉ đọc được tiếng Anh hoặc thêm tiếng Pháp. Cái khó thứ nhất còn rần được, cái khó này không thể rần. Vậy sau hồi hăm hở bàn tới, chúng tôi bắt đầu thối lui. Chuyện ấy gác đi đã khá lâu rồi.

Hôm nay mang ra lại. Kể là chúng tôi có anh bạn dẫn con nhỏ đến Hội Trẻ Nghiên Cứu Nữ Khoa Học trong tuần lễ triển lãm hoạt động của kiến ở Houston. Gặp nhau anh ấy nói, con kiến nhỏ chút tẻo không bằng hạt thóc vậy mà chúng xúm vào kéo, thay nhau xúm vào tha thóc, tha mấy tuần là đầy cả hang. Giá mà mình dám xúm lại tha như kiến, việc gì lại chẳng xong.

Tại sao không? Hôm nay chúng tôi mang ra hỏi xem các bạn đọc và các bằng hữu ở khắp nơi rằng, nếu các bạn chịu xúm vào thì việc gì chẳng xong. Nói một cách kỹ hơn là đặt công việc này thành công trình chung của Người Việt. Ai biết được, tìm được, dịch được những gì liên hệ đến thơ: Đông, Tây, Từ, Tích, Điển, Cổ, Môn Phái, Phong Trào, Chính truyện, Ngoại truyện xin gửi về cho chúng tôi. Kèm theo tên tuổi, địa chỉ, điện thoại để tiện việc liệt kê và kiểm soát. Chúng ta lấy một tên chung là *Kẻ Sĩ thực hiện cuốn Từ Điển Thơ*. Mỗi từ ngữ, sau bài viết sẽ để tên người viết. Nếu có nhiều người cùng viết sẽ liệt kê tên theo thứ tự ABC. Đây là một công việc lâu dài, nhiều người, nhiều thế hệ sẽ tiếp tay nhau. Càng đông chúng ta càng vui, càng có kết quả đồ sộ. Xúm nhau vào như kiến việc gì chẳng xong. Trong khi chờ đợi tài liệu đầy đủ để in thành sách, *Tạp Chí Thơ* sẽ dành cho chúng ta một phần đặc biệt để đăng dần những bài viết này. Gọi là bản nháp để chúng ta ở khắp nơi tiện việc tìm hiểu thêm, góp ý, sửa sai cho kẻ sĩ thêm tình sĩ khí.

Giải quyết được khó khăn thứ nhất, chúng tôi cũng như các bạn đều sẽ gặp phải khó khăn thứ hai: tay ngang. Nói cho cùng, sở dĩ chúng ta ngần ngại vì chúng ta sợ phải để tiếng danh *dở mà làm ẩu, dở mà làm cần*. Đúng, với một số vốn sinh ngữ thông thường, kiến văn giới hạn, nếu có người gọi chúng tôi là điếc không sợ súng cũng không quá sai, chúng tôi tự nhận cho sớm. Nhưng mục đích của chúng ta là tạo ra căn bản cho cuốn *Từ Điển*, việc đúng sai chúng ta sẽ tận hết sức trong mức giới hạn của đời sống hiện nay. Chúng tôi tin rằng khi cuốn *Từ Điển Thơ* ra đời sẽ có dịp nghiên ngẫm sửa sai mỗi lần tái bản. Thế hệ sau sẽ có kẻ sĩ khác thanh bình hơn, tài nghệ hơn, rộng lượng hơn sẽ chăm sóc cho xứng đáng hơn. *Hễ chăm được hạt thì cây sẽ mọc, hễ cây sinh rễ thì sẽ đâm cành, hễ rễ rậm, sâu thì cành cao lớn*. Chúng tôi mong được các bậc nghiên cứu chuyên nghiệp đóng góp một tay thì lỗi lầm sẽ nhẹ nhàng hơn.

Cái then chốt của cuốn *Từ Điển Thơ* này là xúm vào, ba năm, năm, mười năm, chúng tôi tin rằng sẽ có lúc. Cho dù không ra được cuốn *Từ Điển Thơ*, chúng ta cũng có thể ra một cuốn sách về thơ do các kẻ sĩ đóng góp.

Hãy thử tưởng tượng xem, một hôm nào khi chúng ta nhìn thấy một cuốn *Từ Điển Thơ* vài ngàn trang do chúng ta thực hiện. Nhằm lịch sự, khí thế, khiêu khích óc hiếu thức giữa chốn đông người. Một công trình chung cho ích lợi chung, sướng không? Với bằng chứng này, lịch sử này, ai dám bảo người Việt chúng ta thiếu đoàn kết?

Viết thay nhóm chủ trương
Ngu Yên kính mời.

Sơ Lược Sự Tổ Chức:

1 – Nhóm chủ trương, chúng tôi chủ trương không phân biệt chính trị, tôn giáo, địa phương, trong hay ngoài nước... Ai cũng có thể đóng góp và chúng tôi xin giữ quyền chọn lọc (editor) với sự đồng ý của tác giả nếu phải thay đổi hay cắt xén. Chúng tôi sẽ tận lực dịch thuật và bổ túc tài liệu trong giới hạn của thời giờ và hoàn cảnh. Quyển sách sử dụng căn bản hiện nay là *The New Princeton Encyclopedia of Poetry and Poetics* do Alex Preminger và T.V.F. Brogan chủ bút của Princeton University Press in 1993, bìa giấy mỏng giá \$29.50 U.S. Có bán tại các tiệm sách. Chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm việc đánh máy bài nếu viết tay, nếu bài viết bằng máy điện toán, chúng tôi sẽ chuyển sang cùng hệ thống, xin đính kèm tên software và tên hệ thống chữ Việt. Chúng tôi chịu trách nhiệm việc giữ bài, sắp xếp theo thứ tự từ ngữ ABC và trình bày cuốn Từ Điển Thơ. Tìm phương tiện ấn loát và phát hành. Vấn đề tài chánh và bản tặng sẽ thông báo sau. Chúng tôi sẽ liên lạc các tác giả bằng điện thoại hoặc thư từ tùy vào trường hợp.

2 – Nội dung của từ ngữ không có giới hạn nhất định. Có chữ chỉ cần định nghĩa trong một hàng, có chữ nửa trang, có chữ dài mười trang. Ví dụ như nói về Thơ Đường hoặc Siêu Thực thì không thể tóm gọn trong vài trang sách, nhưng có chữ như Ý Thơ hoặc Văn Ôm thì cũng không cần phải dài dòng. Nội dung của từ ngữ có thể dịch thẳng từ các Bách Khoa Từ Điển về Thơ của các quốc gia khác ví dụ như từ Thơ Trừu Tượng (Abstract Poem), có thể ghi chép tóm lược từ những sách vở khác ví dụ từ Lý Bạch, có thể nghiên cứu đúc kết thành một bài ngắn như từ Siêu Thực bên dưới. Nếu cần xin liên lạc để tránh việc mất nhiều thời giờ trùng một đề tài. Chúng tôi rất hân hoan tiếp nhận những ý kiến xây dựng của các bạn đọc và bằng hữu. Muốn tìm hiểu thêm chi tiết, bài vở, xin gửi về:

Từ Điển Thơ:
14234 Glasgow Place
Houston, Texas 77077

Fax: 713-589-2472 từ 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Sáu. Để chuông reng 6 lần, máy sẽ tự động bắt, nếu có người trả lời, xin báo cho họ biết bạn cần gửi fax.

Siêu Thực:

(*Bản Nháp lần thứ nhất*)

Định Nghĩa, Lý Thuyết và Kỹ Thuật
Lịch Sử và Diễn Biến
Thơ dịch tiêu biểu
Nhận định và phê bình
Siêu Thực và Thơ Việt

Định Nghĩa, Lý Thuyết và Kỹ Thuật:

Trong những trường phái và phong trào văn học của thế kỷ 20, Siêu Thực là một trong những phái nghệ thuật quan trọng, đặt nền tảng trên năng lực của vô thức, thực tính của nhục dục và cách thức linh hội sự vật, sự kiện xung quanh đời sống.

Dẫn đầu bởi thi sĩ người Pháp, André Breton (1896-1966). Trong tác phẩm *Manifesto of Surrealism* (xuất bản năm 1924) ông đã định nghĩa Siêu Thực qua hai ý niệm: một, nói về trạng thái và cách thức diễn tả; hai, nói đến tâm vóc và ảnh hưởng trong thực tế. Cả hai định nghĩa đều là những sơ niệm căn bản tách rời khỏi đường hướng chung về quan niệm nghệ thuật đang hiện hành và truyền thống ý thức mà con người dùng để lãnh hội thế giới bên ngoài lúc bấy giờ.

Định nghĩa thứ nhất đề xướng phương pháp Viết Vô Thức (automatic writing) (1). Thực hành bằng cách đề nén hoặc không để cho những hoạt động của ý thức ràng buộc tư tưởng trong lúc sáng tác, để tâm linh hoặc vô thức hướng dẫn ngòi bút diễn đạt tâm tư. André Breton nói rằng: *... để cho cách viết được thực sự tự động, trí óc phải thực sự tách rời khỏi sự ức chế của thế giới ngoại quan, cũng như những điều mà mỗi cá nhân chú trọng vì lợi ích riêng hoặc vì sự đa cảm tự nhiên... v...v... sự tách rời này gần giống như đường lối của Đông phương hơn là lối suy tưởng của Tây phương...* và khi đã nhập vào ngòi bút tự động, tâm tư sẽ xuống rất nhanh, có khi không kịp viết thành chữ, đây là lúc sáng tạo và khám phá mạnh mẽ nhất. Ngôn ngữ thoát khỏi những kềm chế bình thường nhập với ý tưởng, ý tưởng thật sự, đây là sự tự do của con người diễn tả bằng động tác và diễn đạt chính nó. Nếu tư tưởng được tự do thoát khỏi áp lực của suy lý, của luân lý hoặc của những giáo điều của thẩm mỹ, tác giả trong phái Siêu Thực tin rằng họ có thể tiến đến một cách diễn đạt thâm sâu hơn những cách diễn đạt nghệ thuật đang được công nhận vào thế kỷ 19 sang thế kỷ 20.

Định nghĩa thứ hai liên hệ rộng hơn về tư thế sống của con người. Siêu Thực là một sự tỉnh thức trước những sự thể mà nhân loại đã bỏ

quên. Từ trong những giấc mơ, từ những hấp lực của tình dục, từ những trạng thái tự do của tư tưởng, đã sang lên những nhận thức siêu linh, có thể mở ra con đường nghệ thuật mới và có thể giải tỏa những vấn đề khó khăn trong đời sống. Trong *Second Manifesto of Surrealism* (1929), André Breton đã xác định viễn ảnh của Siêu Thực như một mức thăng bằng cho nơi mà *sống và chết, thực tại và tưởng tượng, quá khứ và tương lai, thông đạt và không thông đạt, hình nhi thượng và hình nhi hạ của nhận thức đang mâu thuẫn*. Trong một cuộc phỏng vấn với Charles Henri Ford, tháng tám 1941, André đã có nói: *Siêu Thực quan tâm đến hai phương diện. Một là tính cách vĩnh cửu của nhân loại, hai là tính cách hiện tại, trí tưởng phải đi sâu vào nội dung của sự kiện, sự vật và bóc lên để thấy được những thâm kín tàng trữ bên trong*.

Ngôn ngữ là phương tiện thiết yếu để tạo ra tình trạng siêu thực bởi ngôn ngữ có khả năng gợi sống lại ước mơ, diễn tả những phi lý và vượt ra được những tư tưởng đóng khung, tâm tình đông lạnh, giáo điều độc tôn. Nền tảng của Siêu Thực là giá trị của ý nghĩa, không phải là ý nghĩa hiện thực hay thực tế cảm nhận bằng giác quan mà là ý nghĩa thật sự, ý nghĩa siêu hơn được nhìn thấy bằng con mắt tâm linh. Khi một kinh nghiệm xảy ra mang đến tư tưởng kèm theo ngôn ngữ, trong trạng thái siêu thực, tác giả phải lột trần sự thể, đi sâu vào sự vật để nhìn thấy giá trị lúc ban sơ, giá trị lúc chưa bị định giá bởi người đi trước. Giá trị này hoàn toàn ở nội tâm, đối tượng ở nội tâm không cần phải giống hoặc có lý với đối tượng ở hiện thực. Để diễn tả ngôn ngữ Siêu Thực người ta gọi là *Ngôn ngữ chưa có nếp nhăn* (chưa bị tuổi già, chưa cũ).

*Vợ tôi, tóc nàng như chùm lửa
 Ý tưởng như sét nóng chớp nhanh
 Eo nàng như đồng hồ số 8 (2)
 Eo như con Rái
 bị cọp nghiêng giữa hàm răng
 Miệng như phù hiệu cùng bó hoa sao
 lúc khởi đầu chiếu sáng
 Răng như dấu Bạch Thử bò trên tuyết
 Lưỡi bằng hổ phách và thủy tinh
 Lưỡi như bánh thánh bị dao đâm
 Lưỡi của búp bê biết nháy mắt
 Lưỡi như viên đá lạ thường*

.....
 Ví dụ bằng một đoạn mở đầu bài thơ *L'Union Libre* của André Breton cho thấy nghệ thuật Siêu Thực sử dụng óc tưởng tượng khi diễn đạt từ đối tượng hiện thực qua đối tượng siêu thực. Tùy vào mỗi tâm trạng, mỗi hoàn

cảnh, mỗi cá tính, sự liên tưởng mang đến những hình ảnh, màu sắc, động tác làm thành những hình tượng rất khác thường, đôi lúc thật vô nghĩa. Giá trị của những biểu tượng này không phải chắt chuốt chữ nghĩa như kỹ thuật của trường phái Lãng Mạn mà theo vô thức chủ quan của tác giả nhìn, cảm giác đối tượng thơ trong trạng thái tinh thuần thật chất của nó.

Điểm then chốt của kỹ thuật tạo hình ảnh, ý tứ trong nghệ thuật Siêu Thực là để trực giác và cảm quan *nhìn lại* sự vật, sự kiện:

Không bao giờ có tự do ngoại trừ sự tự do
(Jamais la liberté que por la liberté. A. Breton)

là để liên tưởng *tự nhiên* mang lại những nối tiếp hoặc so sánh hoặc liên tưởng mà không đòi hỏi sự hữu lý:

Mũi tôi dài như lưỡi dao
Mắt đỏ hoe vì cười quá độ
Ban đêm gói sữa và trứng
Chạy không quay đầu lại
Nếu hàng cây run sợ sau lưng
Tôi mặc kệ
Vô tâm, chợt nửa đêm đẹp khôn cùng
..... (Philippe Soupault)

Và thiên biến hơn hết là sức tưởng tượng, chỉ có sự tưởng tượng mới có thể dm con người lên đến mặt trăng trong vòng vài giây đồng hồ, khoa học phải mất gần đến 2,000 năm. Chỉ có sự tưởng tượng mới có thể mang đến những hình ảnh, ý tứ, kể cả âm điệu một cách mới mẻ nhưng bình thường như nhìn cái mũi thành một con dao. Và sự tưởng tượng này như giấc mơ ban đêm, hình ảnh ý nghĩa không theo thời gian không gian nào, không tuân theo thông lệ cá nhân, càng không theo lễ thói xã hội. Nói theo lý thuyết căn bản dựa trên S. Freud, giấc mơ là sản phẩm của vô thức. Giấc mơ trong khi sáng tác cũng như vậy nhưng là giấc mơ không ngủ.

II. Lịch sử và diễn biến:

Trường phái Siêu Thực thành hình giữa Thế Chiến lần thứ nhất và lần thứ hai, một phần lớn phát xuất từ những người lính sống sót trở về sau chiến tranh, họ phản kháng lại những truyền thống của xã hội, những qui luật của quân đội, những sáo mòn của những giá trị sống đương thời. Họ đi tìm một lối thoát mới. Thời kỳ này chia làm bốn giai đoạn.

Tư tưởng khởi đầu mang gốc rễ từ nhà thơ Baudelaire và nhà thơ Nerval. Trong nhiều tác phẩm thơ cũng như văn xuôi, thi sĩ Charles Pierre Baudelaire (1821-67) đã đem *sự lạc hưởng của nhục dục* vượt ra những

giới hạn tốt xấu của luân lý thời ấy (*Les Fleurs du Mal*). Bằng những kinh nghiệm ảo giác của thuốc phiện và cần sa, ông đã tạo ra từ ngữ mới: Seer, là từ ngữ sẽ được Arthur Rimbaud (1854-1891) sử dụng và đào sâu trong tác phẩm “*Alchemy of the Word*”. Và ý nghĩa của từ ngữ này đã trở thành cơ sở căn bản cho lý thuyết Siêu Thực.

Gérard de Nerval (1808-55) trong tác phẩm Aurélia đã tiến vào một thế giới lẫn lộn giữa sự tỉnh táo và sự điên loạn, giữa ý thức và vô thức. Tác phẩm này đã trở thành kiểu mẫu cho tác phẩm *Nadja* (1928) của André Breton. Gérard de Nerval đã đi trước những người đồng thời vì đến đầu thế kỷ 20, nhà phân tâm học Sigmund Freud mới thực sự tiến vào khám phá thế giới vô thức. Từ năm 1909 trở đi, những kết quả thí nghiệm của S. Freud mới được số đông quan tâm đến. Lý thuyết Siêu Thực đặt trọng tâm và xây dựng trên hoạt động và năng lực của vô thức.

Nguồn gốc Siêu Thực còn có những liên hệ với những nhà văn nhà thơ khác như Novalis, Achimvon Arnim, Jean Paul, và E.T. Hoffman.

Giai đoạn thứ hai liên tạo bởi thi sĩ Rimbaud (1854-91) và thi sĩ Comte de Lautréamont (1846-70). Vào cuối thế kỷ 19, hai thi sĩ này đã quay lưng lại nền thi ca của lý trí đương thời để đi tìm một bản thể mới. Nhất là Rimbaud, có thể nói ông là người tạo nên bước phiêu thai cho lý thuyết Siêu Thực.

Tiếp theo là các nhà thơ Mallarmé, Saint Pol-Roux, Reverdy, Apollinaire, Mallarmé và Apollinaire là hai nhân vật đáng kể nhất. Trong bài thơ cuối cùng, *Collines*, Apollinaire đã diễn tả một khuôn mẫu thi sĩ mới, *thành thật hơn, sống động hơn, hiểu học hơn*.

Apollinaire có sử dụng danh từ Siêu Thực (surréaliste) trong vở kịch *Les Mamelles de Tirésias* nhưng không đồng nghĩa với danh từ Siêu Thực khi phái Đa Đa bắt đầu thành lập năm 1919 do thi sĩ Tristan Tzara (1892-1963), ông đến Âu Châu từ Đức Quốc.

Đến năm 1924 một nhóm thi sĩ tách rời khỏi phái Đa Đa thành lập phái Siêu Thực, người dẫn đầu phái mới này là André Breton. Phái Đa Đa sau một thời gian ngắn khuấy động đã khai tử và chính người sáng tạo ra Đa Đa, Tristan Tzara, cũng gia nhập vào Siêu Thực.

Dưới sự lãnh đạo của André Breton, phái Siêu Thực lớn mạnh bởi sự tham dự của nhiều thi sĩ tài danh như Louis Aragon, Antonin Artaud, René Crevel, Robert Desnos, Paul Éluard, Benjamin Péret và về sau là Tristan Tzara. Bên nhiếp ảnh có Max Ernst... bên hội họa có Salvador Dali... Thời gian lịch sử của Siêu Thực là thời gian từ 1924-1939, những bài viết về lý thuyết, thơ, văn Siêu Thực đã xuất hiện dồn dập trong những tờ báo như *Révolution Suréaliste* (1924-1929), *Le Surréalisme au Service de la Révolution* (1930-1933). Có một giai đoạn Siêu Thực nhập chung với Đảng Cộng Sản Quốc Tế nhưng đã tách ra kịp thời.

Thế hệ thứ hai của Siêu Thực gồm có René Char, Aimé Césaire, Leopold Senghor, Julien Gracq, Jean Mayoux, David Gascoigne.

Giai đoạn cuối cùng xảy ra ngay sau Thế Chiến Thứ Hai, gọi là Tân Siêu Thực (Neosurrealism) tham dự bởi những nhà Siêu Thực tên tuổi như Cesar Moro, Octavio Paz, Aldo Pellegrin, Enrique Molina... Bên hội họa có Toyen, Archile Gorky, Matta, Dorothea Tanning... Mặc dù André Breton vẫn phủ nhận tên gọi Tân Siêu Thực, theo ông chỉ có Siêu Thực và Siêu Thực của mỗi thời đại mà thôi.

Những tác phẩm đại cử cho Siêu Thực giữa hai thế chiến là *Capitale de la douleur* – 1926 của Paul Éluard, *Le Revolver à Cheveux Blancs* – 1932 của André Breton, *Corps et Biens* – 1930 của Denos, *De Derrières les Fagots* – 1935 của Péret.

Từ sau Thế Chiến Thứ Hai, bên cạnh Siêu Thực, Tân Siêu Thực còn có nhiều phong trào, phe phái khác sử dụng kỹ thuật sang tác của Siêu Thực nhưng không hẳn thuộc về Siêu Thực. Ví dụ như các nhánh Khôì Hải Đen, Dị Tưởng, Khiêu Dâm... Nhiều tác giả thuộc tính cầu kỳ áp dụng kỹ thuật Siêu Thực không đúng đắn, ngã vào sự lập dị của ý tứ và sự phi lý thái quá của ngôn từ. Như André Breton đã có nói: *Siêu Thực tìm thấy từ ngay trong bản thể hiện thực, không phải bằng óc hoang tưởng.*

Siêu Thực còn sống hay đã chết? Hiện nay là tùy vào mỗi lập luận. Theo Roger Shattuck, tác giả *Banquet Years*, Siêu Thực đã chấm dứt từ năm 1952 nhưng André Breton không chịu chính tay chôn cất nó.

Và André vẫn là người lãnh đạo phái Siêu Thực cho đến cuối cuộc đời. Ông mất vào ngày 01, tháng 10, năm 1966. Trên bia mộ ông, có khắc câu *"Tôi đi tìm thời đại hoàng kim"* (Je cherche l'or du temps).

Thơ dịch tiêu biểu:

(Tôi không có ý định dịch những bài thơ tiêu biểu của mỗi tác giả vì thường là những bài quá dài. Tôi chỉ tạm dịch vài bài của vài tác giả tiêu biểu cho phái Siêu Thực để làm thí dụ)

ANDRÉ BRETON (1896-1966)

Tiki

Ta yêu em bằng một đại dương
 Đỏ như quả trứng tự thở còn xanh
 Em mang ta đến nơi quang đãng
 Êm như sờ lông Cút trên tay

Em cho ta tựa bụng đàn bà
 Như tựa vào cây Ô-liu trái ngọc
 Em giữ cho ta thẳng bằng
 Rồi thả ta nằm xuống
 Trong liên hệ cuộc đời
 Trước đó và sau đó
 Dưới mí mắt ta đã cao su.

PAUL ÉLUARD (1895-1952)

Tình nhân

Nàng dẫm lên đôi mi
 Tóc quện trong tóc tôi
 Da nàng màu con mắt
 Thân nàng như bàn tay
 Trong bóng tôi nàng chìm tan biến
 Như viên đá giữa mênh mông trời

Nàng chẳng bao giờ nhắm mắt
 Không cho tôi nghỉ ngơi
 Giấc nàng mơ trong ngày sáng bừng
 Khiến mặt trời bốc hơi
 Khiến tôi đỡ khóc đỡ cười
 Khiến tôi nói khi không còn ý nghĩ

TRISTAN TZARA (1896-1963)

Con đường

Con đường nào đã ly tán chúng ta
 Qua chốn đó anh xòe tay tư tưởng
 Mỗi ngón tay anh viết một đóa hoa
 Cho cuối đường hoa đìu em chung bước

ROBERT DESNOS (1900-1945)

Bài khắc Mộ Bia

Ta đã sống thời ấy
Ta đã chết một ngàn năm rồi
Lúc còn sống
Ta không ngã gục nhưng bị săn đuổi
Những người đàn hoàng đã bị giam cầm
Ta tự do giữa nô nhân mang mặt nạ

Ta đã sống thời ấy, ta đã tự do
Ngắm trời cao, đất rộng, sông dài
Xoay quanh mình, thiên nhiên hòa điệu
Mùa gọi chim về, dâng mật ong

Hỡi người đang sống
Có được gì trong may mắn hôm nay?
Có tiếc chẳng thời ta phản động?
Có góp sức trồng chung mùa gặt?
Có làm đẹp thêm phố ta sinh thời?

Hỡi người đang sống, đừng sợ
Vì ta đã chết rồi
Chẳng còn gì khi hồn xác đã hư vong

JACQUES PRÉVERT (1900-1977)

Bữa Ăn Chiều Cuối Cùng

Họ ngồi vào bàn
Không ăn
Không đụng đến chén đĩa
Những chiếc đĩa đứng dựng lên
Sau cổ họ

(* Nói về bữa ăn cuối của Chúa Giê Su và các tông đồ)

Nhận Định và Phê Bình

Lối sáng tác Automatic Writing thật ra đã thấy xuất hiện ở Trung Hoa thời Khai Đường. Vương Bột (649-675) là người giỏi tài văn thơ. Trước khi sáng tác thường mài mực, uống rượu cho say, đi ngủ, tỉnh dậy cầm viết viết một hơi là xong, không sửa chữ nào. Người đương thời cho ông có thuật *Phúc Cảo*, nghĩa là viết văn trong bụng. Xét theo khoa học ngày nay, ông mài mực để hành động báo hiệu cho vô thức, có thể lúc mài mực ông đã nghĩ ngợi về đề tài. Uống rượu say, đi ngủ là thả lỏng ý thức. Thức dậy viết một hơi là viết theo vô thức. Kỹ thuật này khiến ông trở thành một trong tứ kiệt văn thơ thời Sơ Đường.

Ưu điểm nhất của phái Siêu Thực là trả lại sự tự do cho nghệ thuật sáng tác, nghệ thuật này đã bị ý thức hướng dẫn và kềm chế từ thời Trung Cổ cho đến trọn thế kỷ 19. Vô thức là một khám phá quan trọng của nhân loại trong đầu thế kỷ 20 do nhà phân tâm học Sigmund Freud (1856-1939). Chuyển năng lực sáng tạo từ vô thức ra tác phẩm là một cuộc cách mạng lớn trong văn học.

Cái ưu điểm này cũng chính là cái khuyết điểm. Vô thức là một lâu đài rộng lớn, mơ hồ, huyền thoại mà ý thức là con đường độc đạo vào ra. Vô thức cần phải có ý thức thì mới xuất hiện được. Chính André Breton cũng phải công nhận rằng không thể nào tránh khỏi sự xuất hiện của ý thức khi sáng tác. Cuối cùng, phải chăng Automatic Writing là một sự phối hợp giữa vô thức và ý thức? dù ý thức chỉ là một yếu tố lót đường. Trong thực tế thực nghiệm sự sang đổi giữa trạng thái chìm vào vô thức để viết tự động và trạng thái bình thường có ý thức chỉ là một thoáng của tích tắc. Chính tác giả cũng khó mà phân biệt.

Ở một khía cạnh khác, khi sáng tác, tác giả phải lựa chọn hình ảnh hoặc ý tưởng xuất hiện. Dù kỹ thuật Siêu Thực cho rằng hình ảnh, ý tưởng nào xuất hiện mạnh nhất, sáng chiếu nhất thì chọn cái đó nhưng hình ảnh mạnh nhất không hẳn là hình ảnh lộ trần được đối tượng thơ, ý tưởng nhất không hẳn là sang đối tượng thơ. Khó mà phân biệt giữa sự dị tưởng, hoang tưởng và sự tưởng siêu thực. Nhất là khi đối tượng hoặc cảm hứng đưa đến thơ chỉ là một cái gì trừu tượng, có khi bắt đầu bài thơ bằng một ý hay, một thao thức về nhân sinh hoặc một dãy ngôn ngữ làm rung cảm tác giả. Từ trừu tượng, Siêu Thực nhìn thấy một hình ảnh khác để diễn tả, có lúc thật khó tin cậy.

Chưa kể hình ảnh, màu sắc, hoạt động của đối tượng thơ theo vô thức của tác giả rất đổi đặc thù. Không hẳn thường ngoạn có thể chia sẻ một cách dễ dàng. *Tóc như chùm lửa, Răng như dấu chân chuột trắng chạy trên tuyết. Mũi như con dao...* tất cả những so sánh, liên tưởng ấy có thể trở thành chướng ngại cho độc giả.

Siêu Thực và Thơ Việt

(Sự ảnh hưởng của Siêu Thực vào Thơ Việt như thế nào là một đề tài cần nhiều tài liệu và nhiều thời gian nghiên cứu nghiền ngẫm. Ở bản nháp này tôi chỉ phác họa đề mục. Rất mong sự đóng góp của các bạn đọc và các bậc học giả chuyên môn để chúng tôi có thể trình bày đầy đủ hơn ở một dịp khác).

Ngũ Yên đóng góp

Ghi chú:

Nhiều người dịch là Viết Tự Động. Tôi nghĩ là Viết Tự Động không nói hết ý nghĩa của phương pháp này tuy nhiên dịch là Viết Vô Thức cũng có phần lệch lạc dù đó là căn bản của Automatic Writing.

Đồng hồ số tám là đồng hồ cát nhưng để số tám thì dễ tượng hình hấp dẫn của lũng ong.

Tài liệu tham khảo:

The New Princeton Encyclopedia of Poetry and Poetics.

Alex Preminger and T.V. Brogan.

Princeton University Press. 1993.

The Random House Book of Twentieth Century French Poetry.

Paul Auster. Random House, Inc. 1982.

Conversations: The Autobiography of Surrealism.

Mark Pollizzotti. Paragon House. 1993 First American edition.

The Poetry of Dada and Surrealism.

Mary Ann Caws. Princeton University Press. 1970.

Introduction : the Poetics of André Breton.

Jean Pierre Cauvin.